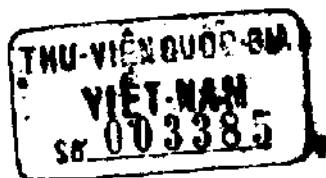


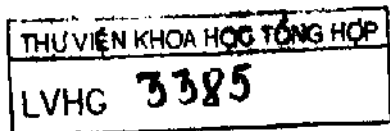
HỌC VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

QUYỀN TỰ-DO BÁO-CHÍ TẠI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA



HỒ THANH SƠN
Ban Cao-Học Hành-Chánh
Khóa VII
1971 - 1973



Học Viện Quốc Gia Hành-Chánh không
tán thành cũng không phản đối những
ý-kiến phát biểu trong luận-văn.
Những ý-kiến đó do tác-giả hoàn toàn
chịu trách nhiệm.-

T R I - Á N



Chân thành cảm tạ Giáo-Sư NGUYỄN-NGỌC-HUY đã chấp nhận làm Giáo-Sư hướng dẫn và cung cấp một số tài liệu quý-báu cho chúng tôi trong công-cuộc sưu-tầm.

Chúng tôi cũng thành thật biết ơn Giáo-Sư TRƯƠNG-HOÀNG LEM Phó Viện-Trưởng HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH, đã dành nhiều thời-giờ quý báu để tu-chỉnh những sơ sót trong bản văn chung thảo của tập luận văn này trong khi Giáo-Sư Hướng Dẫn NGUYỄN-NGỌC-HUY bận công-du ngoại quốc.

Ngoài ra chúng tôi không bao giờ quên ơn Thẩm Phán TRẦN-THỨC-LINH, vị Giáo-sư cũ của chúng tôi ở Lớp Báo-Chí Học-Viện Đại Học Đà-Lạt niên khóa 1969 - 1970. Những lời chỉ giáo của Ông ngày trước đã là kim-chỉ-nam trong công-cuộc sưu-tầm hôm nay của chúng tôi.

Sau nữa, còn nhiều nhân vật trong chính-quyền và báo giới đã giúp đỡ chúng tôi nhiều tài liệu và ý kiến có giá trị mà chúng tôi không biết làm sao tri-ân cho được trọn vẹn.

Cuối cùng, thành thật ghi ơn anh NGUYỄN-TẤN-THỜI, một người bạn đồng khóa, đã hết lòng giúp đỡ tài-chánh để chúng tôi ấn-loát tập luận văn này.

HỒ-THANH-SƠN
SAIGON
Tháng Bảy, 1973

- TRI ÂN	i
- MỤC LỤC	ii
- DẪN NHẬP	1
<u>PHẦN THỨ NHẤT : QUYỀN TỰ DO BÁO-CHÍ TRONG QUÁ KHỨ</u>	5
CHƯƠNG I : <u>NHỮNG LÝ THUYẾT CĂN-BẢN :</u>	6
1. Lý thuyết chuyên quyền	6
2. Lý thuyết tự do	8
3. Lý thuyết trách nhiệm xã-hội	13
CHƯƠNG II : <u>QUẢ TRÌNH CỦA QUYỀN TỰ-DO BÁO CHÍ TẠI VIỆT-NAM :</u>	16
1. Giai đoạn Pháp thuộc	16
2. Giai đoạn giao thời	18
3. Giai đoạn độc lập	21
<u>PHẦN THỨ HAI : QUYỀN TỰ-DO BÁO-CHÍ TRONG HIỆN TẠI</u>	25
CHƯƠNG III : <u>QUYỀN XUẤT-BẢN BÁO-CHÍ</u>	28
1. Căn bản pháp lý	28
2. Nhận xét	32
3. Những vấn đề thực tế	36
a. Tiền ký quỹ	36
b. Giấy in bao	39
CHƯƠNG IV : <u>QUYỀN PHÁT HÀNH BÁO-CHÍ</u>	43
1. Căn bản pháp lý	43
2. Nhận xét	44
3. Thực trạng của quyền phát hành	45
CHƯƠNG V : <u>QUYỀN HÀNH NGHỀ KÝ-GIẢ</u>	48
1. Căn bản pháp lý	48
2. Nhận xét	49
3. Chính quyền và ký giả	53

CHƯƠNG VI	: <u>QUYỀN TỰ DO NGÔN-LUẬN CỦA BÁO-CHÍ</u>	57
1.	Quyền hạn của báo-chí	57
	a. Căn bản pháp lý	57
	b. Nhận xét	59
2.	Trách nhiệm của báo-chí trước độc-giả	63
	a. Căn bản pháp lý	63
	b. nhận xét	64
3.	Trách nhiệm của báo-chí trước Chính quyền	65
	a. Căn bản pháp lý	65
	b. Nhận xét	
4.	Vấn đề chế tài báo-chí trong thực-tế.	72
	a. Ý nghĩa việc nạp bản	73
	b. Vấn đề chế tài	74
- K É T	L U Æ N	80
- T H Ữ	T Ị C H	83

II **Ĩ N - N H Ậ P**

-*****-

Quyền tự do ngôn-luận là một quyền căn bản của loài người, được tất cả mọi quốc-gia trên thế giới công nhận, kể cả các quốc gia Cộng-Sản. Từ thời Thượng-Cổ, các nhà hiền-triết ở Đông-Phương cũng đã quan niệm " Ý dân là ý Trời ". Điều 11 bản Tuyên-Ngôn Nhân-Quyền và Dân-Quyền 1789 đã thừa nhận : " Mỗi công-dân có quyền viết, nói, in hoàn toàn tự do... ". Điều 19 bản Tuyên-Ngôn Quốc-Tế Nhân-Quyền được Đại Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc chấp thuận vào năm 1948 cũng đã ghi rõ : " Tất cả mọi cá-nhân đều có quyền tự do ngôn-luận và diễn đạt tư-tưởng..., kể cả quyền tìm kiếm, thu nhận và phổ biến vô biên những tin tức và ý tưởng bằng bất cứ phương tiện nào ".

Ngày nay, Hiến-pháp của tất cả các quốc-gia trên thế-giới dù thành văn hay tục-lệ, đều đã thừa nhận quyền tự do ngôn-luận. Ngoài tính cách cá-nhân, quyền tự do ngôn-luận còn là một quyền tự do tập thể bởi nó giữ một vai trò vô cùng quan trọng đối với xã-hội loài người. Nhờ quyền này, xã-hội được cải-thiện không ngừng. Nó còn là một phương tiện để gây sự thông-cảm giữa mọi người, mọi dân-tộc, giúp duy-trì hòa-bình và cải tạo xã-hội. Tự do ngôn-luận còn là một vũ-khí sắc bén để xây dựng và bảo-vệ tự do, dân chủ, cũng như để tranh đấu và duy-trì các quyền tự do khác.

...../.....

Trong việc hành sử quyền tự do ngôn-luận, báo-chí là một phương-tiện hữu-hiệu nhất. Bởi ngoài sứ mạng giải-trí quần chúng, báo chí còn đảm-trách ^{hài} sứ mạng quan trọng hơn là : Thông tin và nghị-luận. Có tự do thông-tin và tự do nghị-luận mới gọi là có tự do ngôn-luận.

Cuối thế kỷ 18, Sièyès, một chính-trị gia người Pháp đã tuyên bố :

"Tự do báo-chí là một quyền tự nhiên, luật-lệ không có ban bố tự do báo-chí mà chỉ lo bảo vệ tự do báo-chí".

Nhưng tự do báo-chí không phải là vô giới hạn. Cũng chính Sièyès nói thêm : " Đặt ra các giới hạn của tự do, trừng phạt mọi hành vi vượt khỏi giới hạn đó, nêu rõ tội trạng, qui-định hình phạt, trừng trị đích xác thủ phạm, ấn định thủ tục thẩm cứu và xét xử ... đó là nhiệm vụ của nhà lập pháp " (1). Năm 1769 trong cuốn "Phê Bình Luật-Lệ Nước Anh " (Commentaries of the Laws of England), Sir William Blackstone viết : " Tự do báo-chí là đặc tính của một nước tự do. Nó có nghĩa là trước khi xuất bản một tờ báo, không thể có hạn-chế, nhưng sau khi xuất bản, không phải là không có hình phạt. Nói khác, mọi người đều có quyền tự do ăn nói nhưng phải chịu trách nhiệm về những lời nói của mình." Ngày nay, Hiến-pháp và luật-pháp các quốc-gia trên thế giới khi công nhận quyền tự do báo-chí đều có đề ra những giới hạn của quyền này cùng với trách nhiệm của những sự vi-phạm.

(1) Trần Thức Linh, " Nhận xét qui-chế báo-chí."

Giảng-thuyết (Saigon : Trường Quốc-Gia Âm Nhạc, 22 tháng Hai 1970).

Nhưng tự do báo-chí không phải chỉ là một vấn đề pháp lý. Việc thực hiện quyền tự do báo-chí không phải chỉ do ở việc ban-hành một qui-chế báo-chí có tính cách cởi mở và tự do. Dĩ nhiên đó là một điều cần thiết, nhưng tự nó chưa đủ đưa đến một nền báo-chí tự do thật sự. Cần phải có những điều kiện thực-tế khác nữa.

Tại các quốc-gia đang trên đà phát-triển, phần đông các Chính-quyền không thích mở rộng cái phạm vi của quyền tự do báo-chí. Dù rằng Hiến-pháp tại các quốc-gia này vẫn thừa nhận quyền tự do ngôn luận, tự do báo-chí, nhưng chính quyền vẫn thường hay nêu cơ bảo-vệ trật tự công-cộng, bảo vệ thuần-phong mỹ-tục, bảo vệ an-ninh quốc-nội và quốc-ngoại để ra những đạo-luật hạn chế quyền này. Lại có những nơi tuy luật-pháp cho phép mở rộng phạm vi của quyền-lợi tự do báo-chí phần nào, nhưng sự thực hiện lại chẳng có gì đáng khích lệ. Do đó nếu chỉ căn cứ vào những đạo-luật về báo-chí để phán-đoán trình độ tự do báo chí của các quốc-gia kém mở mang thì thật là một sự sai-lầm lớn.

Cũng như đối với một số vấn đề khác, vấn đề tự do báo-chí tại các quốc gia kém mở mang đã rơi vào một cái vòng lẩn-quẩn : Vì chế độ chính-trị chưa thực sự dân-chủ nên báo chí không được tự do, và ngược lại vì báo chí không được tự do nên việc xây dựng dân-chủ gặp nhiều khó khăn trở ngại. Bao giờ cái vòng lẩn quẩn này được phá vỡ thì mới mong đi đến những kết quả tốt được.

Tại Việt-Nam, từ ngày tờ báo đầu tiên xuất hiện (1) đến nay đúng 108 năm . Bao nhiêu luật-lệ và chính sách đối với báo-chí đã được các nhà cầm quyền áp dụng. Tập Luận Văn này sẽ khảo sát quyền tự do Báo-chí tại Việt-Nam đã được luật pháp thừa nhận và sự hành sử quyền này trong thực tế, đặc biệt trong giai đoạn hiện tại.

(1) Tờ Gia-Định Báo xuất bản ngày 1.4.1865.

Phần thứ nhất sẽ đề cập tới những lý-thuyết báo-chí đã có ảnh-hưởng tới các chính-sách báo-chí tại Việt-Nam trong hơn 100 năm qua cùng quá trình của việc hành-sử Quyền Tự Do Báo-Chí cho tới ngày luật 019/69 ngày 30.12.1969 ra đời.

Phần thứ hai sẽ nghiên cứu luật-lệ chi-phối báo-chí Việt-Nam trong giai đoạn hiện tại cùng khía cạnh thực tế của quyền tự do báo-chí qua các chế độ xuất bản, phát-hành, ngôn-luận và qui-chế ký giả.

Người viết ước mong sự khảo sát này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn vấn đề thực hiện quyền tự do báo-chí hầu góp phần các lực vào việc xây dựng dân-chủ nước-nhà.

o
o) o

PHẦN THỨ NHẤT
QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ TRONG QUÁ KHỨ

Mỗi chế-độ chính-trị quan niệm vai trò của báo-chí một khác. Tại Việt-Nam, từ ngày TỜ GIA-ĐÌNH BÁO ra đời đến nay, sinh hoạt chính-trị trải qua nhiều cuộc thăng-trầm. Biết bao nhiêu chế độ được dựng lên rồi qua đi. Những chính-sách báo-chí khác-biệt đã được các chính-quyền nối tiếp áp dụng.

Phần thứ nhất của TẬP LUẬN VĂN này sẽ khảo-sát những lý thuyết báo-chí xét ra có ảnh-hưởng tới việc ban bố và hành sử quyền tự do báo-chí tại Việt-Nam từ xưa đến nay (Chương I), cùng quá trình của quyền này (Chương II).-



CHƯƠNG I

NHỮNG LÝ THUYẾT BÁO-CHÍ CỔ ANH-HƯƠNG

ĐẾN CÁC CHẾ ĐỘ BÁO CHÍ TẠI VIỆT-NAM.

Trải hơn 100 năm sinh-hoạt, báo-chí Việt-Nam đã chịu nhiều chế độ khác nhau. Mỗi chế độ chính-trị có một chính sách báo-chí riêng biệt. Những chính sách này đã bắt nguồn từ những lý thuyết báo-chí khác nhau. Sự khảo sát các lý thuyết này sẽ giúp ta tìm hiểu các chế độ báo-chí tại Việt-Nam một cách sâu sắc hơn.

Có ba lý-thuyết đã ảnh hưởng sâu xa đến thái-độ của chính quyền đối với báo-chí tại Việt-Nam từ xưa đến nay. Đó là các lý-thuyết : Chuyên quyền, tự do và trách nhiệm xã-hội.

Đoạn 1 : LÝ THUYẾT CHUYÊN QUYỀN

Lý thuyết chuyên quyền về báo-chí được xây dựng dựa trên nền tảng triết-lý của các triết-gia Platon, Machiavel, Hobbes, Hegel và Treitschke.

Theo lý-thuyết này, ý niệm tập thể quan trọng hơn ý niệm cá-nhân. Vì nhờ có tập thể mà cá nhân mới có thể hoàn tất được những mục tiêu của mình. Chính quyền lại là biểu-hiệu cao nhất của tổ chức tập-thể. Nếu không có chính-quyền, cá nhân sẽ bất lực trong việc phát triển để tiến bộ. Chính quyền sẽ quy định mọi cứu-cánh và phương tiện để thực hiện các cứu-cánh ấy.

Do đó, báo-chí, theo lý thuyết này, nên ủng-hộ và đề cao chính-sách của Chính-phủ đương quyền để chính-phủ có thể hoàn-tất những mục tiêu của mình. Xã hội có quyền bảo vệ hòa bình và trật-tự

...../.....

quần chúng, do đó có đủ quyền cấm phổ-biến những ý kiến mang chiều-hướng nguy hiểm. Theo các tác-giả lý-thuyết này thì : " Nếu mỗi tiếng nói thì thậm chí chính-phủ có thể quang-bá sự bất bình thì sẽ không có hòa-bình nào hết."

Áp dụng lý-thuyết chuyên quyền này đối với báo-chí, nhà cầm quyền các quốc-gia Tây-phương hồi thế kỷ 16 - 17 đã thường dùng ba phương-pháp sau đây để hạn-chế và kiểm soát báo-chí :

- Phương pháp thứ nhất là cấp những giấy phép độc quyền cho những phần tử được tuyển chọn xét ra không chống đối chính-sách của nhà cầm quyền.

- Phương pháp thứ hai là kiểm duyệt bài vở trước khi cho lưu hành trong quần chúng.

- Phương pháp thứ ba là truy-tố ra tòa vì các vi-phạm luật lệ. Phương pháp này được áp dụng khi hai phương pháp trước bị chống-đối quá nhiều và ngày càng tỏ ra thất bại. Có hai loại tội bị truy-tố khi báo-chí phạm phải là phản-bội và gây rối loạn. Phản-bội là tội dành cho các hoạt động làm lay chuyển nền tảng của chính-quyền. Gây rối loạn là tội dành cho các hành động châm-chích của những người bất mãn, ly-khai.

Ngoài ra, còn một phương pháp gián tiếp là cho áp dụng một chế độ thuế-khoá đặc biệt nhằm giới hạn số báo lưu-hành.

Lý thuyết chuyên quyền đã thịnh-hành ở các quốc-gia Tây-Phương vào các thế kỷ 16 - 17; đến thế kỷ 18 thì việc áp dụng không còn rộng rãi nữa. Vào thời cận đại, lý thuyết chuyên quyền lại được các nhà độc-tài Mussolini và Hitler áp dụng triệt để và phát-huy đúng

mức ở Ý và Đức, ngoài ra, lý thuyết của Cộng-sản Sô-Viêt về báo-chí cũng đã được khai-triển dựa trên phần lớn tư tưởng của các triết-gia lý thuyết chuyên quyền này.

Lý thuyết đã được dùng làm nền tảng cho các hệ thống báo-chí các quốc-gia kém mở mang ở thời cận đại. Ngày nay thì hầu hết các quốc-gia trên thế giới đều đã phủ nhận lý-thuyết này. Tuy nhiên ảnh-hưởng của lý-thuyết vẫn còn mạnh đến nỗi tại những quốc-gia thường rêu-rao là tôn trọng các nguyên-tắc tự do, nhưng thực tế vẫn cố kiểm soát báo-chí bằng nhiều phương-cách.

Đoạn 2 : LÝ THUYẾT TỰ DO

Lý thuyết tự do về báo chí được xây dựng dựa trên tư tưởng của triết-gia John Locke (thế kỷ 17) và được phát-huy bởi John Milton, John Erskine, Thomas Jefferson và John Stuart Mill sau đó.

Theo lý thuyết tự do, con người là một con vật duy-lý và tự nó là cứu-cánh của nó rồi. Hạnh phúc và đời sống an-lạc của cá-nhân là mục tiêu của con người, cũng là mục tiêu của xã-hội, và đặc biệt của chính-quyền. Chính-quyền được xem như một phương tiện có nhiệm vụ cung cấp cho cá-nhân một hoàn cảnh để cá-nhân thực hiện tiềm lực của chính mình, ngõ hầu đạt tới cứu-cánh là hạnh-phúc và sự an-lạc đã nói trên. Nếu chính-quyền thất bại trong việc thực hiện mục tiêu này, sẽ trở thành một trở ngại nên được bãi bỏ hay tu-chỉnh gắt-gao.

Lý-thuyết cho rằng quyền ngôn-luận là một quyền tự nhiên, một quyền có sẵn từ lúc con người sơ-sinh, quyền mà không ai có thể cướp đi, mặc dù việc sử dụng quyền này tạm thời bị cản trở. Chẳng có một nghĩa vụ nào đi theo quyền này cả.

Thi-sĩ người Anh, John Milton trong tác phẩm AREOPAGITICA đã cực lực bênh vực quyền tự do cho báo-chí. Ông cho rằng con người nên được tự do tiếp nhận không giới hạn những ý-kiến và tư tưởng kẻ khác. Ông đề ra nguyên-tắc " Thị trường công-khai của tư-tưởng " và " Lịch trình Tự-Chính " của báo-chí. Theo nguyên-tắc " Thị trường công-khai của tư-tưởng " thì hãy để cho mọi người có điều gì muốn nói được tự do phát-biểu ý-tưởng. Cái gì thật và lành mạnh sẽ tồn-tại, cái gì giả và óm-yếu sẽ biến đi. Chính-phủ nên đứng ngoài vòng chiến và đừng nên dẫn-đo này nọ để ủng hộ bên này hay bên kia. Và dù cho cái giả có tạm thời thắng lợi đi nữa, cái gì là thật do sự hấp dẫn thêm các lực-lượng phòng thủ, cuối cùng sẽ tồn-tại qua lịch trình tự chính.

Đối với Thomas Jefferson, báo-chí nên được tự do thoát khỏi sự kiểm soát của chính-quyền. Nhiệm vụ của báo-chí là tham dự vào việc giáo-dục cá nhân và đồng thời ngăn ngừa những sai-lạc của chính-phủ đối với mục tiêu tiên khởi đề ra. Ông cho rằng nếu một chính-phủ không thể chịu được sự chỉ-trích thì đáng bị lật đổ và sức mạnh của chính-phủ là ý-chí cho phép và khả năng chịu sự chỉ-trích của công chúng.

Ông cho rằng :

" Mục tiêu thứ nhất của chúng ta là nên mở rộng cho con người tất cả đường lối đưa đến chân-lý. Cái đường lối kiến-hiệu nhất tìm ra được từ trước tới nay là sự tự do báo chí. Cũng vì vậy, báo-chí bị bịt miệng trước tiên bởi những kẻ sợ sự điều tra về những hành động của mình. Sự kiên-quyết mà dân chúng đã đối phó những lạm dụng gần đây của báo-chí, sự nhận xét mà dân chúng đã tỏ ra trước chân-lý và giả tạo, chứng tỏ rằng

dân chúng đã tỏ ra trước chân-lý và giả tạo, chúng tỏ rằng dân chúng có thể được tin cậy để nghe tất cả những gì chân và ngụy, và đưa ra một phán-đoán đúng-dắn". (1)

John Stuart Mill, trong quyển On Liberty, đã nhấn mạnh đến sự quan trọng của tự do cá-nhân về ngôn-luận như sau :

" Nếu toàn thể nhân loại, trừ một người, đều cùng chung một ý kiến, và chỉ có một người này là có ý-kiến trái-ngược lại, thì trong việc dập tắt ý-kiến của anh ta, nhân loại cũng không có lý do chính đáng hơn là nếu có quyền-hành, anh ta dập tắt ý-kiến của nhân-loại... Bởi nếu dư-luận tỏ ra đúng, anh ta mất cơ hội để sửa đổi sai lầm thành sự thật; nếu dư luận sai, anh ta mất cái gần như là một điều lợi : Sự nhận định sáng - suốt hơn và cảm-xúc linh-động hơn về sự thật do sự va chạm với điều sai-lầm này sinh ra." (2)

John Stuart Mill còn cho rằng nếu ta dập tắt một ý kiến, tức ta đang dập tắt một chân-lý. Và theo ông, một ý kiến sai lầm có thể chứa đựng một phần nhỏ chân lý cần thiết để tìm ra chân lý toàn diện.

Lịch trình tự chính của John Milton đã được các Lý-Thuyết-Gia tự do chấp nhận. Theo đó thì trong số đông dư-luận báo-chí, một vài tin-tức truyền đến quần chúng có thể sai hay không lành mạnh. Tuy vậy, chính quyền không có quyền hạn-định rằng tin xét là sai và không lành-mạnh. Nếu

...../.....

(1) Fred S. Siebert et al., "Bốn Lý Thuyết Về Báo-Chí, Nguyễn Đình Tuyên, dịch giả (Saigon : Việt-Nam và Thế Giới Thời-Báo, 1972), trang 33.

(2) Ibid., trang 31.

lại vậy, chính quyền sẽ không tránh khỏi việc loại bỏ những gì chỉ-trích chính quyền hay trái với y-kiến của những viên chức chính quyền. Cuối cùng thì quan-chung sẽ tiêu-hóa tất cả đã gạt bỏ những gì không liên-quan đến quyền lợi của quan chung và chấp nhận những gì đã phục vụ cho những nhu cầu cá-nhân và xã hội, mà cá nhân là một thành phần trong ấy.

Lý thuyết tự do chống đối các tổ-chức độc-quyền của chính-phủ về thông-tin báo-chí. Họ chủ trương nên mở rộng cho tất cả trên lãnh vực này. Các phương tiện Thông-tin báo-chí nên do tư-nhân thu-đặc và sẽ cạnh tranh trên một thị trường công-khai. Sự thành công của xi-nghiệp sẽ do công chung quyết định tùy theo sự phục vụ của xi-nghiệp. Lý thuyết chống đối sự ủng-hộ của chính phủ vì sự yểm trợ này sẽ dẫn đến sự thống trị báo-chí. Như vậy, theo lý thuyết tự do, bất cứ ai có phương tiện kinh-tế đều có thể bước vào lãnh-vực Thông-Tin, Báo-chí và sự tồn tại tùy thuộc vào khả năng thỏa mãn các nhu cầu của người tiêu thụ trước sức cạnh tranh của những đơn-vị báo-chí khác cùng tìm chung một thị trường.

Lý thuyết tự do cho rằng Chính-phủ nên càng ít can thiệp vào sinh hoạt Báo-chí càng tốt. Bởi với lịch trình tự chỉnh và qua sự cạnh-tranh tự do trên thị trường, trong tương lai, báo chí sẽ trở nên tốt mà khỏi cần sự can thiệp của chính quyền. Tuy vậy, chính quyền qua các công cụ của mình vẫn không sao tránh khỏi việc can thiệp, nhất là đặt ra các hạn chế đặc biệt đối với báo-chí... Trong đa số các quốc-gia dân-chủ, công cụ kiểm soát lớn nhất là hệ thống Tư-Pháp. Bởi trong một chế độ dân-chủ, chính quyền có nghĩa vụ bảo vệ tên tuổi của những cá-nhân. Do đó, phải chấp nhận hạn chế tự do báo-chí để tranh cho những người khác khỏi bị tổn hại.

...../.....

do sự lảng nhục. Tuy thế, nếu những lời gây tổn hại nhắm đến một cá nhân kiêm một viên chức chính-phủ, thì theo lý thuyết, là một cá nhân, y nên được bảo vệ, song là một viên chức chính-phủ, y nên chịu sự chỉ trích của công-luận.

Một loại hạn chế khác được lý thuyết chấp nhận là việc cấm phổ biến các tài liệu dâm-ô và thô tục. Tóm lại, lý thuyết tự do quan-niệm báo-chí là một phương tiện để kiểm soát sự thi hành luật của chính phủ. Báo chí phải ngăn ngừa các viên chức chính quyền lạm dụng hay vượt quá quyền hành. Báo chí phải là kẻ canh chừng về sự thi hành dân chủ, cảnh giác và phơi trần những hành động chuyên quyền, quyết đoán.

Tuy nhiên, qua hai trận thế-chiến, lý thuyết tự do về báo-chí đã vấp phải nhiều trở ngại. Vấn đề tìm công thức thế nào để có thể vừa bảo vệ tự do, vừa để cho chính quyền có thể thực hiện những chương-trình của mình mà không bị báo chí can thiệp hay cản trở trong việc đạt mục tiêu tức thời của chính-phủ là sự thắng trận. Hai Ông Chương-Lý Brandeis và Holmes thuộc Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-Kỳ công nhận nhu cầu hạn chế phần nào tự do ngôn-luận trong thời kỳ khẩn cấp của quốc-gia và đề ra công-thức rằng " Chỉ khi nào có một sự nguy hiểm rõ ràng và hiện hữu cho chính-quyền hay trừng trị báo-chí."

Lý thuyết tự do đã là nguyên tắc chỉ hướng cho nền văn-minh Tây-phương hơn 200 năm nay. Lý thuyết đã bẽ gãy những xiềng-xích trong tâm-tư con người và đã mở những cánh cửa mới cho nhân-loại. Tuy vậy, về sau với sự xuất hiện của lý thuyết trách nhiệm xã-hội, người ta mới thấy lý thuyết tự do tỏ ra mơ hồ, thiếu sót và không kịp thời nữa.

Đoạn III : LÝ-THUYẾT TRÁCH-NHIỆM XÃ-HỘI

Lý thuyết trách nhiệm xã-hội dựa trên nguyên tắc căn bản là tự do phải mang theo những nghĩa vụ. Trong khi lý-thuyết tự do bắt nguồn từ ý niệm tự do tiêu-cực, tức " Tự do khỏi " (freedom from), tự do khỏi sự ràng buộc bên ngoài; thì lý thuyết trách nhiệm xã hội dựa vào ý kiến "Tự do cho" (freedom for), đòi hỏi sự hiện diện những dụng cụ cần thiết để đạt đến những mục đích đã định.

Theo lý thuyết trách nhiệm xã-hội, tự do tiêu-cực là một thứ tự do trống rỗng. Bao một người được tự do đi mà không cần biết là người ấy có tàn-tật hay không là tự do tiêu-cực.

Ủy-Ban Tự Do Báo-Chí (Commission on Freedom Of The Press) của Đại-học đường Chicago Huê-Kỳ trong bản tường-trình năm 1947 cho rằng muốn được tự do phải có sự sử dụng những quyền lực của hành-động của mình tức không bị hạn chế hay kiểm soát bên ngoài và với bất cứ phương tiện hay dụng cụ nào mà hành động cần đến. Theo Ủy-Ban, cũng như với mọi tự do ; Tự do Báo-chí có nghĩa là " Tự do khỏi " và " Tự do về ". Một nền báo chí tự do có nghĩa là tự do khỏi mọi sự chèn-ép, mặc dù khế khỏi mọi áp lực. Báo chí tự do để đạt nhiều mục tiêu. Do ý niệm đạo-đức của mình và nhu cầu xã-hội phân định. Để đạt đến cứu cánh này, báo-chí phải có các phương tiện kỹ-thuật, lực lượng tài chánh, quyền lấy tin v.v...

Những công dân không phải chỉ có tự do tiêu cực mà thôi, họ còn phải được thông-tin. Đó là một sự cần thiết và đó là một quyền. Các nhà báo không có quyền đăng tải những gì vừa ý mình. Họ phải làm sao cho các quan-điểm của mỗi công dân được thực hiện trên mặt báo. Mọi tin tức và ý kiến đáng được công chúng nghe phải được đưa lên cho công chúng nghe.

Theo lý-thuyết, quyền ngôn-luận là một quyền tinh-thần, đặt trên căn bản chính-yếu là nghĩa vụ - Nghĩa vụ đối với lương-tâm mình. Đó là một quyền tinh-thần - theo các lý-thuyết-gia-thì không có quyền từ bỏ, và chính-quyền không được xâm phạm. Nếu một người mang một tư-tưởng thì người đó không phải chỉ muốn nói ra mà người đó có bổn phận phải nói. Người đó phải làm do lương tâm mình và vì quyền lợi chung.

Tự do ngôn luận không có nghĩa là quyền tuyệt đối. Quyền này phải được thăng bằng với những quyền tự do của kẻ khác và những quyền-lợi cốt yếu của xã-hội. Nếu con người không đảm nhận nghĩa vụ đối với lương-tâm và tư tưởng mình, mà ngược lại dùng tự do ngôn luận để đốt lên căm thù, nhục mạ, nói láo, để đầu độc chân-lý thì con người không có đòi hỏi gì về quyền này cả. Con người chỉ có quyền tinh-thần khi nào cũng đảm-nhận những nghĩa vụ tinh thần.

Chính phủ có thể áp dụng các chế-tại khi báo chí đầu độc công luận căn cứ trên nguyên tắc " Không được xâm phạm một cách nghiêm trọng, ngang nhiên và rõ rệt đến các quyền tư nhân đã được thừa nhận hay đến những quyền lợi cốt yếu của xã-hội ". Tuy vậy, chính-phủ không nên mạnh tay. Vì ngôn luận là căn bản của tự do chính-trị nên phải được đặc biệt bảo vệ. Chính-Phủ nên tự giới hạn khả năng của mình trong việc can-thiệp vào sinh hoạt của báo-chí hoặc trong việc chi phối sự phán đoán của công chúng.

Ảnh hưởng bởi lý thuyết tự do, báo-chí đã bị chỉ trích nhiều ở thế kỷ 20 này. Ủy-Ban Tự Do Báo-Chí Hoa-Kỳ đã liệt kê năm nhu cầu mà xã hội hiện tại đòi hỏi ở báo-chí. Năm điều này chính là mục thước đo-lường tác-phong báo-chí. Ủy Ban đã đề ra những đường lối để cải-thiện tác phong Báo-chí xuất phát từ ba nguồn gốc : Do chính ở báo chí, do công

chúng và do chính quyền. Để cải thiện, đối với chính báo-chí, họ có nghĩa vụ phải tuân theo những qui-tắc nhằm thực thi trách nhiệm đối với sự an-lạc chung : độc-lập, thành thật, xác thực, vô tư, tôn trọng thanh-danh, đời sống riêng tư của cá-nhân và thuần phong mỹ-tục. Đối với công chúng thì công chúng nên sáng suốt nhận thấy những khó khăn, những sai lầm của báo-chí mà tiếp tay giúp đỡ báo-chí cải-thiện. Riêng đối với chính-phủ, hãy luôn dành mọi sự dễ dàng cho báo-chí trong việc thi hành nhiệm vụ của họ. Chính-phủ nên tránh những lạm dụng kinh niên và lộ liễu về tự do báo-chí. Nên khuyến-khích và dành mọi sự dễ dàng trong việc mở thêm nhiều xí-nghiệp báo-chí mới.

Ngoài ra, lý thuyết trách nhiệm xã hội cũng không còn tin-tưởng vào sự hữu hiệu của lịch trình tự chính mà lý thuyết tự do đã đề ra.

Tóm lại, với sự xuất hiện của lý thuyết trách nhiệm xã-hội nhân mạnh đến các trách nhiệm của báo-chí trong thời cận đại, lý-thuyết tự do thuần-t túy đã tỏ ra lỗi thời, không còn thích hợp với khung-cảnh của xã-hội thế kỷ 20 này .-

CHƯƠNG I I

QUÁ TRÌNH CỦA QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ TẠI VIỆT-NAM



Suốt hơn 100 năm sinh-hoạt, báo-chí Việt-Nam trải qua biết bao thăng trầm. Cho đến khi Luật số 019/69 ngày 30.12.1969 ra đời, đã có vô số văn-kiến pháp lý chi-phối báo-chí.

Việc hành sử quyền tự do báo-chí trong hơn 100 năm qua cũng lắm gian truân.

Chúng ta sẽ khảo sát trong Chương này những luật-lệ đã chi phối sinh-hoạt làng báo Việt-Nam từ thời Pháp thuộc đến nay, cùng thực trạng của việc hành-sử quyền tự do báo-chí trong suốt hơn 100 năm qua.

Đoạn 1.- THỜI PHÁP THUỘC

(từ 1865 đến 1945)

1/- VỀ PHƯƠNG DIỆN LUẬT-LỆ :

Luật lệ trong giai đoạn này áp dụng cho báo-chí rất phức-tạp vì chính sách chia để trị của người Pháp.

Với các Sắc Lệnh ngày 8.9.1888 và 28.2.1890 mở rộng sự áp-dụng luật-lệ Nam kỳ cho Bắc-kỳ, báo chí miền Bắc mới được hưởng chế độ luật 29.7.1881 về tự do báo-chí. Nhưng vì là đất bảo-hộ nên Bắc và Trung-Kỳ sau đó lại do Sắc Lệnh ngày 4.10.1927 chi phối. Sắc-Lệnh này được áp dụng ở Bắc do Nghị-định ngày 10.1.1928 và ở Trung do Nghị-Định ngày 20.12.1927. Theo các văn-kiến này, muốn xuất bản báo-chí viết bằng Pháp ngữ khỏi xin phép, chỉ cần khai-báo với biện-ly Cuộc. Riêng báo viết bằng Việt ngữ và các ngôn-ngữ các phái xin phép mới được xuất bản.

...../.....

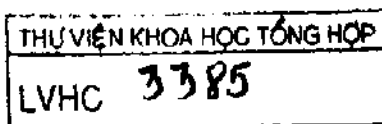
Quyền cấp giấy phép và thu hồi giấy phép xuất bản sẽ do viên Toàn Quyền sau khi thảo luận với Ủy-Ban Thường Trực Hội-Động Chính-Phủ. Về điều kiện để được xin xuất bản thì không khó khăn gì chỉ cần là công dân, thuộc dân hay thân dân Pháp, có đầy đủ quyền dân-sự và không bị tước quyền công dân.

Riêng tại các nhượng địa ở Bắc và Trung Kỳ (như Hà-Nội, Hải-Phòng, Tourane) tuy có qui-chế như thuộc địa Nam Kỳ nhưng vì được nhượng sau ngày ban hành Nghị-định 12.9.1881 ấn-định việc áp dụng Luật 29.7.1881 về tự do báo-chí của mẫu quốc nên không được áp dụng luật này mà phải chịu chung chế độ báo-hộ.

Nam Kỳ vì là thuộc địa nên được áp dụng luật 29.7.1881 của Pháp (do Nghị-Định ngày 12.9.1881). Do đó từ 1881 các báo xuất bản bằng Pháp ngữ và Việt ngữ đều được tự do. Nhưng sau đó, do Sắc Lệnh ngày 30.12.1898, các báo không phải bằng Pháp ngữ muốn xuất bản phải xin phép trước (Sắc-Lệnh mà sửa đổi đạo-luật 1). Đến 1938 thì Sắc-lệnh này được bãi bỏ và báo-chí Việt ngữ khỏi cần xin phép trước khi xuất bản.

Thế chiến thứ hai bùng nổ, Sắc-lệnh ngày 24.8.1939 được ban hành ấn định việc kiểm soát báo-chí và ấn-loạt phẩm trong tình trạng chiến tranh. Sau đó, các Sắc-luật và Dự-kế tiếp được ban hành ấn định việc kiểm soát những ấn loạ phẩm, truy-tố tác giả những tin tức có lợi cho cơ-quan ngoại quốc chống Pháp, chống Hoàng-Triều An-Nam goặc gây ảnh-hưởng xấu cho tinh thần quân-dội và dân chúng.

Và sau cùng Luật 13.12.1941 được ban hành tạm đình chỉ thi hành Điều 5 Luật 1881, buộc tất cả báo bằng tiếng gì cũng phải xin phép cơ-quan Hành-chánh địa-phương mới được xuất bản.



...../.....

tháng 8 năm 1945 ở Bắc, tình hình chính trị trở nên rối-ren nên chẳng còn luật-lệ gì cả. Đến 1949, Bảo-Đại tuyên cáo độc lập, luật 1881 được áp dụng trở lại. Nhưng Dụ số 36-TT ngày 19.9.1949 ấn định chức-chương Bộ-Trưởng Thông-Tin lại ghi rằng : " Trong khi chờ đợi sự ban hành qui-chế báo chí, riêng Bộ-Trưởng Bộ Tuyên Truyền có quyền cấp phát giấy phép xuất bản báo-chí sau khi Thủ-Hiến nơi mà các báo ấy xuất bản điều-tra và đề nghị ".

2/- VỀ PHƯƠNG-DIÊN THỰC-TẾ :

Kể từ ngày quân-đội Nhật đảo chánh Pháp, báo-chí Việt-Nam bị đặt dưới sự kiểm duyệt của quân-đội và cơ quan Hành-chánh do Nhật lập nên. Lúc ấy, giấy báo khan hiếm, tất cả các báo đều lấy tin của Hãng Thông-Tán Nhật DOMEI. Tin rất buồn tẻ.

Đến tháng 8/1945 Việt-Minh cướp chính quyền, chế độ kiểm duyệt chặt chẽ được họ áp dụng. Ở Nam, mỗi địa phương có một Ủy-Viên Báo-chí trong Ủy-Ban Hành-chánh có nhiệm vụ trông nom hoạt động các báo. Ủy-Viên Báo-chí đến Tòa soạn xem bản vẽ (morasse) trước khi cho máy in chạy. Khi người Anh tới chiếm đóng thì họ rút vào bưng-biên.

Ngày 20.9.1945, Tư-Lệnh Quân-đội Đồng-Minh đến giải giới bại binh Nhật trong Nam, viện lẽ tái lập trật tự và an-ninh nên ban-bố tình-trạng thiết quân luật. Trong tuyên cáo số 1, tướng người Anh DOUGLAS GRACEY ra lệnh cấm toàn thể báo chí Việt ngữ xuất bản kể từ ngày hôm ấy. Ai vi phạm sẽ bị xử tử và hành quyết ngay. Đến 22.11.1945, tức hai tháng sau, lệnh trên mới được giải tỏa, dân chúng Saigon mới có báo xem. Trong khi đó ở miền Bắc Việt-Minh vẫn kiểm duyệt báo-chí ở những vùng do họ kiểm soát. Ở những vùng của người quốc-gia thì ai ra báo cũng được, không cần xin phép gì cả.

...../.....

Cuối 1946, toàn quốc kháng-chiến vì Pháp trở lại. Trong Nam, lợi dụng sự lũng củng giữa Cao-Ủy Pháp và Chính quyền Nam Kỳ Tự Trị, 17 tờ báo đã đoàn kết chặt chẽ trong một khối mệnh danh là " Khối báo-chỉ Thống Nhất Nam Bộ " cùng thảo chương trình tranh thủ độc-lập, tự do, bảo vệ thống nhất đất nước, chống cường quyền áp chế.

Một biến cố trọng đại lại đến với làng báo Việt-Nam sau vụ Tướng Gracey đóng cửa tất cả các báo hai tháng. Hôm ấy, 26.4.1947, các báo xuất bản ở Sài Gòn đồng loạt ngưng xuất bản một ngày để tưởng niệm nhà Cách-mạng Lão Thành và cũng là một nhà báo đàn anh HUỖNH THỨC KHÁNG mới tạ thế ở Quảng Ngãi. Báo-chỉ có ý định này từ chiều 24/4. Cùng lúc đó đoàn xe của hai ông Bộ-Trưởng trong chính-phủ LÊ VĂN HOẠCH bị kháng chiến phục-kích ở quốc-lộ 4, gần Trung-Lương (Định-Tường) khiến hai ông cùng 1 số nhân viên thiệt mạng. Do đó Thủ-Tướng HOẠCH cho là báo chí đình bản để ăn mừng. Thế nên sáng 28.4.1947 mỗi Tòa-soạn nhật báo và Tạp-chỉ định kỳ nhận được một Nghị-định của Thủ-Tướng " Đồng cửa vô thời hạn " Với lý do " Xúi dục dân chúng chém giết mà vụ phục kích ở Trung-Lương là hậu quả hiển-nhiên ". Khoảng 6 tháng sau, tức tháng 10/1947 báo-chỉ mới được xuất bản trở lại. Sau vụ đình bản ấy, Thủ-Tướng HOẠCH còn cho tay sai đến nhà in đập phá máy móc, xé báo đang in, bắt trời ký-giả.

Trong khi đó ở ngoài Bắc, các báo phải ra bưng sống bằng những phương-tiện riêng, đến khi không sống nổi thì tự đình bản mà không ai hay.

Nên 1949, Báo-Đại trở về, Luật 1881 được áp dụng trở lại, thêm vào một số Điều mới. Đạo ấy, có nhiều tư nhân dựa vào thế lực chính-quyền xin ra báo, nên chính-phủ TRẦN VĂN HỮU ra nghị-định vào cuối 1952 qui-định rằng giấy phép xuất bản báo-chỉ có hiệu-lực trong thời hạn hai tháng kể từ ngày được phép.

Đoạn 3 : GIAI ĐOẠN ĐỘC LẬP

(Từ 1954 đến nay).

1/- VỀ PHƯƠNG DIỆN LUẬT-LỆ :

Sau ngày ký Hiệp-Định Genève 1954, do ở việc Nghị-định số 275 ngày 5 tháng 4/1954 của Thủ Tướng còn hiệu lực nên chế độ kiểm duyệt vẫn còn duy trì. Đến khi Sắc-lệnh số 23-TTP ngày 19.2.1956 ra đời, chính-quyền NGỒ ĐÌNH DIỆM bãi bỏ hẳn chế độ kiểm duyệt báo-chí bằng hình thức đưa bản vở lên Bộ Thông-Tin..

Sau đó Hiến Pháp 26.10.1956 nơi điều 16 chấp nhận chế độ tự do ngôn-luận và báo-chí. Nhưng chế độ kiểm duyệt lại được tái lập vào sau biến-cổ 11.11.1960.

Sau Cách-mạng 1.11.1963, chính phủ NGUYỄN KHÁNH cho ban hành Sắc-luật số 2/64 ngày 19.2.1964 ấn định quyền tự do báo-chí và thể thức truy-tố các tội phạm báo-chí. Cùng ngày này, Nghị-định số 90-B/BTT/ND cũng cho phép các Đảng-phái được quyền xuất bản báo-chí. Đến 30.4.1964, Sắc-luật số 10/64 được ban hành ấn định qui chế tự do xuất bản báo-chí và tổ chức nền báo-chí Việt-Nam với việc dự trù thành lập Hội-Đồng Báo-Chí. Sau đó, Nghị-định 14.7.1964 về qui-chế phát hành cũng được ban hành. Theo Sắc-luật số 10/64 ngày 30.4.1964 thì báo-chí muốn xuất bản chỉ cần khai báo với Bộ Thông-Tin, chứ không cần phải xin phép như trước.

Đến 7.8.1964 NGUYỄN KHÁNH ban bố tình trạng khẩn-trương, do đó chế độ kiểm-duyệt được tái lập. Từ đó, sinh hoạt chính trị bất ổn triền-miên đến khi Hiến-pháp 1.4.1967 ra đời với sự thừa nhận quyền tự do ngôn-luận, tự do báo-chí và dự trù việc ban hành một qui chế báo chí.

Một qui-chế báo-chí đầu tiên được ban hành ngày 30.12.1969 thống nhất các luật-lệ báo-chí từ trước đến nay.

2/- VỀ PHƯƠNG DIỆN THỰC-TẾ

Sau Hiệp Định Geneve 1954, chính quyền NGŨ ĐÌNH DIỆM cũng cố dần nên những báo đối-lập và thiên-tả cũng dần dần biến mất. Tuy Hiến pháp 1956 thừa nhận quyền tự do báo-chí, nhưng chính quyền vẫn tịch thu, cấm phát hành ở Tỉnh, rút giấy phép, cho quân chúng đến đập phá những tờ báo nào không theo chính-quyền, song song đó, chính quyền cho thành lập cơ sở phát hành Thống-Nhất độc quyền trong việc phát hành và chèn ép báo-chí có ý chống-đối.

Sau vụ đảo-chánh hụt ngày 11.11.1960, chế độ kiểm duyệt được tái lập sau khi tất cả các báo có ý chống chính-quyền đều bị đóng cửa. Sở Chính Trị Phủ Tổng-Thống cho ra hàng loạt báo con đẻ của chính-quyền để trấn áp dư luận như : Dân-Việt, Đồng Nai, Saigon Mai, Tiếng Dân, Tiếng Dội Miền Nam... Khi phong trào Phật-Tử đấu tranh vào tháng 5, 1963 thì báo-chí bị kiểm soát chặt chẽ hơn bao giờ hết: Chính-quyền xuyên tạc tin-tức, bưng-bít sự thật, đánh lạc hướng quần-chúng. Dân chúng vào thời ấy không còn tin tưởng ở báo-chí nữa. Tin của Nha Thông-Tin Báo-Chí và Việt Tấn Xã đều được hiểu ngược lại đưa đến phong trào tẩy chay trong quần chúng.

Đến khi Cách Mạng 1.11.1963 thành công, báo-chí thoát khỏi ách độc-tài nay được tự do nên tỏ ra quá hỗn độn (Dưới thời chính-phủ NGUYỄN NGỌC THO). Do đó tướng NGUYỄN KHÁNH lên cầm quyền đã hạn-chế báo-chí, tịch thu, đóng cửa một vài tuần và phạt tội phát hành sớm. Kiểm duyệt được tái-lập sau khi tình trạng khẩn-trương được ban bố hôm 7.8.1964.

Thời Chính Phủ TRẦN VĂN HƯƠNG (1965) báo-chí bị đóng cửa rất nhiều vì chống đối Thủ-Tướng dữ-dội về những lời tuyên bố và hành đ ộng vụng-về hoặc thất nhân-tâm của ông. (1)

(1) Vũ Hạnh, "Báo chí hôm nay" Bách Khoa, số 217, ngày 15.1.1966, tr.58

Đến khi "Nội Các Chiến Tranh" được thành lập, thì 5 ngày sau, vào 29.6.65 "Tình Trạng Chiến-Tranh" được tuyên bố trên toàn quốc. Chính phủ ra lệnh đóng cửa trong thời hạn một tháng kể từ 1.7.1965 toàn thể các nhật báo đang xuất bản tại Sài Gòn với lý do : " Để duyệt lại các luật-lệ báo chí hiện-hành ". Báo chí đã phản đối dữ dội và chất vấn gay-gắt Luật sư ĐÌNH TRINH CHÍNH lúc ấy là Ủy-Viên Tâm Lý Chiến (tức Tổng Trưởng Bộ Thông-Tin) trong buổi họp báo. Ký giả ùn-ùn xô ghế đứng dậy bỏ Phòng Họp ra về. Chiều hôm ấy, báo-chí quyết định không tường thuật cuộc họp báo, chỉ đăng lên rử, trang đầu trong khung đen " Chúng tôi cực lực phản đối quyết-định đóng cửa tất cả các báo ". Báo-chí sau ba ngày bị đình bản, đến 4.7.1965 trong số 36 tờ thì 23 tờ được xuất bản trở lại và 13 tờ bị tịch thu giấy phép luôn.

Vào cuối năm 1965, chính-quyền nâng đỡ cho nhiều Nhật-Báo và Tuần Báo xuất bản như : Tiền-Tuyến, Nghệ-Thuật, Học Đường Mới.

Trong giai đoạn này, theo ký giả lão thành VŨ BẰNG, báo-chí " Thay vì hướng dẫn dư-luận, đa số chỉ biết theo chính quyền với 1 phương thức cổ-nhũ là không đưa ra sáng kiến gì hết, không tỏ rõ lập trường gì hết, cứ chờ mỗi khi có nhân vật cao-cấp nào tuyên-bố điều gì là phụ-họa và khen là chí-lý ".(1)

Về thái độ của chính quyền đối với báo-chí trong giai đoạn này thì : "Phản đối vô ích. Và cũng vô-ích nữa, nếu một buổi sáng đẹp trời kia, vào cái lúc bất ngờ nhất, ông nhận được một cái giấy chiếu điều này, sắc lệnh kia, cho biết báo ông bị đóng cửa vô hạn định vì lý do này hay lý do khác, hoặc có khi chẳng vì lý do gì hết, như dưới thời các ông PHAN HUY HOẠT, NGUYỄN VĂN LỘC, phần nhiều báo bị đóng cửa mà không hề được biết đã mắc tội phạm-thượng khi-quân gì. (2)

(1) VŨ BẰNG "BÓN MƯƠI NĂM NÓI LÃO", (Sài Gòn, Cơ Sở xuất bản Phạm Quang Khai, 1969. Tr.263.

(2) Ibid, tr. 275.

Đến khi Hiến Pháp 1.4.1967 được ban hành, quyền tự do ngôn-luận và báo-chí được công nhận. Ngày 20.7.1967, chủ-tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc-Gia Trung-Tướng NGUYỄN VĂN THIỆU ban hành Sắc luật 27/67 đình chỉ việc kiểm-đuyệt nhật báo và Tạp-chí có giấy phép xuất bản của Bộ Thông-Tin trên toàn lãnh-thổ VNCH. Bộ Thông Tin xác nhận với báo-chí về việc bãi bỏ kiểm-đuyệt trong cuộc tiếp xúc ngày 31.5.1968 và cuối cùng, tháng 6/1968 cho tái bản nhiều nhật báo đã bị đình bản thời trước. Cũng từ đầu năm 1968 Dự-Thảo qui-chế Báo-chí được mang ra thảo luận tại Hạ Nghị-Viện. Dự Luật bị báo giới phản đối dữ-dội, cho là thiếu dân chủ. Quốc-Hội, sau nhiều tháng đình hoãn thảo-luận để tham khảo ý-kiến báo giới, đã chung quyết Dự-Luật vào tháng 7 1969. Dự-Luật, sau khi được phúc nghị theo lời yêu cầu của Tổng-Thống, được ban hành ngày 30.12.1969. Qui-chế báo-chí mới đã mang lại sinh-khí cho làng Báo Việt-Nam. Nội dung và sự áp dụng nó thế nào? Đó là đối tượng của phần thứ hai Tập LUẬN VĂN này.

▲

▲ ▲

PHẦN THỨ HAI

QUYỀN TỰ-DO BÁO CHÍ TRONG HIỆN TẠI

Hiến Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1.4.1967 Điều 12 ghi rằng :

- " 1 - Quốc-Gia tôn trọng quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn-luận, báo-chí và xuất bản, miễn là sự hành sử các quyền này không phương hại đến danh-dự cá-nhân, an-ninh Quốc-Phòng hay thuần-phong mỹ-tục.
- 2 - Chế độ kiểm duyệt không được chấp nhận, ngoại trừ các bộ-môn Điện-ảnh và Kịch-trường.
- 3 - Một Đạo-luật sẽ ấn định qui-chế báo chí."

Thi hành khoản 3, Điều 12 Hiến Pháp, Luật số 019/69 ấn định qui chế Báo-chí được ban hành ngày 30.12.1969, nghĩa là hơn hai năm rưỡi sau ngày ban hành Hiến Pháp. Thực ra thì từ đầu năm 1968, Hành-Pháp đã chuyển sang Quốc-Hội Dự-thảo Luật qui-chế Báo-chí rồi. Nhưng báo giới phản đối dữ dội, cho là dự-luật phản tự do, nên đến hơn một năm sau, sau nhiều lần tu-chỉnh, Quốc-Hội biểu quyết trở lại và chung quyết vào tháng 7/1969. Đến khi chuyển sang Tổng-Thống ban hành, Tổng Thống lại xin phúc-nghị 8 điểm. Quốc Hội chấp thuận 4 điểm và Luật được Tổng Thống ban hành vào 30.12.1969.

Luật số 019/69. Được coi như căn bản pháp-lý duy nhất chi-phối sinh-hoạt báo giới từ ngày ấy đến khi Sắc-luật 007-TT/SLu ngày 4.8.1972 ra đời. Luật gồm 8 chương và 69 điều qui-định các vấn đề xuất bản, phát hành, quyền hạn và trách vụ của Báo-chí, Hội Đồng Báo-Chí, các biện pháp chế-tại cùng thủ-tục truy-tố các tội phạm báo-chí.

Hơn một năm sau ngày Luật 019/69 ra đời, Thủ-Tướng TRẦN THIÊN KHIÊM cho ban hành Sắc-Lệnh số 06-SL/TT ngày 21.1.1971 ấn định thể thức thi hành luật 019/69. Sắc Lệnh ngay sau khi được ban hành đã bị Báo-giới và Quốc-Hội quyết-liệt phản đối, cho là vi-hiến, vi-luật, nhằm bóp chết quyền tự do báo-chí. Cuối cùng Thủ-Tướng đã phải quyết-định thu-hồi Sắc-Lệnh vừa kể vào ngày 15.2.1971.

Đến 28.6.1972, do các cuộc tấn công ào-ạt của Cộng-sản trên khắp lãnh thổ V.N.C.H., Quốc Hội ban hành Luật số 005/72 ủy-quyền cho Tổng-Thống quyết định và ban hành bằng Sắc-Luật các biện pháp cần thiết trong các lãnh vực an-ninh Quốc-Phong, Kinh Tế, Tài-chánh trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày ấy. Do đó Sắc-Luật 007-TT/SLu ngày 4.8.1972 được Tổng-Thống NGUYỄN VĂN THIỆU ban hành, nhằm sửa đổi Luật 019/69 ấn định qui-chế Báo-chí. Sắc-Luật này đã sửa đổi gần hết những điều khoản quan trọng của Luật 019/69. Lý do của sự ra đời của Sắc Luật này được Chính-phủ đưa ra là " Để cải-tiến làng báo nước nhà ".

Phản ứng chung của báo-chí trước Sắc luật 007-TT/SLu ngày 4.8.72 là bất mãn. Hội Chủ Báo Việt-Nam quyết định ngưng xuất bản hai ngày 22 và 23 tháng 8 /1972, vì lý do chính-quyền không chịu xét các thỉnh nguyện hủy bỏ Sắc-Luật. Kết quả là 16/24 Nhựt Báo Việt ngữ đình bản hai ngày theo lời kêu gọi này. Hội Đồng Báo-Chí sau nhiều ngày nhóm họp và can thiệp với Chính-quyền, không mang lại kết quả nào nên từ-nhiệm tập thể để phản đối. Tại Thượng Nghị-Viện 22 Nghị Sĩ trình đề-án xin thảo luận về " Các hành-vi Lập-Pháp mới đây của Hành-Pháp, đặc biệt là việc sửa đổi qui chế Báo-chí "(Sic) (1). Thượng-viện đã họp thảo-luận, nhưng cũng không đem đến kết quả nào.

Như vậy, kể từ ngày 4.8.1972, báo chí Việt-Nam sinh hoạt trong một khung cảnh pháp-lý khác trước. Để sự nghiên cứu được đầy đủ, trong Phần Thứ Hai Tập LUẬN VĂN này chúng tôi sẽ khảo-sát quyền tự do Báo-chí trong cả hai khoảng thời gian trước và sau ngày 4.8.1972.

(1) Chính-Luận 24 - 25 tháng 9 năm 1972, tr.3.

Tiếp theo hai Chương trước, phần Thứ Hai này sẽ nghiên-cứu quyền tự-do Báo-chí trong hiện tại được chia làm bốn Chương. Chương III nói về quyền xuất bản. Chương IV, quyền phát-hành. Chương V, quyền hành nghề kỹ-gia. Và sau cùng, Chương quan trọng hơn hết của quyền tự do báo-chí sẽ bàn về quyền tự do ngôn-luận. (Chương VI)

————— 70/ —————

CHƯƠNG III

QUYỀN XUẤT BẢN BÁO - CHÍ



Tự do kinh-doanh là một quyền đã được Hiến-Pháp và Luật-lệ các quốc-gia dân chủ trên thế giới công nhận. Thiết lập một cơ sở để xuất bản báo-chí là một hình thức kinh-doanh. Do đó ai cũng được hành sử quyền này. Tuy nhiên, vì ảnh hưởng to tát của báo-chí đối với quần chúng, nên cơ sở xuất bản báo chí phải chịu một qui chế kinh-doanh khác biệt với các cơ sở kinh-doanh thường. Nhưng dù có khác biệt với cơ sở kinh doanh thường như thế nào, báo-chí cũng phải có quyền tự do xuất bản. Bởi quyền xuất bản là một phương tiện để đạt đến cầu cạnh là tự do ngôn luận. Có tự do xuất bản, người dân mới có cơ hội ^{thể hiện} quyền ngôn-luận của mình bằng báo-chí.

Chương này sẽ trình bày những nguyên-tắc pháp-lý về quyền xuất bản báo-chí được ấn định bởi Luật 019/69 trước và sau khi được sửa đổi, cùng những vấn đề thực tế của quyền này.

Đoạn 1 : CĂN-BẢN PHÁP-LÝ

1/- NHỮNG ĐIỀU KIỆN :

Mọi thể nhân hoặc pháp nhân có quốc-tịch Việt-Nam đều có quyền xuất bản báo-chí, nhưng phải khai-báo hợp lệ (Điều 3 Qui-Chế Báo-Chí). Nếu là ngoại-kiều, phải xin phép ở Bộ Thông-Tin và chỉ được xuất bản sau khi Ông Tổng-Trưởng Bộ này cấp giấy phép. Tổng Trưởng Bộ Thông-Tin sẽ hội-y với Tổng-Trưởng Bộ Nội-Vụ để quyết-dịnh việc cấp giấy phép xuất bản này cho ngoại-kiều (Điều 17 QCB).

Mỗi Nhật-báo hoặc Tạp-Chí định kỳ phải có một chủ-nhiệm, một Chủ bút và một Quản-lý. Chủ-nhiệm có thể kiêm chủ bút. Các vị này phải hội

đủ các điều kiện sau đây : ít nhất là 25 tuổi; không có tiền-án về tội Đại-hình hoặc Tiểu-hình từ 3 tháng trở lên, không kể các tội sơ-xuất bất cẩn và các tội phạm báo-chí, trừ các trọng tội được quy-định ở các điều 27, 28, và 29 Qui-Chế Báo-Chí; không có hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực-hiện chủ nghĩa Cộng-Sản; trong 3 người Chủ Nhiệm, Chủ bút, Quản-ly phải có một người không được hưởng quyền đặc miễn tài-phần. Riêng Chủ Nhiệm, Chủ bút, phải hoặc có một văn bằng báo-chí, hoặc có văn bằng Đại-Học, hoặc đã làm Thư Ký Tòa Soạn trong thời gian tổng cộng trên một năm hoặc đã làm Ký-giả trên hai năm tại một hay nhiều cơ-quan báo-chí, Thông-Tấn hay Đại Phát Thanh hoạt động hợp pháp ở Việt-Nam, hoặc đã làm Chủ Nhiệm, Chủ Bút trên sáu tháng.

Ngoài ra, có một số nghĩa vụ mà các vị Chủ Nhiệm phải tuân theo như :

- Chủ Nhiệm phải có mặt tại nơi xuất bản báo. Nếu vắng mặt quá hai tháng, Chủ-nhiệm phải cử người tạm thời thay thế.

- Chậm nhất là ba tháng sau khi hồ sơ khai-báo được coi là hợp lệ, Chủ-nhiệm phải xuất bản tờ báo. Quá thời hạn này, hồ sơ khai-báo đương nhiên hết hiệu-lực.

- Một Nhật-báo ngưng xuất bản trong hai tháng hay một Tạp-Chí ngưng xuất bản trong bốn định kỳ liên tiếp, sẽ bị coi như tự ý đình bản vĩnh viễn.

- Mọi sự thay đổi Chủ Bút, Quản Lý, Báo-quản, Nhà in và số vốn đều phải thông báo cho Bộ Thông-Tin chậm nhất là 15 ngày trước khi có sự thay đổi.

- Mọi hình thức cho mượn nhân báo đều bị cấm chỉ.

- Sự tăng vốn phải được chứng minh xuất xứ.

Và kể từ 4.8.1972, Sắc Luật 007/TT/SLu đã thêm những điều kiện và nghĩa vụ sau đây :

- Phải đóng tiền ký quỹ tại Tổng Nhà Ngân-Kho trong một trường mục có lời : đối với nhật-bao là 20 triệu đồng, đối với Tạp-chí định kỳ là 10 triệu đồng. Tiền ký quỹ này sẽ được giảm một nửa (1/2) cho cơ-quan ngôn luận chính thức của chính đảng được hợp-thức-hóa; và miễn hẳn đối với các tạp-chí định kỳ có tính cách thuần-túy giáo-dục, tôn-giáo, khoa học, kỹ-thuật.

- Trước khi xuất bản 15 ngày, chủ nhiệm tờ báo phải khai đồng-đủ danh sách Ban Quản-Lý và Bộ Biên-tập cho Bộ Thông-Tin và Bộ Nội-Vụ có ghi rõ tên họ, tất cả bút hiệu và thẻ căn cước. Riêng đối với Bộ Biên-Tập, mọi sự thay đổi phải được thông báo ngay.

2/- NHỮNG THỦ TỤC PHẢI THEO :

a. Thủ tục khai báo : Hồ sơ khai-báo sẽ nộp ở Bộ Thông-Tin và gồm có :

- Một tờ khai lập thành ba bản có chữ ký của Chủ-nhiệm được thị thực ghi rõ : Tên nhật báo hoặc tạp-chí, tôn chỉ, đường lối, chủ trương, họ tên, bút hiệu, địa chỉ Chủ-nhiệm, Chủ bút, Quản Lý, địa chỉ Báo-Quán (và kể từ 4.8.1972, Sắc luật 007-TT/SLu ghi thêm : Tên và địa chỉ tất cả các nhà in).

- Chứng chỉ cư-trú, giấy khai sinh, trích lục tư pháp lý-lịch của Chủ-nhiệm, Chủ bút, Quản lý.

- Giấy tờ liên quan tới văn bằng hoặc thâm niên chức nghiệp của Chủ nhiệm và Chủ bút.

- Bản sao Khế-ước hùn vốn (và kể từ 4.8.72 Sắc-Luật 007-TT/SLu ghi thêm : Văn kiện chứng minh xuất xứ vốn, kể cả tiền ký quỹ).

- Biên nhận đóng tiền ký quỹ (kể từ Sắc Luật 007-TT/SLu).

Ngay sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ khai báo hợp lệ, Bộ Thông Tin phải cấp biên nhận tạm thời. Biên nhận chính thức sẽ được cấp trong vòng một tháng sau đó (Sắc Luật 007-TT/SLu ngày 4.8.72 sửa lại là : Ba tháng sau đó). Hồ sơ khai báo đầy đủ được coi là hợp lệ kể từ khi có biên lai chính thức. Nếu quá hạn một tháng nói trên (kể từ Sắc-Luật 007-TT/SLu, thì là ba tháng), Bộ Thông Tin không cấp Biên-nhận chính thức hay không ra quyết định từ chối, hồ sơ khai báo đương nhiên được coi là hợp lệ. Nếu Bộ Thông Tin quyết định từ chối, phải viện dẫn lý do. Và khi ấy, người đứng khai có quyền xin tiêu-hủy quyết định ấy trước Tham-Chánh-Viện. Tham-Chánh-Viện có thời hạn tối đa là 30 ngày để xét xử. Nếu Tham-Chánh-Viện phán-quyết tiêu-hủy quyết định từ chối của Bộ Thông Tin thì hồ sơ khai báo đương nhiên được coi là hợp lệ kể từ ngày ấy.

b. Thu tục nộp bản : Trước khi phát hành, mỗi tờ báo phải nộp bản tại Bộ Thông Tin, Biện Lý Cuộc Tòa Sơ Thẩm, Bộ Nội Vụ và Văn-Khố Quốc Gia mỗi nơi hai bản (riêng cho Bộ Thông Tin phải là 10 bản) nếu xuất bản tại Sài Gòn - Gia Định. Nơi nộp bản là Ty Thông Tin, Biện Lý Cuộc, Tòa Án sơ tại, Tòa Hành Chánh Tỉnh (hay thị xã) và Văn Khố Quốc Gia, mỗi nơi hai bản nếu xuất bản ngoài Sài Gòn - Gia Định. Bản nộp phải có chữ ký của Chủ Nhiệm hay Quản Lý.

Và kể từ ngày ban hành Sắc Luật 007-TT/SLu ngày 4.8.1972, thì cùng với việc nộp bản phải khai rõ số lượng phát hành với Bộ Thông Tin (hay Ty Thông Tin).

..... /

Nhật báo chỉ được đem ra khỏi nhà in : để phát hành hai giờ sau khi nạp bản (và kể từ Sắc Luật 007-TT/Slu thì thời hạn này được sửa đổi là : bốn giờ sau khi nạp bản). Đối với tạp-chí định kỳ thời hạn này trước ngày 4.8.1972 là sáu giờ và sau ngày 4.8.1972 là 24 giờ.

Đoạn 2 : NHẬN XÉT

1/- VỀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN :

- Ưu điểm trước tiên của Luật 019/69 về qui-chế xuất bản là muốn ra báo, mọi thể nhân hay pháp nhân khỏi cần xin phép nữa, mà chỉ cần khai báo thôi. Biện pháp khai báo chỉ nhằm mục đích chính quyền dễ tìm ra người chịu trách nhiệm khi họ dùng báo-chí để vi phạm luật pháp quốc gia. Nguyên tắc khai báo không có gì là phản dân chủ cả. Riêng đối với ngoại-kiểu muốn xuất bản báo tại Việt-Nam phải được Bộ Thông Tin cấp giấy phép sau khi hội ý với Bộ Nội Vụ là một điều hợp lý. Bởi để tránh việc tài-phiệt ngoại quốc có thể lũng đoạn nền báo-chí Việt-Nam cũng như ngoại bang có thể dùng báo chí để ảnh hưởng vào sinh-hoạt chính trị quốc-gia, nhà cầm quyền cần phải điều tra kỹ lưỡng hồ sơ xin ra báo của người ngoại kiều và do đó, nhà cầm quyền có toàn quyền cấp pháp hay không cho họ.

- Một ưu-điểm khác của qui chế xuất bản là ấn định rõ điều kiện khả năng của Chủ nhiệm và chủ bút. Thực vậy, không thể xin xuất bản báo, nếu không phải xuất thân từ một kỹ giả chuyên nghiệp hoặc nếu không có một văn bằng về báo-chí hoặc không có một văn bằng Đại-học. Phải có một trong ba điều kiện ấy mới có thể xin ra báo được. Biện pháp này nhằm loại bỏ những phần tử tài-phiệt không am-tường nghề báo, hoặc có trình độ văn hóa kém, đứng ra làm báo e rằng có thể hạ thấp trình độ báo chí nước nhà.

...../.....

Tuy nhiên, có quan niệm cho rằng điều khoản về khả năng này trái với nguyên tắc tự do cạnh tranh, bởi một tờ báo nếu quá kém tất sẽ không có độc giả và tự nhiên bị đào thải. Vả lại, vẫn theo quan niệm này - vị Chủ-nhiệm tuy không có khả năng chuyên nghiệp hoặc không có văn bằng Đại-Học, nhưng nếu được sự cộng-tác của các tay chuyên nghiệp thì tờ báo vẫn có giá trị.

Quan niệm trên tỏ ra hữu lý phần nào. Nhưng chúng ta nên nhớ lại thực trạng báo chí nước nhà trước và trong khi Dự Luật Qui-Chế Báo-Chí đang được soạn thảo và bàn cãi trước Quốc-Hội. Thực tình mà nói, làng báo nước nhà chưa lúc nào hỗn độn và tràn-ngập như thời hậu Cách-mạng 1963, do đó các nhà Lập pháp lúc ấy có lẽ muốn chấn chỉnh làng báo Việt-Nam bằng giải pháp ấn định điều kiện khả năng của các vị Chủ nhiệm, Chủ bút. Đã tỏ ra rất hợp lý. Vả lại điều kiện này cũng không đến nỗi quá khắt-khe để có thể bóp chết tự do báo-chí, nên chúng ta có thể chấp nhận được.

Tuy nhiên, bên cạnh các ưu điểm kể trên, quy chế xuất bản do luật 019/69 quy định còn có những khuyết điểm sau đây :

- Điều 6 qui định rằng sẽ không được phép làm chủ nhiệm, chủ bút nếu có tiền án về các tội phạm báo chí đã dự liệu tại các điều 27, 28, 29. Thế nhưng ở các điều khoản 27, 28, 29 này tội danh được luật nêu ra rất mơ hồ, khiến cho những người làm báo có khuynh hướng đối-lập^{lập} với chính quyền rất dễ bị cáo buộc và kết án về các tội này. Do đó điều 6 kể trên có thể ngăn-cản một nhà báo đối lập đứng ra xuất bản một tờ báo. Nếu lấy có rằng một chính khách đối lập có tiền án về các trọng tội báo chí được ghi ở các điều 27, 28, 29 để không cho người này ra báo thì quyền đối lập mặc nhiên bị hạn chế. Hơn nữa, trường hợp một chính khách thân chính quyền đương thời nhưng đã bị chính phủ trước kết án vì những lý do chính trị, theo điều 6

Qui-chê Báo-Chí thì cũng không được xuất bản báo. Điều đó thật là mỉa mai. Do đó thiết tưởng luật nên cho phép những người có tiền an vì những lý do chính-trị (kể cả các trọng tội báo-chí) có thể được nộp hồ sơ để xin xuất bản báo. Nếu Bộ Thông Tin ra quyết định từ chối vì lý do an tiêt chính-trị ấy, người nộp hồ sơ xin ra báo có quyền xin tiêu hủy quyết định ấy trước cơ-quan có thẩm quyền (Luật chỉ cơ quan này là Tham Chính Viện). Cơ quan tài-phạm hành-chánh này lúc ấy sẽ xét xem người đứng xin ra báo đã có tiền an vì lý do chính trị ấy có xứng đáng, có nguy hiểm hay không để tiêu hủy hay không tiêu hủy quyết định của Bộ Thông-Tin.

- Điều 4 Đoạn 6 (Cũ) bắt buộc chủ nhiệm phải nộp bản sao khổ ước hùn vốn để xuất bản tờ báo, nếu có. Va kể từ 4.8.1972 Sắc Luật 007-TT/SLu Điều này được sửa đổi là : " Văn kiện chứng minh xuất xứ vốn kể cả tiền ký quỹ ". Sau gung ở Điều 15 đoạn chốt (cũ cũng như mới) bắt buộc rằng sự tăng vốn phải được chứng minh xuất xứ.

Qua những điều khoản trên liên hệ tới vốn xuất bản, chúng ta thấy rằng tuy luật có đề cập tới vấn đề kiểm soát nguồn gốc tài-chánh, nhưng hay còn to rạ rụt rẻ, không tích cực. Biện pháp do luật nêu ra chỉ nhằm mục đích thông báo chứ không nhằm mục đích giới hạn. Do đó tại-phiệt muốn thao-tung lang báo Việt-Nam không khó khăn gì. Ở Hoa Kỳ, có các Luật Sherman và Clayton Act chống việc tập trung tư-ban để lung đoạn đời sống kinh-tế và chính-trị quốc-gia, ở Anh, từ 1947, Ủy Ban Hoàng Gia được thiết lập để điều tra nguồn gốc tài chánh các báo-chí và xu-hướng độc quyền báo-chí. Điều 55 Hiến pháp Thụy-Si cũng dự liệu việc kiểm soát nguồn gốc tài-chánh.

- Bắt buộc phải đóng tiền ký quỹ quạ cao (20 triệu đồng đối với nhật-báo, 10 triệu đồng đối với các báo định kỳ) như được quy-định nơi đoạn 6 Điều 4 (mới) là một điều kiện quá khắc nghiệt đối với người lam báo. Chúng ta sẽ xét rõ hơn vấn đề này ở đoạn sau.

- Bắt buộc Chủ nhiệm phải khai đầy đủ danh sách Ban Quản-Lý và Bộ Biên Tập cho Bộ Thông Tin và Bộ Nội Vụ trước khi xuất bản cũng như khi có sự thay đổi với tất cả tên họ, bút hiệu, ngày và nơi sanh, tru quán, số ngày và nơi cấp thẻ căn-cước theo như điều 15 (mới) là một việc quá khắc khe đối với một nghề tự do như nghề lam báo. Phải chăng để chính quyền tiện việc theo dõi và kiểm soát hành vi tung ca nhân người lam báo ?

2/- VỀ NHỮNG THỦ-TỤC :

- Ưu điểm của thủ tục xin xuất bản báo là luật đã mặc nhiên bãi bỏ thẩm quyền độc của Bộ Thông Tin trong việc cho phép ra báo như trước. Ngay trước, nhiều người xin ra báo, nộp đơn ở Bộ Thông Tin rồi chờ mãi, nhiều khi không được phép xuất bản mà không biết mình đã phạm những lỗi làm gì. Nay thì thủ tục đã rõ ràng. Bộ Thông Tin nếu không chấp thuận hồ sơ xin ra báo phải có một quyết định từ chối cơ viện dân lý do. Người xin ra báo nếu thấy lý do mà bộ Thông Tin viện dẫn không chính đàng sẽ có quyền kiện trước Tham Chính Viện để xin tiêu hủy quyết định ấy ngõ hầu được quyền xuất bản. Tham Chánh Viện không được trì hoãn trong việc xét xử mà phải phán quyết trong vòng 30 ngày. Như vậy, người đứng xin ra báo sẽ được bao đảm hơn, không còn sợ Bộ Thông Tin bác khước đơn một cách độc-đoán nữa.

...../.....

- Tuy nhiên Sắc Luật 007-TT/SLu ngày 4/8/1972 sửa đổi Điều 7 Luật 019/69 về thủ tục khai báo như sau: " Bộ Thông Tin phải cấp biên lai chính thức trong thời hạn ba (3) tháng, kể từ ngày cấp biên lai tạm thời " (Thời hạn này lúc trước định là 1 (một) tháng. Sự sửa đổi này phải chăng nhằm mục đích kéo dài thời gian chờ đợi để làm nản chí người xin ra báo? Bởi trong thời gian ba tháng chờ đợi ấy, người xin ra báo có thể bị hao hụt vốn liếng hoặc không còn đầy đủ " ê-kíp " công tác viên để đến khi Bộ Thông Tin ra quyết định từ chối, họ sẽ không còn thiết tha trong việc kiện trước Tham Chánh Viện.

- Điều 8 Luật 019/69 quy định trường hợp Bộ Thông Tin ra quyết định từ chối, người xin báo có quyền xin tiêu hủy quyết định ấy trước Tham-Chánh-Viện, phải chăng là một sự nhầm lẫn của các vị Lập Pháp 1969, trong khi nên kiện trước Tối Cao Pháp Viện đúng hơn? Bởi như chúng ta đã biết, Tham Chánh Viện là một cơ quan Tái-phan Hành-chánh được thiết lập do Dự số 38 ngày 9.11.1954. Trong số các thẩm quyền Tái-phan của cơ quan này có thẩm quyền sơ và chung-thẩm những việc xin thu tiêu các quyết định Hành-chánh cá nhân hay lập qui cơ tì-tích không lý do hay căn cứ vào lý do không được xác thực (tức các quyết định Hành-chánh bất hợp pháp). Thế nhưng luật số 7/68 ngày 3.9.1968 qui định việc tổ chức và điều hành Tối-cao Pháp-Viện, nội Điều 2 đã quy định rằng cơ quan này có thẩm quyền phán quyết về tính cách bất hợp-Hiến và bất hợp pháp của các Sắc-Lệnh, Nghị-định và Quyết-định Hành-chánh. Luật 7/68 không đề cập gì đến việc bãi bỏ hay duy trì cơ-quan Tham Chánh Viện. Như vậy, đương nhiên thẩm quyền phán quyết về tính cách hợp pháp của các quyết-định Hành-Chánh kể từ 3.9.1968 được di-giao Lên Tối Cao Pháp Viện. Trong khi đó, Luật số 019/69 ấn định quy chế Báo-chí được ban hành ngày 30.12.1969 tức sau ngày thiết lập Tối Cao Pháp Viện hơn một năm. Thế tại sao muốn xin tiêu hủy một quyết định của Bộ Thông Tin (một quyết định Hành-chánh) Luật 019/69 buộc phải xin ở Tham Chánh-Viện? Có lẽ Luật 019/69 được soạn thảo lúc chưa có định-chế Tối Cao Pháp Viện và đến khi được biểu quyết tại Quốc-Hội, các nhà Lập-Pháp đã quên đi sự có mặt của Tối Cao Pháp Viện cùng với thẩm quyền tiêu hủy những quyết định Hành-chánh. (1).

Tuy nhiên, theo đúng Luật 019/69, Tham-Chánh-Viện lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất - cho đến nay - đã xét xử vụ ông HUYỄN NGỌC PHỔ tức ky-gia lao thanh HOÀNG-PHỔ kiện Bộ Thông-Tin vì Bộ này từ chối không cấp Biên-lai chính thức cho ông xin xuất bản tờ " SAIGON TUẦN BÁO " mà khi viện dẫn lý do theo như Điều 7 khoản chốt Luật 019/69 đã qui định. Tham-Chánh-Viện sau nhiều phiên họp đã phán-quyết hôm 7.8.1972 tiêu hủy quyết-định ngày 20.3.1972 của Bộ Thông-Tin. Do đó, họ sơ khai báo xin xuất bản tờ SAIGON TUẦN BÁO đương nhiên được coi là hợp lệ. Đây là lần đầu tiên, cũng là lần duy nhất, một vụ kiện loại này xảy ra và Báo-chí đã thắng-lợi. Đó là một điểm son trong việc thực thi quy-chế Báo-chí.

...../.....

(1) Nhận xét này là ý kiến của Giáo-sư NGUYỄN KHẮC NHAN trong giảng-văn LUẬT HÀNH CHÁNH Lớp Cao Học 7, niên khóa 1971 - 1972.

- Về thủ tục nộp bản, Luật 019/69 trước qui định là báo chỉ được đem ra khỏi nhà in để phát hành sau khi đã nộp bản tại cơ quan Thông Tin ít nhất 2 giờ đối với nhật báo và 6 giờ đối với tạp chí định kỳ, và sau ngày 4.8.1972 thời hạn này được sửa đổi là 4 giờ và 12 giờ. Với sự sửa đổi này phải chăng nhà cầm quyền muốn có đủ thời giờ để kiểm soát bài vở ngõ hầu tịch thu kịp thời trước khi tờ báo tới tay độc giả.

Song song đó, Sắc luật 007/TT/SLu ngày 4.8.1972 còn bắt buộc chủ nhiệm phải khai rõ số lượng phát hành với cơ quan Thông Tin. Như vậy phải chăng chính quyền đã buộc báo chí tiết lộ bí mật nghề nghiệp. Bởi số lượng phát hành của một tờ báo được coi như bí mật nghề nghiệp vì nếu khai rõ với cơ quan Thông Tin, con số này có thể bị tiết lộ ra ngoài. Một khi độc giả biết số phát hành một tờ báo qua thấp, có thể sẽ không còn tin nhiệm tờ báo ấy nữa. Và lại, một vấn đề đặt ra là nếu tờ báo khai gian số lượng phát hành, liệu rằng cơ quan Thông Tin chính phủ có thể biết được chăng. Do đó biện pháp bắt buộc khai rõ số lượng phát hành xét ra không cần phải được ghi vào luật.

Một nhận xét say sảng về qui chế xuất bản liên hệ tới nghĩa vụ khai rõ tên và địa chỉ tất cả các nhà in đã in tờ báo theo như Điều 4 (mới), Khoản 1, đoạn cuối. Mục đích của thủ tục này phải chăng là để chính quyền biết chỗ mà kịp thời tịch thu các bản chỉ, bản kẽm đã in tờ báo đã có lệnh tịch thu. (bởi Điều 19 (mới) đoạn 2 có ghi rõ: "Lệnh tịch thu nói trên (tức tịch thu tờ báo có bài phạm luật) có thể bao gồm việc tịch thu các bản kẽm, khuôn đúc, khuôn chỉ dùng để in số báo bị tịch thu)

Đoạn 3 : NHỮNG VẤN ĐỀ THỰC-TẾ
LIÊN HỆ TỚI QUYỀN XUẤT BẢN

1/- VẤN ĐỀ TIỀN KÝ QUỸ :

Luật lệ liên hệ tới quyền xuất bản suốt hơn 100 năm sinh-hoạt báo chí Việt-Nam dù rằng có lúc khỏe-khỏe tốt-cung, nhưng chưa bao giờ bắt buộc người xin ra báo phải đóng tiền ký quỹ. Biện cố trong đại đến với làng báo Việt-Nam kể từ khi ban hành sắc luật 007-TT/SLu ngày 4.8.1972 sửa đổi Qui Chế Báo Chí. Trong số những điều kiện đề xuất ban báo đóng tiền ký quỹ là một điều kiện tương đối khó khăn hơn hết đối với người làm báo xứ ta. Số tiền ký quỹ lại quá cao : HAI CHỤC TRIỆU BẠC đối với nhật báo và 10 triệu đối với báo Định-kỳ. Số tiền này được giảm một nửa đối với cơ-quan ngôn-luận của chính đảng được hợp thức hóa và sẽ miễn hẳn đối với các Tạp Chí có tính cách thuần túy nghiên cứu về từng lãnh vực riêng biệt như Giáo-dục, Tôn giáo Kỳ-thuật v.v... Riêng đối với các báo đang xuất bản, trong hạn 30 ngày phải đóng đủ số tiền ký quỹ này, nếu không, coi như tự y đình bản.

Sắc Luật ghi rõ là khoản tiền ký quỹ này dành để bảo đảm việc thanh toán các ngân-hình, an phi và tiền bồi thường thiệt hại cho dân sự nguyên-cao định, trong những bản an tuyên xử liên quan đến những vi phạm báo chí mà tờ báo có thể mắc phải. Số tiền ký quỹ này phải luôn luôn đầy đủ.

...../.....

Nếu bị Tổng Nha Ngân Khố khấu trừ để thanh toán các ngân-hình hoặc bồi-thương thiệt hại cho dân sự nguyên-cáo sau khi đã có ban an chung thẩm mà vì Chu-nhiệm vẫn không thi-hành, ông ta phải đóng thêm cho đủ trong hạn 15 ngày, nếu không, tờ báo coi như tự đình bản. Và số tiền ký quỹ tại Tổng Nha Ngân Khố coi như một món tiền ký thác trong một trương mục có lãi. Thế nhưng sắc-luật không cho biết là với lại xuất bao nhiêu.

Một ví Chu-nhiệm Nhật-báo đã tâm sự như sau ngay khi Sắc Luật 007-TT/SLu ngày 4.8.1972 vừa được ban hành :

" Việc này gây nên sự thiệt thòi quá đáng cho các báo nếu xoay số vay mượn đủ số tiền ký quỹ theo luật định để tiếp tục xuất bản. Nhất là số tiền đó phải đi vay lãi cho đủ là với lại xuất nhẹ nhất cũng là một gánh nặng mà báo chí khó lòng chịu đựng nổi " (1).

Báo chí, nhất là các nhật báo ở Saigon đã đồng loạt phản đối điều kiện khắc nghiệt này ngay sau khi sắc-luật được ban hành. Điển hình nhất phải kể là bài Bình-Luận của Nhật báo Chính-Luận, một tờ báo nổi tiếng là đứng đắn. Với nhan đề " Tiên... định " tại mục Ý-kiến Nhật báo Chính-Luận số ra ngày 7.8.1972 đã có những đoạn mỉa mai về số tiền ký quỹ như sau :

"... Rõ ràng rằng điều nổi bật trong chánh sách mới về báo-chí đã đặt vấn đề tiền như là cái cốt : hoặc đối với người quốc-gia không có 10 triệu, 20 triệu thì đừng nói tới quyền sử dụng tự do ngôn luận và tự do báo-chí mà Hiến-pháp 1/4 vẫn còn hiệu lực đã cam kết tôn trọng như đó là một trong những quyền căn bản; hoặc đối với Cộng sản muốn sử dụng báo chí tại miền Nam, sẽ không thành đạt mục tiêu bởi Cộng sản vốn là vô sản (1) thì lấy đâu ra tiền để ra báo

... Việc đặt nặng điều kiện tiền trong việc sử dụng quyền tự do ngôn luận và báo chí không thể không bị hiểu như quyền này chỉ được dành cho kẻ có tiền...

... Số tiền ký quỹ được coi như là để " bảo đảm việc thanh toán các ngân-hình ". Về điều này Điều 7 khoản 8 Hiến pháp có định rằng : " bị can được suy đoán là vô tội cho tới khi ban an xác nhận tội trạng trở thành nhất định ". Điều này áp dụng cho những trường hợp đã bị nghi là có tội (bị tạm giam giữ chân hạn). Thế nhưng việc báo-chí phải nộp phạt sẵn trước khi chưa phạm pháp gì hết (nghĩa là đến " nghi " cũng chưa) thì khác biệt là như thế có trái với Hiến-pháp? "

(1) Tạp chí Ngôn Ngữ phỏng vấn ông LÊ PHẠM LONG, Chủ nhiệm Nhật báo TRẦN THỦ. Trích ở Tạp Chí Ngôn Ngữ số tháng 9/1972.

Sau khi Sắc Luật 007 được ban hành gần đúng 30 ngày, tức gần tới hạn kỳ mà các báo đang xuất bản phải điều chỉnh tình trạng để có thể tiếp tục xuất bản (tức phải nộp tiền ký quỹ), Bộ Thông Tin cho triển hạn thêm 12 ngày nữa (tức thành 42 ngày thay vì 30 ngày để điều chỉnh). Với lý do là chỉ có một vài tờ báo điều chỉnh tình trạng mà thôi. Tuy nhiên, đến ngày 16.9.1972 tức ngày hết hạn cho các báo đang xuất bản "điều chỉnh tình-trạng", kết quả vẫn không đến nỗi qua bi-đạt, nghĩa là số báo coi như tự y đình bản vẫn không tới một nửa so với trước đó. Và đến tháng 3/1973, tình trạng coi như đã ổn-định thì số báo xuất hiện trên các sạp báo hình như vẫn không có gì thay đổi nhiều so với 8 tháng trước, khi chưa có Sắc Luật 007, nhất là các nhật báo.

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ BÁO XUẤT BẢN TRƯỚC VÀ SAU
SẮC LUẬT-TT/SLu ngày 4.8.1972 (1).

	SỐ NHẬT BÁO					SỐ BÁO ĐỊNH KỲ	
	Việt ngữ	Hoa ngữ	Anh ngữ	Pháp ngữ	Bao Đĩa phương.		
Tháng 7/72	29	15	2	1	2	tháng 2/1972	: 123 (2)
Tháng 3/73	19	11	1	1	0	tháng 3/1973	: 49 (3)

Sau đó, để mở một lối thoát cho các tạp chí, Bộ Thông Tin kêu gọi rằng tạp chí định kỳ nào muốn tiếp tục xuất bản mà không đóng tiền sẽ phải ra báo dưới hình thức đặc san hoặc giai phẩm và phải chịu sự kiểm duyệt của Sở Phối hợp Nghệ-Thuật (trực thuộc Bộ Thông Tin) !

- (1) Theo tài liệu của Nha Báo Chí, Phủ Tổng Ủy Dân Văn.
- (2) Gồm Bản Tuần Báo, Tuần Báo, Bản Nguyệt San, Nguyệt-San, Nhị nguyệt-san, Tam Nguyệt-San.
- (3) Trong số này chỉ có 4 tuần báo phải nộp tiền ký quỹ.

Kết quả của biện pháp đóng tiền ký quỹ do Sắc-luật 007 bắt buộc là :

- Một số nhật báo và Tạp Chí đổi lập với chính quyền tự ý định ban có thể vì không đủ tiền ký quỹ, có thể vì không đồng ý kiến với điều kiện khác-khê ấy, cũng có thể vì e ngại những chế-tại gắt gao cũng do Sắc Luật 007 đề ra để sửa đổi những biện pháp chế-tại cũ.

- Một số những tạp chí hưởng ứng lời kêu gọi của Bộ Thông-Tin tự ý biến thành những giai phẩm Đắc-San và phải chịu sự kiểm duyệt của Bộ Thông Tin để được tiếp tục xuất bản (điển hình là Tạp chí Bách Khoa của Ông LÊ NGỌ CHÂU, một Tạp-Chí tương đối có giá trị ra đời từ năm 1957).

- Một số nhật báo và Tạp-chí tuy không đổi lập, nhưng có uy-tin cao phải tự định ban với những lý do giống như ở trường hợp thứ nhất kể trên (điển hình là Nhật-Bao Đuốc Nha Nam của Ông TRẦN TÂN QUỐC).

- Loại bỏ hơn một nửa báo định kỳ (xem bản đối chiếu ở trên).

Qua những kết quả vừa kể, chúng ta có thể nhận thấy với biện pháp nạp tiền ký quỹ mà Sắc Luật 007-TT/SLU ngày 4.8.1972 đề ra, Chính Phủ đã thành công phần lớn trong việc " chấn-chỉnh lang bao nước nhà " đúng như mục tiêu của Sắc Luật 007 mà các hệ thống Truyền-Thanh Truyền Hình vẫn nhắc đi nhắc lại hàng ngày ngay sau khi Sắc Luật này được ban hành. Nhưng " chấn-chỉnh " theo lối này qua là, không nhiều thì ít, quyền tự do Báo-chí đã bị vi phạm.

2/- VẤN ĐỀ IN GIẤY BÁO :

Đối với các vị Chủ báo tại Việt-Nam từ trước tới nay, một trong những vấn đề nan giải nhất là vấn đề giấy in báo. Làm thế nào để có đủ giấy để in và làm thế nào để mua giấy với giá rẻ? Đó là những câu hỏi mà bất cứ vị Chủ nhiệm nào cũng đã đặt ra từ trước tới nay. Thế nhưng với hơn 100 năm sinh hoạt báo chí Việt-Nam, Luật lệ chưa bao giờ giải quyết được vấn đề này.

Sự kiện khan hiếm giấy in báo và phải mua nó với giá đắt đã bắt nguồn từ việc kỹ-nghệ sản xuất giấy tại Việt-Nam không đủ thỏa mãn nhu cầu tiêu thụ của báo-chí. Do đó từ trước tới nay, báo chí phải dùng giấy nhập cảng.

Từ 1962, chính quyền đã miễn thuế nhập cảng cho giấy in báo nhằm mục đích giúp báo-chí phát hành với giá rẻ để tiêu thụ. Nhưng nhiều nhà nhập cảng đã lợi dụng cơ hội này để dùng giấy bao vào việc khác

Để tránh lạm dụng, nhà cầm quyền đã hạn chế nhập cảng. Do đó, tình trạng khan hiếm giấy bao xảy ra. Cơ khan hiếm là cơ nạn chợ đen. Thế nên chính-quyền cho áp dụng chế độ cấp phát phiếu mua giấy in báo với giá rẻ (thường gọi là bông giấy).

Lúc đầu, các nhật báo được cấp phát đồng đều, mỗi tờ được 60 ram (1) giấy mỗi ngày. Hậu quả là những nhật báo có số phát hành cao không đủ giấy để in, phải mua chợ đen. Trong khi đó, những nhật báo có qua ít độc giả lại dư giấy dùng và đem bán chợ đen số giấy dư này. Vào thời ấy, ai có giấy phép xuất bản báo, chỉ cần làm báo lậu lao cùng sống được nhờ vào số giấy được mua với giá rẻ về bán lại chợ đen.

Về sau, nhận thấy thể thức cấp giấy theo tiêu chuẩn trên, quá bất công nên chính quyền cấp bông giấy theo số phát hành của các báo. Nhưng giới hạn tối đa là 100 ram cho mỗi nhật báo. Chế độ này có vẻ công bình hơn, nhưng cũng bị lạm dụng. Bởi, lúc ấy chính quyền nâng đỡ những tờ báo ủng hộ mình bằng cách cấp phát bông giấy tối đa cho họ. Do đó, báo nào muốn thu lợi bằng cách bán giấy lại với giá chợ đen, chỉ cần thân chính quyền là được việc.

Đến tháng 6 năm 1967 thì việc phân phối giấy báo lại theo một thể thức mới. Giấy báo được nhận càng tự do nên nạn khan-hiếm không còn. Tuy nhiên giá giấy rất đắt : 470\$00 một ram thay vì 360\$ như trước. Nhưng Bộ Thông Tin có thể trợ cấp cho báo nào có đơn xin. Việc trợ cấp dựa theo thái độ chính trị của tờ báo chứ không theo số phát hành. Báo nào ủng hộ chính quyền được trợ cấp nhiều. Hình thức trợ cấp là thay vì phải mua với giá tự do 470\$00/1 ram, nay chỉ phải trả 220\$00 thôi, nghĩa là chính quyền trợ cấp 250\$00 mỗi ram giấy. Tuy nhiên, giới hạn trợ cấp tối đa, là 40 ram mỗi ngày cho một tờ báo 4 trang và 80 trang mỗi ngày cho báo 8 trang.

Đến tháng 3 năm 1970, sau khi qui chế báo-chỉ được ban hành, với sự dự trù thành lập Hội Đồng Báo-chỉ, chính quyền giao phó cho Hội-đồng này vai trò phân phối giấy in báo theo thể thức sau đây :

a)- Đối với các nhật báo hiện đang xuất bản lúc ấy được cấp khoản 10.000 Tấn mỗi năm để Hội Đồng Báo chỉ tùy nghi phân phối.

b)- Đối với các nhật báo sẽ xuất bản sau này được cấp phát bông giấy theo tiêu chuẩn :

- Hạng A (Phát hành trên 30.000 số mỗi ngày) :
Được tối đa 25.000 tờ

- Hạng B : (Phát hành từ 15.000 đến 30.000 số mỗi ngày) :
Được tối đa 20.000 tờ

- Phát hành từ 12.000 đến 15.000 số mỗi ngày) :
Được tối đa 13.000 tờ

(1) Một ram giấy báo gồm 500 tờ khổ 65cm x 90cm tức 500 tờ báo 4 trang.

Riêng báo định kỳ được xét và cấp từ 3.000 đến 15.000 số mỗi định kỳ. Nha Báo-chỉ đã xác định số lượng cấp phát căn cứ trên hoa đơn nhà in, nội dung tờ báo và thăm dò báo giới về ước lượng số phát hành.

Sau cùng, kể từ tháng 3/1972 đến nay, chế độ bông giấy được bãi bỏ hẳn và giấy được nhập cảng tự do. Tuy nhiên giá giấy lại quá đắt và cứ vùn vụt tăng theo vật giá. (1) Tình trạng này đã khiến các vị Chu nhiệm phải ngán ngấm. Giấy quá đắt buộc lòng phải tăng giá báo. Nhưng giá báo tăng thì số độc giả kèm đi và nạn mượn báo càng hoành hành. Cứ mỗi lần giá giấy tăng, là báo-chỉ phải đổi. Điển hình là đầu năm 1972, do ở việc cho giấy báo nhập cảng tự do, giá đã tăng từ 530\$ lên 1.200\$00 mỗi ram. Hầu hết trong số 31 nhật báo đang xuất bản lúc ấy đã đình bản ba ngày liền để phải đổi.

Ngày nay, dù rằng chế độ bông giấy không còn nữa, không còn những cạnh bất công và khan hiếm trầm trọng nữa, nhưng báo chí gặp phải khốn đốn khác: Đó là nạn sụt giảm độc giả, hậu quả của việc đánh thuế giấy báo quá cao, khiến giá báo cứ tăng vọt mãi.

Thiết tưởng chính-quyền nên áp dụng trở lại thể thức trợ cấp một phần trên giá giấy báo nhập cảng, Tiêu chuẩn cấp phát có thể giao hẳn cho Hội Đồng Báo-Chỉ hoặc Hội Chu Báo Việt-Nam ấn định. Bởi Hội-Đồng Báo-chỉ, theo qui-chế báo-chỉ là cơ quan chính thức đại diện cho báo giới, phó thác cho họ nhiệm vụ ấy là một điều hợp lý. Hoặc Hội Chu Báo Việt-Nam, một Hiệp Hội qui tụ các vị Chu nhiệm, đảm trách nhiệm vụ này cũng là một điều hợp lý. Cơ quan ấn định tiêu chuẩn trợ cấp giấy này sẽ căn cứ trên số phát hành mà các báo khai ở cơ quan Thuế-Vụ để phân phối. Như vậy, một tờ báo vì sợ chịu thuế lợi tức cao, nên sẽ khai thấp số phát hành. Do đó chúng ta không sợ nạn khai số phát hành quá cao để trục lợi bằng số giấy trợ cấp.

Thực ra thì hồi 1970, Bộ Thông Tin đã giao phó một phần thẩm quyền phân phối giấy in báo được trợ cấp cho Hội Đồng Báo Chỉ. Nhưng vì lúc ấy Hội Đồng Báo Chỉ (2) bị báo giới tẩy chay nên phải giải tán. Do đó Bộ Thông Tin vẫn nắm luôn quyền phân phối. Có lẽ chính quyền thực tâm muốn giao hẳn việc phân phối giấy báo cho báo giới tự định đoạt. Nhưng Hội Đồng Báo Chỉ năm 1970 không tồn tại lâu dài nên chế độ trợ cấp vẫn do Bộ Thông Tin áp dụng và ấn định tiêu-chuẩn.

...../.....

- (1) Hiện thời, (tháng 5/1973) giá giấy in báo là 2.100\$ mỗi ram và có tin sắp sửa tăng lên 2.600\$00 hoặc hơn nữa.
- (2) Hội Đồng Báo-chỉ hồi tháng 3/1970 do Ông Đặng Văn Bé, Chủ Nhiệm Nhật Báo THÁCH ĐÓ, làm Chu-Tịch.

Giải pháp trợ cấp mà chúng tôi đề nghị ở trên chỉ có tính cách cấp thời. Trong trường kỳ, để khỏi nhập cảng giấy in bạc, để khỏi cái nạn giá bạc qua đắt, biện pháp hay nhất đối với chính quyền là khuyến-khích và tạo điều-kiện để kỹ-nghê sản xuất giấy nội địa cung cấp đủ số giấy in cho báo chí.

Tom lại, vấn đề giấy in bạc đối với làng báo Việt-Nam là một vấn đề quan trọng, ảnh hưởng tới sự phát triển và cả sự tồn vong của giới này. Nếu để chính quyền có toàn quyền trong việc trợ cấp và phân phối, quyền tự do xuất bản chắc chắn sẽ bị vi phạm. Trái lại, nếu cho nhập cảng và bán tự do như những món hàng nhập cảng khác, giá lại qua đắt, quyền tự do phát hành vô tình đã bị hạn chế (bởi số độc-gia sẽ ít hơn). Do là chưa kể việc số phát hành bạc-chi sút kém sẽ gây tai hại rất nhiều cho trình-độ dân-tri một quốc-gia. Bao giờ chính quyền giải quyết được vấn đề giấy, chúng ấy quyền tự do xuất-ban báo chí mới không bị đe dọa.

o
o o

...../.....

CHƯƠNG IV

QUYỀN PHÁT HÀNH BÁO - CHÍ

o°o

Báo-chí dù được tự do xuất bản, nhưng quyền phát hành bị bóp nghẹt hay hạn chế thì coi như chẳng còn tự do gì cả. Bởi báo-chí không đến tay độc giả một cách sâu rộng, quyền tự do ngôn-luận coi như không đạt được.

Chúng ta sẽ xét ở Chương này căn bản pháp lý của quyền phát hành báo chí và thực trạng của quyền này.

Đoạn 1 : CĂN BẢN PHÁP LÝ

Chương IV Qui-Chế Báo-Chí ấn định quyền phát hành báo-chí minh thị rằng mọi thể nhân hay pháp nhân đều có quyền này. Nhưng trước và sau ngày Sắc Luật 007/TT/Slu ra đời, mọi điều kiện và thể thức đều khác hẳn nhau.

Luật 019/69 chưa bị sửa đổi bởi Sắc Luật 007 qui định hai Trường hợp :

- Phát hành báo chí do chính mình xuất bản
- và - Phát hành báo-chí do người khác xuất bản.

Trường hợp phát hành báo chí do chính mình xuất bản thì 8 ngày trước khi hoạt động, đương nhân phải thông báo cho Bộ Nội Vụ và Bộ Thông-Tin rõ cơ sở phát hành, danh sách nhân viên phụ trách việc phát hành, danh sách và địa chỉ các đại lý trên toàn quốc. Nếu phát hành báo do người khác xuất bản thì ngoài những điều kiện trên, còn phải ký quỹ tại Tổng Nha Ngân Khố 500.000\$ và gửi biên lai đến Bộ Nội-Vụ và Bộ Thông-Tin 15 ngày trước khi hoạt động (Điều 36 và 37 cũ).

Đến khi Sắc-luật 007 ra đời ngày 4.8.1972, điều kiện và thể thức hoàn toàn được sửa đổi. Theo Sắc-luật này, vẫn có hai trường hợp phát hành như trên. Trường hợp phát hành báo do chính mình xuất bản, Chủ Nhiệm phải nộp một hồ sơ khai-báo tại Bộ Nội-Vụ gồm :

- Một tờ khai lập thành 3 bản có chữ ký của Chủ Nhiệm được thị thực và ghi rõ họ tên, tuổi, số, ngày, nơi cấp Thẻ Căn-cước của Chủ-nhiệm, tên Nhật-báo hoặc Tạp-chí, địa chỉ cơ sở phát hành tại địa phương đặt báo-quan.

- Danh sách ghi rõ họ tên, tuổi, số, ngày, nơi cấp Thẻ Căn-cước của tất cả các nhân viên phụ-trách phát hành tại địa phương đặt báo-quan và một danh sách khác của tất cả đại-diện phát hành và địa chỉ của Đại-ly phát hành các Đô-Tỉnh-Thị.

...../.....

- Biện nhận, đóng tiền ký quỹ tại Tổng Nha Ngân Khố trong 1 trường mục có lời : đối với nhật báo 5 triệu đồng, đối với Tạp chí 2, 5 triệu đồng.

- Vấn kiện chứng minh xuất xứ vốn kể cả tiền ký quỹ.

Nếu phát hành báo do người khác xuất bản hoặc phát hành nhiều hơn một tờ báo dưới hình thức tờ hợp, phải có giấy phép của Bộ Nội Vụ cấp. Hồ sơ xin phép ngoài những giấy tờ giống như trường hợp phát hành báo do chính mình xuất bản, còn phải có các giấy tờ về lý lịch của người đứng đầu cơ sở phát hành như : bản sao Thẻ căn cước có thị thực, giấy khai sinh, trích lục Tư Pháp lý lịch, và đặc biệt là số tiền ký quỹ trong trường hợp này 50 triệu bạc.

Trong cả hai trường hợp trên, nhà Phát Hành Trung-Tương và các Đại-ly ở Tỉnh phải lập 1 cuốn sổ có danh số trang, được cơ quan hành chính sở tại kiểm nhận, danh đề ghi số lượng báo đã được phân phối tại địa phương trong ngày. Nhà chức trách có thể kiểm soát cuốn sổ này nếu xét cần (Điều 37 mới).

Ngoài ra, Luật 019/69 nơi Điều 38 (không bị sửa đổi) còn qui định rằng mọi hình thức cho mượn báo đều bị cấm chỉ. Người cho mượn cũng như người mượn báo đều bị trừng phạt theo luật định.

Đoạn 2 : N H Ậ N X Ế T

Có lẽ vì muốn tôn trọng Báo-giới, để hoạt động phát hành cho Báo-giới tự do đình đốn, nên Luật 019/69 chỉ ấn định quạ số sai về vấn đề phát hành. Luật đã không tru liệu nhưng tệ trạng có thể xảy ra trong việc phát hành nhằm bóp chết hay giới hạn quyền tự do phổ biến báo chí. Luật chỉ bị buộc những điều kiện khó khăn cho người đứng ra xin phát hành, nhất là sau ngày qui-chế phát hành bị sửa đổi bởi Sắc Luật 007/TT/SLu.

Phát hành báo do người khác hay phát hành hơn một tờ báo theo sự sửa đổi nay phải xin phép ở Bộ Nội Vụ. Có người ở ngoài rằng Chính-quyền có thể từ chối không cấp giấy phép hoạt động cho những nhà phát hành nào không thân chính-quyền và sau cùng thì có thể chỉ một cơ sở phát hành qui mô duy nhất sẽ được chính-quyền chấp thuận hoạt động, dĩ nhiên phải thân chính quyền (không kể những tờ báo tự phát hành lấy). Như vậy gọi như chính quyền sẽ có thể thao túng lang báo để đàng qua việc phổ biến báo chí. Thế nhưng luật không dự liệu việc trừng phạt những nhà phát hành nào từ chối phát hành hay cố ý phát hành hạn chế báo của người khác xuất bản hợp pháp mà họ đã lãnh phát hành.

Thêm vào đó, việc đóng tiền ký quỹ quá cao đã khiến người ta lo sợ nạn độc quyền phát hành. Mà độc quyền phát hành thường dễ đưa đến thiên-vị và lam áp lực đối với báo-chí.

Sau cùng, việc bắt buộc các Đại-ly phát hành phải lập một cuốn sổ ghi số lượng báo phân phối tại địa phương cùng việc khai rõ lý lịch và nơi cư trú của các nhân viên phát hành là những điều qua khắc-khe. Buộc khai rõ số lượng báo đã phân phối nhằm mục đích gì? Phải chăng để tịch thu cho trọn vẹn mọi khi tờ báo có bại vi-luật? Hay để biết số phát hành thực sự của tờ báo? Buộc khai rõ lý lịch và địa chỉ các nhân viên phát hành phải chăng nhằm mục đích dễ tìm ra thu phạm phân phối tờ báo có bại vi-luật? Nếu đúng vậy thì qua Chính quyền qua lộ xa. Vì Điều 50 Luật 019/69 đã ấn định rằng những người phân phát báo chí bị truy-tố như phạm phạm nếu không tìm ra được theo thư tự chu-nhiệm, quan-ly, chủ bút, tác gia, nhà in.

Đoạn 3 : THỰC TRẠNG QUYỀN PHÁT HÀNH

Phát hành báo-chí là một vấn đề quan trọng, có ảnh hưởng đến cả sự tồn vong của một tờ báo. Báo-chí Việt-Nam với những phương tiện eo-hẹp, không đủ khả năng để phát hành báo của mình nên phải nhờ đến những cơ sở phát hành chuyên nghiệp đảm nhận vai trò này. Hai đặc tính quan trọng trong vấn đề phát hành là : Nhanh - chóng và sâu rộng. Một tờ báo muốn cạnh tranh với các đồng nghiệp khác phải đạt được cả 2 đặc tính trên. Chỉ có những hệ thống phát hành chuyên nghiệp với đầy đủ những phương tiện chuyên chở và phân phối cùng nhân sự đồng-đạo mới có thể đảm trách vai trò phát hành được chu đáo. Ngay nay, tại Việt-Nam chỉ có những Tạp-chí định kỳ của công-giao là có hệ-thống phát hành riêng, còn tất cả những nhật báo và tạp-chí định kỳ khác đều phải nhờ đến những hệ thống phát hành của tư-nhân.

Bốn hệ thống phát hành vẫn còn tồn tại từ sau Cách Mạng 1 tháng 11/1963 đến nay là Độc-Lập, Hào-Chí (cho vùng Saigon) và Đông Nai, Nam Cường (cho các tỉnh trên toàn quốc).

Ngày nay, với Luật 019/69, chính quyền có thể khuyến-đạo các báo đối-lập bằng phương-cách tịch thu và truy-tố ra Tòa để đang nên ít khi uy-hiệp báo-chí bằng phương cách bốp nghet phát hành. Tình hình chính trị tương đối ổn cố trong những năm gần đây cũng đã khiến các nhóm áp-lực không còn uy-hiệp báo-chí bằng đường lối ngăn chặn sự phát hành như trước kia. Các tổ đoàn phát hành hiện vẫn còn tồn tại phần lớn là do các tổ chức phát hành mà ra.

Thường khuyến hướng các nhà phát hành là ưu-đãi các báo nhiều độc gia vì các báo này mang đến cho họ nhiều lợi lộc hơn. Biện pháp ưu-đãi mà các nhà phát hành áp dụng với các báo có số phát hành cao là thanh toán tiền nong kha song-phãng và cho phân phối báo đều-hóa ở các Đại-ly.

Đối với các báo nghèo, có số phát hành ít, hay đối với những tờ báo không được cam tính của nhà phát hành, nhà phát hành thường hay bạc đãi như thanh toán tiền nong chậm trễ hay có khi sang-đoạt cả tiền bản báo.

Do ở những tệ trạng trên, từ 1965, tuyên ngôn chung của Đại Hội Báo-chi (Họp từ 5 đến 15.4.1965 tại Nhà Văn Hóa Saigon) đã đưa ra những nguyên tắc về phát hành Báo-chi như sau :

1. Việc phát hành báo chí do nhà báo đảm nhận
2. Tất cả những người bán sỉ và bán lẻ đều là thừa nhiệm của nhà báo.
3. Các tệ đoạn trong việc phát hành như cho mượn báo không trả tiền đúng hạn cho nhà báo, trả trộn báo cũ bán ký vào báo không bán được để tra lại cho nhà báo; phải được trừng phạt theo hình luật bằng các tội danh : Lương gạt, bội tín và mạo hóa.

Nhưng theo thời gian, những nguyên tắc về phát hành kể trên không hề được ai tôn trọng. Đến khi qui chế báo-chi được ban hành với sự dự trù việc thành lập Hội-Đồng Báo-Chi, ban qui-ước báo-chi 1971 do Đại-Hội Báo-chi chấp thuận đã giao cho Hội-Đồng này trách vụ "Can thiệp với chính quyền để rút giấy phép hành nghề và truy tố ra Tòa nhà Phát-Hành vi phạm những điều sau đây : em báo và thiên-lệch trong việc phân phối báo, trộn báo cũ vào báo dư, rút một báo khi tra lại cho nhà báo, và sang-đoạt tiền bản báo " (Điều 60 qui-ước báo-chi 1971). Ngoài ra, ban qui ước báo-chi còn qui định rằng " Các chi tiết về thể thực phát hành và tỷ lệ hoa-hồng sẽ được thỏa thuận giữa Hội Đồng Báo Chí và nhà Phát Hành bằng một hợp đồng chung " (Điều 35 qui ước Báo-chi 1971).

Thế nhưng trong thực tế, bởi sự bất lực của Hội Đồng Báo-Chi, các tệ trạng về phát hành kể trên vẫn thịnh thoang xảy ra mà không bị một sự chế tài nào.

Với sự ra đời của Sắc-Luật 007-TT/SLU ngày 4.8.1972, các điều kiện về phát hành đã thay đổi, mà quan trọng nhất là điều kiện đóng tiền ký quy qua cao (50 triệu đồng đối với Nhà Phát Hành lãnh phát hành trên một tờ báo). Do đó, bốn nhà Phát Hành đã liên kết lại thành một cơ chế duy phát lấy tên là TRUNG TÂM TỔNG PHÁT HÀNH SÁCH BÁO VIỆT-NAM. Trung Tâm Tổng Phát Hành coi như một cơ sở phát hành duy nhất và hợp pháp đã đóng tiền ký quy 50.000.000\$00 hiện nay. Trung Tâm có nhiệm vụ điều hòa và phối hợp hoạt động của bốn nhà Phát Hành hiện có. Trên thực tế bốn Nhà Phát Hành cũ vẫn tiếp tục hoạt động với cơ sở và danh xưng như cũ. Trung Tâm chỉ là một danh xưng được lập ra để hợp-pháp-hóa hoạt động của bốn Nhà Phát Hành hiện có theo Sắc Luật 007 mà thôi.

Nơi đây, Trung Tâm cho biết nhằm giúp đỡ báo-chỉ Trung-Tâm đã đưa ra sáng kiến mới là kể từ tháng 8, 1973 trở đi, Trung Tâm ấn định tỷ lệ hoàn trả báo cũ cho các nhà Phát Hành sẽ ở mức cố định là 30%, các Đại-lý tỉnh sẽ phải gửi số báo cũ này về Saigon. Họ sẽ bán báo ki-lô luôn tại tỉnh. Số tiền bán báo được tính trên giá báo cũ tại thị trường Thủ-đô và sẽ gửi về nhà Phát Hành sau.

Với sáng kiến mới này, Nhà Phát Hành sẽ có lợi là thanh-toán được nạn chờ mượn báo và tiết kiệm được chi phí chuyển chở báo cũ về Thủ-đô để trả lại Nhà Báo. Báo chỉ cũng có lợi là với tỷ lệ hoàn trả báo cũ cố định 30%, họ sẽ không còn lo ngại ở nạn mượn báo nữa.

Tuy nhiên, còn bao nhiêu tệ trạng khác trong vấn đề phát-hành mà hiện chưa có biện pháp nào để giúp đỡ làng báo thoát khỏi sự uy-hiệp của Nhà Phát-Hành. Đó là những vấn đề : sổ sách kế toán của Nhà Phát Hành không phân minh, Nhà Phát Hành thanh toán tiền báo không đúng kỳ hạn, thiên lệch trong việc phân phối. Bao giờ những tệ trạng này bị chế tại một cách cứng quyết khi bị phát giác, chúng ấy quyền tự do phát hành báo chí mới có ý nghĩa đích thực.

Một giải pháp ôn-thoả nhất mà nhiều ý kiến đã đưa ra là việc thành lập một Công Ty Phát Hành do Hội Chu Báo hoặc Hội-Đông Báo Chỉ đứng ra quản trị. Vốn của Công Ty sẽ do chính các Chu Báo bỏ ra bằng cách mua cổ phần. Nếu thiếu, sẽ kêu gọi đến sự góp vốn của tư-nghân hoặc vay của Chính-phu. Qui chế của Công Ty phải bao đảm sự đối-xử bình đẳng với tất cả các báo, ngay cả với những báo nghèo không có cổ phần trong Công Ty. Co như vậy, việc phát hành hy vọng sẽ công-bình hơn và khó bị áp lực của chính quyền trong việc uy-hiệp những tờ báo đối lập.

...../.....

CHƯƠNG V

QUYỀN HÀNH NGHỀ KÝ - GIẢ

Tại Việt-Nam từ xưa tới nay nghề ký giả vẫn bị dư luận coi rẻ. Quan niệm này đã ngăn cản sự trưởng thành của báo-chi Việt Nam không ít.

Ở các quốc gia tiên-tiến, ký giả được hưởng nhiều sự ưu-đãi : được hưởng gia ve di-chuyên đặc biệt, được cấp thẻ tham dự các buổi trình diễn thể thao văn-nghệ, được hưởng gia đặc biệt về sử dụng các phương tiện truyền tin của chánh phủ, Ở một vài Tiểu Bang bên Hoa Kỳ, an-lệ tư-pháp còn công nhận cho ký giả quyền xem xét tất cả các sổ sách chi thu của các cơ sở kinh doanh của nhà nước và bán công ban tư nữa.

Ở Việt-Nam, quyền hành nghề ký giả đã được quan niệm như thế nào ? Ta sẽ xét ở Chương này qui chế cá-nhân và tổ chức nghề nghiệp được Luật 019/69 qui định cung hiện trạng của các qui chế này trong thực tế.

Đoạn 1 : CĂN BẢN PHÁP LÝ

Điều 40, đoạn 2 qui-chế báo chí định nghĩa ký giả như sau:

"Ký giả là danh từ chỉ chung mọi người có nhận thù-lao dưới mọi hình thức, công tác thường xuyên với các nhật-báo, tạp-chí định kỳ hoặc cơ quan Thông-Tán với tư cách Đặc Phái Viên, Biên tập viên, Phong viên, Phong viên nhiếp ảnh, họa sĩ, Dịch giả báo chí.

Ký giả phải có thẻ hành nghề do chủ nhiệm các nhật báo, tạp-chí hay Giám Đốc cơ quan Thông-Tán cấp phát. Thẻ hành nghề phải được đăng ký tại Bộ Thông Tin".

Và Luật cho phép người làm báo được tổ chức nghề nghiệp của họ như sau : tổ chức Đại-Hội Báo Chí để bầu Hội-Đông Báo Chí.

Thành phần tham dự Đại-Hội Báo Chí gồm có :

- Chủ Tịch hoặc một Đại-diện của Ban Chấp Hành các Đoàn Thể Báo Chí có tư cách pháp nhân;
- Chủ nhiệm các nhật báo và tạp-chí đang xuất bản;
- Một ký giả Đại-diện của mỗi nhật báo hay tạp chí đang xuất bản.

Hội Đông Báo-Chí sẽ do Đại-Hội Báo-Chí gồm các thành phần trên bầu lên, có tư cách pháp nhân, có nhiệm vụ :

- Đại diện chính thức cho báo giới,
- Chấp hành qui ước của báo giới do Đại-Hội Báo chí qui định
- Liên lạc và tham dự với chính quyền và các Đoàn-thể Báo-chí về các vấn đề liên quan đến báo giới.

Thành phần, chức vụ và số lượng Hội-viên trong Hội Đồng Báo Chí sẽ do Đại-Hội Báo Chí qui định.

Và sau cùng Luật còn ấn định rõ rằng Đại-Hội Báo-chí đầu tiên sẽ do Bộ Thông Tin triệu-tập trong thời hạn ba tháng sau khi đạo luật 019/69 được ban hành.

Đoạn 2 : NHẬN - XÉT

- Điều 40, đoạn 2 Qui-chế Báo-chí định nghĩa Ký-giả lại kể cả những người phục vụ cho cơ quan Thông-Tấn, trong khi ở Điều 3 đoạn chót qui-chế này định nghĩa Báo-chí chỉ là nhật báo và tạp-chí định kỳ.

Và trong thành phần tham dự Đại-Hội Báo-chí, ta không thấy Luật ghi các vị Giám Đốc cơ quan Thông-Tấn và ký giả của các cơ quan này. Do đó, trong Hội-Đồng Báo-chí sẽ không có sự góp mặt của những người phục vụ cho các cơ quan Thông Tấn tư-nhân. Như vậy, liệu rằng quyền lợi họ có được bao đảm không ?

Trong thành phần được gọi là ký giả, theo Luật, ta cũng không thấy có Thông-tin-viên Báo-chí, tức những người săn tin và cung cấp tin cho các báo. Do đó, báo-giới đã xem người Thông-tin-viên như là những nhân viên liên-thuộc Báo-chí mà thôi (1). Thiết tưởng Thông-tin viên nên được xem như ký giả đúng hơn bởi vai trò này đòi hỏi am-tưởng kỹ-thuật săn tin viết tin, hơn là dịch giả báo chí, và họ vẫn có trách nhiệm về những tin tức do họ cung cấp.

Về việc qui-định rằng Thế hành nghề ký giả sẽ do Chủ nhiệm tờ báo hay Giám đốc các cơ quan Thông-Tấn cấp phát là một điều rất đáng hoan-nghênh. Như vậy Chính quyền sẽ không can thiệp vào việc cấp phát này để làm khó dễ người ký-giả trong việc hành nghề. Về việc rút thẻ, Luật không định sẽ do ai. Do đó, Báo-giới có toàn quyền quyết-định (2).

...../

-
- (1) Đại-Hội Báo-chí chấp thuận Bản Qui-Ước Báo-chí ngày 11/5/1971. Theo Bản Qui-Ước này, thì " nhân viên liên-thuộc báo-chí gồm Thông-tin-viên, nhân viên Trị-sự, Phát hành, Quảng cáo, Sửa bài, Thợ sắp chữ, Thợ lò đúc, Thợ may in" (Điều 27 Qui-Ước Báo-chí).
 - (2) Điều 56 Qui-Ước Báo-chí do Đại-Hội Báo-chí chấp thuận năm 1971 cho phép Hội Đồng Báo-chí có quyền rút thẻ Ký-Giả có hạn định hay vĩnh viễn nếu vi phạm ky-luật.

Tuy nhiên, Luật đã không phân biệt kỹ gia tập sự, và kỹ gia chuyên nghiệp, cũng như không qui định một điều kiện nào để có thể hành nghề kỹ gia. Thiết tưởng Luật pháp nên qui định rõ rệt các điều kiện cần thiết để trở thành một kỹ gia chuyên nghiệp nhằm nâng cao trình độ bao chi nước nhà. Ngoài ra, cũng nên ghi vào Luật một số sự đãi ngộ đặc biệt để giúp họ hành nghề dễ dàng.

- Về tổ chức nghề nghiệp, việc các nhà làm Luật 1969 chấp thuận việc thành lập Hội Đồng Bao-chi là một điểm son của chế độ. Thực ra, lúc dự án Luật 019/69 còn đang được bàn cãi tại Thượng Nghị Viện, đã có nhiều vị Nghị-Sĩ có ý kiến là nên để Hội Đồng Bao-chi ra ngoài Dự-Luật, để mặc cho bao giới họ tổ chức hay không là tùy họ (1). Một số ý kiến khác, nhất là từ phía ngoại bang Viện Lập Pháp, đã chống đối việc thành lập Hội Đồng Bao-chi bằng cả Luật-lệ lẫn trong thực-tế. Quan điểm này cho rằng lập một Hội Đồng Bao-chi sẽ không ích lợi gì mà trái lại là khác. Họ đưa ra ba trường hợp sau đây và kết luận rằng một trường hợp sẽ xảy ra nếu có mặt Hội-Đồng Bao-chi trong sinh hoạt Bao-giới Việt-Nam :

- * Hoặc Hội-Đồng Bao-chi vì mặc cảm, thấy chính quyền như kẻ đối lập thường xuyên, nên luôn luôn đứng vào phía chống đối. Dọ dọ, hai bên xung đột nhau quyết liệt để chẳng bao giờ có một sự thỏa thuận.
- * Hoặc Hội-đồng Bao-chi sẽ bị chính quyền làm áp lực, trở nên một " Hội Đồng Chuột ", một tấm bình phong che đậy các biện pháp độc tài của nhà cầm quyền.
- * Hoặc Hội Đồng Bao-chi sẽ tự tạo uy-thế bên cạnh chính-quyền, sử dụng cái quyền thứ tư của sinh hoạt dân chủ một cách vô đoan để trở nên một uy-quyền đáng sợ đối với bao-chi.

Thực ra thì quan niệm trên quá bi-quan và tiêu-cực. Đối với trường hợp Việt Nam, sự hiện diện của một Hội-Đồng Bao-chi thật cần-thiết để phát triển nền bao-chi nước nhà trong giai đoạn tập tễnh bước vào sinh hoạt dân-chủ. Để thấy rõ vai trò quan trọng của Hội-Đồng Bao-chi trong sinh hoạt bao-chi, ngoài những nhiệm vụ tổng quát mà Luật 019/69 đã ấn định cho cơ chế này, ta còn có thể tìm thấy những nhiệm vụ khác đã được qui-ước bao-chi Việt-Nam 1971 qui định như sau :

(1) Trích biên bản phiên Họp Thượng Nghị-Viện, số 19 ngày 6 -07-1969.

- Hội-Đồng Báo-chí (H.Đ.B.C.) có nhiệm vụ tổ cáo và truy tố mọi hành vi xâm phạm quyền tự do báo-chí (như kiểm duyệt, tra hình và lạm dụng việc tịch thu báo), quyền hành nghề của người làm báo (như hành hung, Chu-nhiệm, ký giả và thông-tin-viên trong khi đang hành nghề, vu-không và bắt giam vô cớ), cũng như mọi hành vi làm thiệt hại đến danh dự và quyền lợi của báo-giới (như ngăn chặn phát hành, mạo danh nhà báo, lương gạt tiền ban báo v.v...) / Điều 45 Qui-Ước Báo-chí /

- H.Đ.B.C. có trách vụ vận động, để tu-chỉnh Qui Chế Báo-Chí cho đúng theo nguyện vọng chính đáng của người làm báo (Đ.46 Q.Ư.B.C.).

- H.Đ.B.C. vận động gấp rút để sớm có một Tòa Án báo-chí.

- H.Đ.B.C. có nhiệm vụ lập và lưu trữ hồ sơ (Đ.47 Q.Ư.B.C.) theo dõi, can thiệp và giải quyết từng vụ tranh chấp liên hệ đến báo-chí với tinh cách cơ-quan trọng tại. (Đ.48 Q.Ư.B.C.).

- H.Đ.B.C. có phận sự áp dụng kỷ luật đối với các chủ báo, ký giả và nhân viên liên-thuộc vi phạm qui-ước báo chí (Đ.44 Q.Ư.B.C.)

- H.Đ.B.C. khen thưởng các chủ báo, ký giả và nhân viên liên thuộc. (Đ.50 Q.Ư.B.C.).

- H.Đ.B.C. có trách vụ can thiệp với chính quyền để rút giấy phép hành nghề và truy tố ra Tòa nhà Phát-Hành vi phạm một trong các điều: em báo và thiên-lệch trong việc phân phối báo, trộn báo cụ vào báo dư, rút ruột báo khi trả lại cho nhà báo, sang đoạt tiền ban báo (Đ.60 Q.Ư.B.C.).

Với những nhiệm vụ quan trọng như trên, chắc hẳn không còn ai phủ nhận sự có mặt của Hội Đồng Báo Chí cả.

Thêm vào đó, Luật 019/69 còn có ưu điểm là phó thác hẳn việc tổ chức và điều hành Hội-Đồng Báo-Chí cho Báo-giới tự do định-đoạt, không có một sự can thiệp nào từ phía chính quyền. (1)

Tuy nhiên, bên cạnh đó, Luật 019/69 còn có nhiều khuyết-điểm. Quan trọng hơn hết trong các khuyết điểm này là Luật không đưa những nguyên tắc cụ thể để Hội Đồng Báo chí có thể bảo vệ tích cực quyền tự do báo-chí. Những quyền hạn mà quy-chế báo chí cần phải công nhận thêm cho H.Đ.B.C. để cơ chế này tích cực và thi et thực báo vệ quyền tự do báo-chí là :

...../.....

(1) Tương ứng nên nhắc lại Sắc Luật số 10/64 ngày 30.4.1964 (Nay đã được bãi bỏ) về " qui-chế tự do xuất bản báo chí và tổ chức nên báo-chí) cũng đã qui định việc thành lập Hội Đồng Báo-chí. Theo Sắc Luật này, chính quyền có quyền can thiệp rất nhiều vào việc điều hành và quyết định của H.Đ.B.C. (H.Đ.B.C. được bầu vào 1965 do Ông Phạm Việt Tuyên làm Chủ Tịch).

- H.D.B.C. bắt buộc phải được tham khảo ý kiến mỗi khi nhà cầm quyền Hành Pháp quyết định một việc có liên hệ đến báo-chí. Khi ý kiến của H.D.B.C. không được chính quyền tôn trọng, chính quyền phải cho biết lý do. Quyết định nào không có sự tham khảo ý kiến của H.D.B.C. coi như vô giá trị.

- H.D.B.C. có thẩm quyền chuyên độc trong việc phân phối giấy in báo sau khi can thiệp với chính quyền để giấy được rẻ hơn giá thị trường.

- H.D.B.C. được toàn quyền quản trị hay được quyền tham dự vào việc quản trị các cơ sở phát hành báo-chí để cho sự phát hành có tinh cách công bình đối với tất cả các báo.

Ngoài ra, hai nhiệm vụ khác tuy không quan trọng bằng những nhiệm vụ kể trên, nhưng xét ra nên được ghi vào Luật để việc bảo vệ quyền tự do Báo-chí có ý nghĩa tích cực hơn. Đó là nhiệm vụ nâng cao trình độ kỹ gia và bảo đảm đời sống vật chất kỹ gia. Bởi kỹ gia có trình độ học thức và chuyên nghiệp cao mới ý thức sâu xa việc hành sử quyền tự do ngôn-luận mà họ được hưởng, và cũng nhờ đó, chính quyền cũng to ra tôn trọng kỹ gia hơn. Đời sống kỹ gia nếu được bảo đảm, chính quyền sẽ khó mua chuộc họ bẻ cong ngòi bút. Thực-tế-hóa những nhiệm vụ này, thiết tưởng Luật nên bắt buộc Hội Đồng Báo-chí :

- Tổ chức một cơ sở huấn-luyện và tu-nghiệp kỹ gia.

- Ấn định một mức thù lao tối thiểu mà một kỹ gia chuyên-nghiệp được hưởng.

- Thiết lập và quản trị một ngân quỹ để giúp đỡ cô-nhi và quả phụ các cơ kỹ gia.

Về việc quản trị Hội Đồng Báo Chí, có ý kiến rất hay cho rằng Luật nên đặt H.D.B.C. dưới sự chủ tọa của một Thẩm-Phan cao cấp như ở Anh, Pháp, Thụy-Si, Ai-Cập. Sự hiện diện của một Thẩm Phan giúp H.D.B.C. làm nhiệm vụ một Tòa án Danh dự của báo-giới, có thể xét xử tư vụ chấp nhận hay không tư-cách một kỹ gia cho tới việc áp dụng kỷ luật đối với người làm báo.

Thêm vào đó cũng nên mở rộng thành phần tham dự H.D.B.C. cho cả các nhân viên liên thuộc Báo-chí (phát hành, thợ nhà in,..) và đại-diện độc gia, bởi trong việc sáng tạo một tờ báo không thể không kể tới sự dự phần của các thành phần kể trên. Với sự mở rộng thành phần tham dự vào H.D.B.C. như thế, quan điểm trên còn đi xa hơn nữa khi cho rằng nên giao cho cơ chế này cả thẩm quyền xét xử các vi phạm báo-chí (thay cho Tòa-án). Bởi, mục đích tối thượng của Luật-lệ là gì, nếu không phải là tiến tới một kỷ-luật tự giác ? (1)

...../.....

(1) Ý kiến của Thẩm Phan Trần Thủ Linh trong Giảng Khóa "LUẬT BÁO-CHÍ" tại Lớp Báo Chí Học, Viện Đại-Học Dalat niên Khóa 1969/1970.

Đoạn 3 : CHÍNH QUYỀN VÀ KÝ GIA.

Trước ngày Qui-Chế Bao-Chỉ ra đời, ổn định sinh hoạt báo-giới, quyền hành nghề ký gia không được chính-quyền coi vào đâu. Dù rằng bề ngoài chính quyền vẫn luôn mỵ nhà báo : nao là mời ký-gia dự điểm tâm hàng tuần tại Dinh-Độc-Lập, nao là tuyên bố mời ký gia là một Sư-Đoan v.v... Nhưng thực tế chính-quyền thời hậu Cách mạng 1963 vẫn luôn đe dọa, đàn áp ký gia bằng nhiều hình thức. Ca đèn bắt bớ, hành hung, tù đày, chính quyền cũng không từ nản. Điển hình là các vụ hành hung ký gia ở Vũng Tàu hồi 1969, bắt bớ các ký gia Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Lâu, Phan Nghị, Cao Trần cũng vào 1969 trước ngày Qui-Chế Bao-Chỉ ra đời.

Nhưng nay, việc thực thi Hiến-pháp và Luật-pháp đã được Chính quyền tôn trọng do ở sinh-hoạt chính trị ổn định. Từ đó, vai trò người làm báo cũng được coi trọng hơn. Và lại, với sự ra đời của qui-chế bao-chỉ đã khiến người làm báo ý-thức trách nhiệm của mình nhiều hơn, nên trong việc đối xử với chính-quyền mới giao tình vẫn không đến nỗi qua bi-quần.

Thỉnh thoảng, Thủ-Tướng vẫn gửi Thông-Tư yêu cầu các vị Tổng Bộ Trưởng ra chỉ thị cho các cấp thừa hành phải luôn luôn giữ sự giao tế đủng đảnh và đối xử nhà nhân với các ký-gia và thông-tin-viên bao-chỉ, trong khi họ làm nhiệm vụ thông-tin. Và trong các cuộc Lễ có bao-chỉ tham dự, Ban tổ chức đã phối hợp với cơ quan phụ trách bao-chỉ để thông cảm trước với các ký gia về phạm vi hoạt động của các đại-diện Bao-chỉ cũng như về việc có thể làm ya nhưng điều nên tránh nếu có, do đó tình thân hợp tác nếu không có được cao độ, giữa chính-quyền và bao-chỉ, sự va-chạm cũng vẫn hầu như không hề xảy ra.

Ngày nay, đối với người ký gia, việc săn tin trở nên rất dễ dàng dù bất cứ ở đâu. Nhưng phong-viên chiến-trương trong những năm trước đã được các vị chỉ-huy quân-sự ưu-dãi đặc biệt. Vấn đề thi-hành nghĩa vụ quân sự đối với các ký gia cũng được chính quyền lưu-ý. Hội dụ một số điều kiện, mà trong đó điều kiện thâm niên nghề nghiệp là quan trọng nhất, người ký gia sẽ được hoãn-dịch. Nếu khế, với một số thâm niên ít hơn, họ có thể được biệt phái về phục vụ tại cơ quan Thông-Tin, Tâm-Lý-Chiến của Chính-phụ nếu phải nhập ngũ. " Lang Bao Chỉ " vẫn được chính quyền giúp đỡ thương xuyên nhưng tiền nghi vật-chất.

Tuy nhiên, những sự ưu-dãi đó hay còn quá ít, nếu so với các ký gia ngoại quốc hành nghề tại Việt-Nam. Chính phủ đã to ra ưu-dãi ký gia ngoại quốc hơn ký gia nước nhà trên phương diện cho phép săn tin. Bởi đó, có sự kiện trở trêu là bao-chỉ Việt-Nam lại phải mua tin của các Hãng Thông-Tán ngoại quốc viết về Việt-Nam do chính các

...../.....

Phái-viên của các Hãng Thông Tấn này đánh đi từ Saigon. Điển hình cho sự đối xử biệt-biệt này, gần đây nhất phải kể là việc sản tin về Ban Liên Hợp Quân Sự Bến Bôn và Hai Bôn, hai cơ quan được thành lập theo Hiệp-định Paris ngày 27.1.1973.

Ngoài ra, còn phải kể tới các khuynh hướng chụp mũ Cộng-sản lên đầu báo chí thường xuyên bằng lối nói bâng quơ đầy vẻ đe-dọa từ phía chính quyền. Như hồi cuối năm 1970, nhân khi tham dự đại-hội Cựu Lữ do Nghiệp-đoan Ky-gia Việt-Nam tổ chức tại rạp REX, Ông Ngô-Khắc Tỉnh, lúc ấy là Tổng Trưởng Thông Tin đã có lời: "Tôi chỉ nói hiện nay có vai phần tử Việt-cộng đã xâm nhập vào một vài tờ báo và cum Tinh-bao đang tiếp-tục theo dõi, chứ tôi không em chi bao nào là Việt-cộng" (1)

Và gần đây hơn hết, tại Diên đàn Thượng Nghị-Viện, một Nghị sĩ thận chính quyền đã trách các nhà lập-pháp soạn thảo Luật 019/69 để qua nhiều sơ-hớ để cho Cộng-sản lợi dụng. Ông xác nhận 85 phần trăm ký gia hiện tại là thuộc thanh phần quốc-gia đứng đắn. Số còn lại thuộc thanh phần ta-khuynh, tay sai Cộng-sản. Vì Nghị-sĩ này nói thêm là trong khi Luật Báo-chí 019/69 chưa ra đời, Cộng-sản đã tung người vào để thao-tung lượng báo vào năm 1968, điển hình là Ông có đầy đủ hồ sơ của 6 ký gia đã bị chành phu bắt vì có liên hệ đến Cộng san. (2)

Thơm vào đó, việc cấp phát thẻ hành nghề ký-gia như trong hiện tại cũng là một biện pháp có ảnh-hướng không ít tới quyền hành nghề của giới này. Tuy rằng Luật 019/69 qui định rằng Thẻ hành nghề ký gia phải do Chủ-bao cấp phát và chỉ đăng ký tại Bộ Thông-Tin (Điều 40 đoạn chót). Nhưng trong thực tế, chỉ có "thẻ phả báo" do Nha Báo-Chí Bộ Thông-Tin (nay là Phụ Tổng Ủy Dân-Vận) cấp phát mới có giá trị hành nghề. Nha Báo-chí sẽ cấp thẻ này có hiệu lực từng 6 tháng một. Do đó, tuy rằng Nha Báo-Chí không rút thẻ một ký gia, nhưng đến khi thẻ cũ hết hạn sáu tháng, Nha này có thể từ chối việc tiếp tục cấp phát.

Còn Hội-Đông Báo-Chí, cơ quan đại diện chính thức của báo-giới, nơi tập trung các nhà báo có uy-tin nhất, đã được chính quyền đối xử ra sao ?

...../.....

(1) Nhật báo CHÍNH-LUẬN số ra ngày 1.12.1970, tr.3

(2) Nhật báo CHÍNH-LUẬN số ra ngày 24 - 25.9.1972 tr.3, trích lại từ ban tin của Việt-Tân-Xã.

Thực thi đúng Điều 41 Luật 019/69, Bộ Thông Tin đã triệu tập Đại-Hội Báo-Chỉ đầu tiên hôm 22.3.1970 tại Saigon để sớm thành lập Hội Đồng Báo-Chỉ như luật định. Nhưng Đại Hội Báo-Chỉ này đã tan rã ngay sau đó bởi sự nghi kỵ giữa những người làm báo với nhau từ buổi họp đầu tiên. Đa số các nhật báo và bốn Hội-đoan Báo-chỉ lúc đó (1) đã tẩy chay Đại-Hội với lý do mà họ cho chính quyền đã thao túng Đại-Hội. Tuy vậy, Đại-Hội vẫn tiếp tục họp với các đại-diện của các Tạp-Chỉ định kỳ và một vài nhật báo. Kết quả là một ban Qui-Uớc Báo Chí được soạn thảo và một Hội Đồng Báo-Chỉ được thành lập (2). Nhưng cả ban Qui-Uớc lẫn Hội Đồng Báo Chí vì không được sự đồng ý của hầu hết các nhật báo và bốn Hội-đoan Báo-chỉ nên sau đó tự giải tán không còn không trống.

Do đó, Hội Đồng Báo chí vẫn chưa góp mặt chính-thức trong sinh hoạt báo giới Việt-Nam. Đến ngày 10.4.1971, Đại-Hội Báo-chỉ lại được triệu tập một lần nữa theo sự thỏa thuận của báo giới. Sau nhiều phiên họp, một ban Qui-Uớc Báo-Chỉ mới được Đại-Hội chấp thuận và một Hội Đồng Báo Chí được chính thức thành hình (3). Hội Đồng Báo-Chỉ đã hoạt động đến ngày Sắc Luật 007-TT/SL ra ngày 4.8.1972 ra đời. Suốt một năm rưỡi cơ mặt trong sinh hoạt báo giới Việt-Nam, Hội Đồng Báo-Chỉ này là một cơ chế hữu danh vô thực. Hội Đồng đã không làm trọn bất cứ một sứ mạng nào do báo giới ủy-thạc và luật 019/69 ấn định. Đến khi Sắc-Luật 007 ra đời, bất lực trước việc tranh đấu đòi hủy bỏ Sắc-Luật này, Hội-Đồng Báo-Chỉ đã tự động giải tán.

Bản về mối liên-hệ giữa Hội Đồng Báo Chí và Chính-quyền, ký giả lão thành và có uy-tin Trần Tấn Quốc, một thành-viên trong Hội-Đồng này, đã viết trên tờ báo do chính ông làm Chủ-nhiệm như sau :

...../.....

-
- (1) Bốn Hội Đoàn Báo Chí lúc đó là : Hội Chủ Báo Việt-Nam, Hội Ái Hữu Kỹ-gia, Nghiệp Đoàn Kỹ-gia Việt-Nam, Nghiệp Đoàn Kỹ-gia Nam Việt.
 - (2) Hội Đồng Báo Chí 1970 do Ông Đặng Văn Bó, Chủ Nhiệm Nhật Báo THÁCH ĐÓ làm Chủ-Tịch.
 - (3) Hội Đồng Báo chí 1971 do Ông Huỳnh Thành Vị, Chủ Nhiệm Nhật báo ĐÔNG-NAI làm Chủ-Tịch.

"... Thế nhưng, Hội Đồng Báo-Chỉ không được chính quyền - bất cứ cấp bậc nào - tham khảo, ý kiến dù gián tiếp hay trực tiếp, đúng nơi chỉ đến tham dượt chính quyền, trước ngày Sắc-Luật 007 ra đời"...

... Tóm lại, sự ra đời của Sắc-Luật 007 ngày 4.8.1972 tiếp theo Sắc Luật 005 ngày 25.7.1972 liên-quan trực tiếp đến báo giới mà Hội Đồng Báo Chỉ không được hay biết, đã cho chúng ta nhận thấy "CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHÍNH THỨC CHO BÁO GIỚI" không còn lý do tồn tại. Vì sự tiếc rẻ mà phải nín thở H.Đ.B.C. lại trong khung cảnh đất nước hiện nay chỉ là cố giữ cái xác chết không được tâm liệt và chôn cất mặc dù không phải chính mình giết !

Sự từ nhiệm tập thể của H.Đ.B.C. hiện hữu, trước chính-quyền và dư luận, cũng là một hành động có ý nghĩa " (1)

Nhận xét trên của Cụ Trần Tấn Quốc, Ủy Viên Kiểm Soát của Hội Đồng Báo Chỉ 1971 - 1973 thiết tưởng dù nói lên mối liên-lạc giữa chính-quyền và những người làm báo " gạo cội " xứ này.

(1) Nhật báo ĐUỐC NHÀ NAM, số ra ngày 7.8.1972, tr.1

CHƯƠNG VI

QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN CỦA BÁO - CHÍ.

Báo chí được tự do xuất bản, tự do phát hành, ký giả được tự do hành nghề. Ba quyền tự do đó chẳng còn ý nghĩa nào hết nếu báo chí không thực sự được hưởng quyền tự do ngôn-luận. Thực vậy, chỉ có những tờ báo con đẻ của chính quyền mới được hưởng ba quyền tự do trước một cách dễ dàng mà không được nói đến tự do ngôn-luận.

Tự do ngôn-luận là quyền nói, viết và diễn đạt mọi ý kiến. Theo lý thuyết trách nhiệm xã-hội về báo chí mà ta đã bàn ở Phần trước thì quyền ngôn-luận là một quyền tinh thần. Đó là một quyền tinh thần thì con người không có quyền từ bỏ, và chính quyền không được xâm phạm. Quyền tinh thần này đặt trên căn bản chính yếu là nghĩa vụ - nghĩa vụ đối với lương tâm mình và nghĩa vụ đối với quần chúng. Đó đó phải nói ra tư tưởng mình vì lương tâm và cũng vì quyền lợi của quần chúng.

Tự do ngôn-luận do vậy không phải là tuyệt đối. Nó phải được thăng bằng với những quyền tự do của kẻ khác và quyền lợi thiết yếu của Xã-Hội, Quốc-gia.

Chương này chúng ta sẽ bàn đến những quyền hạn cùng trách nhiệm của báo-chí trong việc hành sử quyền ngôn-luận qua ban Quy-Chế Báo Chí và thực trạng của quyền này.

Đoạn 1 : QUYỀN HẠN CỦA BÁO CHÍ.

A. CĂN BẢN PHÁP LÝ :

1. Những quyền tuyệt-đối không bị giới hạn :

- Chế độ kiểm duyệt báo-chí không được chấp nhận (Điều 2)
- Báo chí không thể bị đình bản có thời hạn hoặc vĩnh-viễn nếu không có quyết định của cơ quan Tư-pháp (Điều 1 đoạn chót, Điều 18).
- Báo chí có quyền giữ bí mật mọi nguồn tin-tức (Điều 22).
- Sau khi báo bị tịch thu và Chủ nhiệm bị truy tố trước Tòa Án, nếu được thả bổng, Chủ nhiệm có quyền ngay tại phiên Tòa ấy, phàn tố đòi bồi thường thiệt hại (Điều 19 và 20).

...../.....

2. Những quyền có giới hạn :

- Báo chí được tự do thông tin và nghị-luận miễn là sự hành sử các quyền này không phương hại tới danh dự cá nhân, an ninh quốc-gia hay thuần phong mỹ-tục (Điều 21).
- Báo chí không thể bị truy tố khi tường thuật hay đăng tải trung thực và ngay tình và kể 4.8.1972, Sắc Luật 007 thêm : (miễn là không phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc-gia và thuần phong mỹ tục) : Các cuộc thảo-luận công-khai tại Điện Dân Quốc-Hội hay trong các Ủy Ban Quốc Hội; các lợi tuyên bố về quan điểm chính trị của Dân-Biểu hay Nghị-sĩ; các bài tham luận, thuyết trình hay phúc trình đã được đọc trong các phiên họp công khai của Quốc-Hội hoặc mọi văn-kiện không có tính-cách mật hoặc kín do Quốc-Hội chính thức phổ biến (Điều 23 mới).
- Báo chí có quyền phê bình, chỉ trích chính sách kế-hoạch của chính quyền miễn là không nhằm mục đích tuyên truyền cho Cộng-san hay Trung-Lập thân Cộng-san (Điều 24).
- Báo chí không thể bị truy tố nếu trích dịch những số nhật-bào và tạp chí ngoại quốc đã được phép lưu hành tại Việt-Nam, miễn là trích dịch trung thực và ngay tình (và kể từ 4.8.1972 Sắc Luật 007 thêm : và không được phương hại tới danh-dự cá-nhân, an-ninh quốc-gia và thuần phong mỹ-tục) (Điều 25 mới).
- Nếu bị truy tố về tội phi báng được dự-liệu nơi Điều 30 Qui chế Báo-Chí, báo-chí có quyền dẫn chứng về tình cách xác thực của các sự kiện bị coi là có tánh cách phi báng phải được chấp nhận. Tuy nhiên sự dẫn chứng sẽ bị tuyệt đối cấm chỉ đối với : Sự kiện liên-quan đến đời tư cá-nhân, sự kiện đã xảy ra từ 10 năm, tội phạm đã được đại-xa hay thời hoặc bản án xử phạt đã được thu tiêu bởi sự phục hồi công quyền hay tái thẩm. (Và kể từ 4.8.1972 Sắc Luật 007 thêm vào : Sự dẫn chứng cũng bị tuyệt đối cấm chỉ đối với trường hợp phi-bang Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hoa, Quốc-Trưởng, Đại-Sứ các quốc gia có liên-hệ ngoại-giao với Việt-Nam Cộng-Hoa) (Điều 31 mới).

3. Những lãnh vực bị ngăn cấm :

- Không được dùng báo-chí để : xúi dục quân-nhân bất tuân kỷ-luật Quân-đội; xúi dục người khác phạm tội xâm phạm nền an-ninh Quốc-nội hay Quốc Ngoại; xúi dục người khác phạm tội trộm cướp, có sát, có y đa thương, có y gây họa hoạn; hoặc đề cao các tội phạm nói trên (Điều 27 cũ). Và kể từ 4.8.1972, khoản : " Xúi dục người khác phạm tội trộm cướp, có sát, có y đa thương, có y gây họa-hoạn " được thay bằng khoản : hoặc xúi dục người khác phạm bất cứ trọng tội hay khinh tội nào khác ". (Điều 27 mới).

- Không được dùng báo-chí để phổ biến các luận điệu, các tin tức thất thiệt, hoặc các tin tức có thật nhưng với dụng ý, có thể gây ra một trong những tác dụng sau đây : làm phung-hại nền an-ninh Quốc-gia hay trật tự công cộng, nền kinh-tế tài-chánh Quốc-gia, làm suy giảm kỷ-luật và tinh thần chiến đấu của Quân Đội, gây chia rẽ giữa các Tôn-giao, các địa phương, các sắc Dân (Điều 28).
- Không được dùng báo-chí để phổ biến các tin tức tại liệu và luận điệu nhằm đề cao chủ nghĩa, chủ trương hay hành động của Cộng-san hay Trung-Lập thân Cộng-san (Điều 29).
- Không được dùng báo chí để mạ lỵ và công khai phỉ báng Tổng-Thống, Phó Tổng Thống V.N.C.H.; Quốc Trưởng, Đại-Sứ, Sứ Thần hay Lãnh-sứ của các Quốc-gia có liên hệ Ngoại giao với VNCH; các cơ quan Lập-Pháp, Hành-Pháp và Tư Pháp, các cơ quan Dân cử và các Đoàn Thể Công-lập; Dân biểu và Nghị-Sĩ Quốc-Hội, nhân-viên Chánh-Phủ, Thẩm Phán Tối Cao Pháp-Viện, viên chức thuộc các cơ quan công quyền và công dân được tạm thời hay thường-xuyên giao phó nhiệm vụ công cư hay dân cư, về những hành động liên quan đến nhiệm vụ hay chức vụ của những người này, các tư nhân và các người qua có với dụng ý làm tổn thương danh-dự uy-tin của các người thừa kế, phối ngẫu hay kẻ quyền tống quát con sông. (Điều 32 và 33).
- Báo chí không được công bố các bản Cao-Trạng hay các giấy tờ thu tục khác thuộc các vụ hình sự trước khi các văn kiện này được công khai đọc tại phiên Tòa. Báo chí không được tường-thuyết các cuộc tranh biện trước Tòa về các vụ kiện phỉ báng, mạ lỵ, truy tầm phụ-hệ, ly thân hoặc ly hôn, hoặc về các vụ kiện Dân-sự mà Tòa-an ra lệnh cấm công-bố. Kể từ khi vụ kiện được Tòa Hình thụ lý cho tới khi có phán quyết của Tòa, báo-chí không được đăng tải các tin tức hoặc bài Bình-Luận có tác dụng ảnh hưởng đến sự xét xử về tư của Tòa-an. (Điều 34).
- Không được dùng báo-chí để phổ biến các bài viết, các tranh ảnh, hình vẽ có tính cách xúc phạm thuần phong mỹ-tục (Điều 35)

B. N H Ậ N X Ế T :

1. Ưu điểm :

- Ưu điểm quan trọng hơn hết của quyền tự do ngôn luận theo Luật 019/69 là báo-chí không bị kiểm duyệt và chỉ có Tòa An mới có quyền ra lệnh đình bản tờ báo sau khi báo này bị truy tố và bị phán quyết là có tội.

...../.....

- Say sưa với tinh thần dân chủ, các nhà lập pháp Việt-Nam còn cho bao chí có quyền phản-tố ngay tại phiên Toa để đòi bồi thường thiệt-hại nếu được Toa phán-quyết là vô tội. Đây là 1 biện pháp nhằm nhắc nhở nhà chức trách Hành-chánh thận trọng hơn trong việc truy-tố bao-chí.

- Luật báo đảm cho bao-chí có quyền giữ bí mật mọi nguồn tin tức là một điều đáng hoan nghênh. Có như vậy, tự do mới được bao đảm cho người làm báo trong việc loan tin. Thực vậy, một tờ báo muốn tránh khỏi việc loan tin một cách đồng nhất với các đồng nghiệp khác, phải cố sưu tầm những tin riêng do ở những nguồn tin đặc biệt cung cấp. Những nguồn tin đặc biệt này - tư nhân, chính khách, công chức v.v... - chỉ dám cung cấp tin tức cho kỹ gia khi họ được bao đảm rằng bản thân họ không nguy hại gì do ở việc cung cấp tin này. Biện pháp báo đảm an-ninh hữu hiệu hơn hết đối với họ là luật pháp phải bao đảm cho kỹ gia có quyền không tiết-lộ tên người đã cung cấp tin tức cho kỹ gia viết bài mà không bị tu tội gì.

Về quyền được bảo mật nguồn tin, an-lệ các quốc gia Tây-phương công nhận rằng : Khi chính người kỹ gia là bị cáo trong vụ kiện, Ông ta có thể từ chối việc cho biết nguồn tin; nhưng khi ông ta chỉ là nhân chứng, bí mật nghề nghiệp chỉ được chấp nhận như một ngoại lệ mà thôi. (1)

- Đối với những quyền hạn khác, Luật đã không cho phép tự do một cách bừa bãi mà đã qui định đầy đủ những hạn chế và cam đoan. Đó là một điều hợp lý. Trên thế giới, không một quốc gia nào lại không thừa nhận những quyền tự do với tất cả sự đề dặt nhằm duy trì sự ổn-định. Dân chủ như Hoa Kỳ cũng vẫn phải hạn chế ngôn-luận để bảo vệ cá nhân khỏi bị vu-cao, phi bang, xa-hội khỏi bị tuyên truyền dâm ô, quốc gia khỏi nội loạn và dân tộc khỏi ngoại xâm (2). Luật lệ báo chí tại các quốc gia dân-chủ khác như Thụy-Si, Anh quốc và các quốc-gia khác cũng đều có những đề dặt tương tự.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm vừa kể, Luật cũng đã có rất nhiều khuyết điểm.

...../.....

(1) Roger Clause " LE JOURNAL ET L'ACTUALITÉ" (Verwiers, Belgique, Editions Gerard et Co, 1967) tr.214

(2) Tuyên ngôn tại Hội Nghị Genève về tự do thông-tin năm 1948.

2.- Khuyết điểm :

- Những sự hạn chế hay ngăn cấm đối với quyền tự do ngôn-luận được Luật 019/69 qui định bằng những danh từ qua mô hồ như : không phụng hại đến danh dự cá nhân, an-ninh quốc-gia, thuần phong mỹ tục, đề cao chủ nghĩa và chủ trương của Công-san hay Trung lập thân Công-san, gây chia rẽ, làm suy giảm tinh thần chiến đấu của Quân-đội, làm phụng hại nền tài chính, kinh tế quốc gia...

Thiết tưởng những danh từ trên cần được giải thích tỉ-mỉ bằng cách nêu rõ các yếu tố cấu thành tội phạm.

Như tội "loạn tin thất thiệt " (Điều 28) đã tỏ ra thiếu sót so với Luật Báo-Chi Pháp 29.7.1881 (làm căn bản cho Luật Báo Chi tại Việt Nam trước khi Luật 019/69 ra đời). Điều 27 Luật 1881 nêu ra các yếu tố một cách tỉ-mỉ hơn : "phai trí tình, có giao y, loạn một tin tức thất thiệt xâm hại đến nền an ninh công cộng". Và Điều 10 Sắc Luật số 2/64 ngày 19.2.1964 dưới thời Nguyễn Khánh nay đã bãi bỏ, vẫn còn có lợi cho báo-chi hơn khi minh thị "Trong trường hợp này, Công Tố Viện phai minh chứng gian y của can phạm". Trong khi đó, hàng ngày có hàng trăm tin tức sập đổ bay tới Tòa-sơn, làm sao phối kiểm cho kịp. Đành đi tù hết cả chẳng ? Thế là công-ly ư ?

Ngoài ra, Điều 28 Luật 019/69 cũng tỏ ra thiếu sót khi không qui định việc phổ biến những tin tức phạm làm nguy hại đến đời sống xã-hội như : Luân lý, gia-đình, sức khỏe, vệ sinh, ...

- Về tội " làm suy giảm kỷ luật và tinh thần chiến đấu của quân-đội " thì qua là qua rộng rãi, mô hồ cũng như tội " làm phụng hại nền kinh tế, tài-chánh quốc gia ". Thế nào là làm giảm tinh thần chiến đấu của quân-đội ? Nói rõ nguyên do thất bại của quân-đội ta sau một trận đánh lớn có tội chăng ? Và thế nào là làm phụng hại nền kinh-tế, tài-chánh quốc-gia ? Nhận định về thực trạng yếu kém của nền kinh tế - tài-chánh nước nhà để tìm phương thức khắc phục có bị tội chăng ?

- Cho phép báo chí có quyền phê bình, chỉ trích chính sách, kế hoạch của chính-phu, nhưng Luật lại thêm rằng "miễn là không nhằm mục đích tuyên truyền cho Công-san hay Trung Lập thân Công san". Như vậy, phai phê bình, chỉ trích như thế nào mới được coi là không tuyên truyền cho Công-san? Điều này đã khiến người cầm bút dễ bị chụp mũ là "tuyên truyền cho Công-san", nhất là đối với các ký-gia có khuynh hướng đối lập với chính quyền.

- Danh từ "xúc phạm thuần-phong mỹ-tục" mà Luật đã dùng qua mô-hồ. Tuyên truyền cho việc chống sinh-san, xúi dục phá thai, quảng cáo rượu mạnh, khuyến khích việc say sưa có bị xem là xúc phạm thuần-phong mỹ-tục không ?

...../

Chỉ dẫn và khuyến khích việc cò bạc thì bị tội gì? Và khuyến khích, cò vô việc mê tín dị đoan, phổ biến những hiện tượng phản khoa-học nhằm hạ thấp dân trí có bị xem là xúc phạm thuần-phong mỹ-tục chăng?

- Kể từ 4.8.1972, với sự ban hành Sắc Luật 007 sửa đổi những điều-khoản quan trọng của Luật 019/69, Hành-pháp đã mở rộng cái phạm vi "An ninh Quốc-gia, danh dự cá nhân và thuần-phong mỹ-tục" để hạn chế báo chí thêm nhiều quyền mà hai quyền quan trọng nhất là tương thuật các cuộc thảo luận công khai tại Quốc-Hội, các lời tuyên bố công khai của Dân Biểu Nghị Sĩ tại Quốc-Hội và trích dịch Báo ngoại quốc được phép lưu-hành tại Việt-Nam. Bởi nhờ cò bạc-chỉ thông thuật lại sinh hoạt tại Quốc Hội mà quan chúng mới có thể phân đoán về thái độ và giá trị của các vị Đại-diện họ tại cơ quan Lập-pháp một cách chính xác hơn, cũng như nhờ đó mà quan chúng có thể nhận định về chính sách, kế hoạch của Chính-phủ một cách thấu đáo hơn qua những lời phê bình của các vị Dân Biểu Nghị Sĩ. Thế nhưng với sự hạn chế là "không được phông hại đến nền an-ninh Quốc gia" thì liệu rằng Báo-chỉ có còn làm tương thuật lại những sự phê bình, chỉ trích của các nhà Lập-Pháp chăng?

Đối với việc cấm đoán báo chí Việt Nam trích dịch - dù là trích dịch trung thực và ngay tình - những bài báo ngoại quốc xét ra có phông hại đến "An ninh Quốc-gia", nhất là các số báo này lại được phép lưu hành tại Việt Nam cũng là một điều quá khác nghiệt và lại mâu thuẫn nữa. Bởi báo ngoại quốc chỉ được phép lưu hành tại Việt-Nam sau khi được chính quyền xét là không nguy hại gì. Nay nếu cho phép báo ngoại quốc được phổ biến mà với cùng một bài ấy, báo Việt Nam trích dịch lại thì không được phổ biến có bất công không? Nếu vì lý do Báo ngoại ngữ độc gia ít hơn độc gia báo Việt ngữ thì lại càng thiệt hại cho quang-đại quan chúng Việt Nam trên phương-diện được hưởng quyền tự do được thông tin.

Do ở hạn chế này, người ta e ngại, rời ra báo-chỉ Việt Nam chỉ dám trích dịch những bài báo ủng hộ chính quyền mà thôi, nếu những tư ngữ "Không được phông hại đến an-ninh quốc-gia, danh dự cá nhân và thuần phong mỹ tục" được chính quyền quan niệm quá rộng.

- Sắc Luật 007 cũng đã sửa đổi Điều 31 Luật 019/69 khi thêm rằng: sự dẫn chứng về tình cách xác thực của các sự kiện bị coi là có tính cách phi bang sẽ bị tuyệt đối cấm chỉ đối với những trường hợp phi bang Tổng-Thống, Phó Tổng Thống VNCH, Quốc Trưởng, Đại-Sứ các quốc-gia có liên hệ ngoại giao với VNCH. Nghĩa là kể từ 4.8.1972 báo chí không được ám chỉ, tương thuật, hay qui trách một hành vi hay một sự kiện (theo đúng định nghĩa tư ngữ "phi bang" ghi ở Điều 30 Luật 019/69) mà chính quyền xét rằng có thể làm tổn thương danh dự và uy-tin các chức vụ kể trên, cho dù các hành vi và các sự kiện ấy có thực. Nói cách khác, để bảo vệ danh dự và uy-tin các chức vụ kể trên, báo chí sẽ không được quyền chỉ trích các hành vi và các sự kiện liên hệ đến các vị ấy cho dù các hành vi và các sự kiện này có xảy ra thật và xảy ra một cách xấu xa bỉ-ối.

Sự qui định này quả thật quá khắc nghiệt, không phù hợp với tinh thần dân-chủ. Thực vậy, một chế độ dân chủ thật sự phải chấp-nhận việc phê bình chỉ trích hành động của các nhà lãnh-đạo kể cả vị nguyên-thủ miễn là không xâm phạm đến tư cách vị này. Không ai là thần-thanh mà tránh khỏi tất cả mọi sai lầm trong hành động. Hướng hộ sự sai lầm của một vị nguyên-thủ có ảnh hưởng đến cả sự tôn-vọng của một quốc-gia, danh dự của cả một dân tộc. Bao-chỉ nếu một sự sai lầm có thật của vị nguyên-thủ quốc gia lại bị cho là làm tổn thương danh dự, uy-tin của vị này để rồi bị đi tù thì liệu rằng bao-chỉ có còn tự do hay không ?

Lại còn nêu lên những sai lầm của các vị Quốc-Trưởng, Đại-Sứ các quốc gia bạn, cũng bị xem như "Làm tổn thương danh dự uy tín" của họ thì quả là bao-hoàng hơn nữa. Trong khi đó, chắc gì bao chỉ của quốc gia họ lại bị cấm về những điều đó ?

Sau cùng quan trọng hơn hết trong việc ấn định quyền hạn của bao-chỉ là Sắc Luật 007 đã nêu ra là việc sửa đổi Điều 19. Theo sự sửa đổi này (Điều 19 mới, đoạn 5) thì sau một lần bị tịch thu vì lý do án nịnh quốc gia hay trật tự công cộng mà tờ báo còn bị tịch thu lần thứ hai cũng vì những lý do này thì Tổng Trưởng Nội Vụ có thể tạm thời đình bản tờ báo ấy trong khi chờ đợi phán quyết của Tòa, nếu lần tịch thu trước có truy tố mà chưa có án chung thẩm.

Như vậy, Điều 13 và Điều 18 Luật 019/69 tuy rằng không bị sửa đổi hay hủy bỏ, vẫn được coi như không áp dụng trong trường hợp này (Hạt Điều này qui định rằng chỉ có Tòa án mới có quyền đình bản bao-chỉ dù là tạm thời). Với Sắc Luật 007 sửa đổi Điều 19 trên, người ta tự hỏi quyền tự do báo chí có còn bao đảm hay không, khi mà trao cho Bộ Nội Vụ cái quyền sinh sát báo chí - dù là tạm thời - này?

Đoạn 2 : TRÁCH NHIỆM CỦA BÁO-CHÍ TRƯỚC ĐỘC-GIA

Báo chí có nhiều quyền và cũng có nhiều sự hạn chế như chúng ta đã khảo sát ở đoạn trước. Nếu báo-chỉ vượt quyền, tức vi phạm vào những hạn chế ấy, tất nhiên phải chịu trách nhiệm về hành động của mình. Ngoài việc phải chịu trách nhiệm trước chánh quyền tức bị những chế tài pháp lý, báo chí còn phải chịu trách nhiệm trước độc gia, lúc ấy, báo chí phải thi hành những nghĩa vụ mà độc gia có quyền bắt buộc. Đó là quyền đình chánh và quyền trả lời của độc gia. Ngoài ra, độc gia còn có quyền truy tố báo chí trước Tòa Án Dân sự đòi bồi thường thiệt hại nếu có. Luật 019/69 đã ấn định những trách nhiệm này của báo chí như sau (không kể những trách nhiệm dân sự):

A. CĂN BẢN PHÁP LÝ :

- Thế nhân hay pháp nhân bị nêu đích danh hay bị ám chỉ một cách không thế làm lẫn với người khác trong bài báo có quyền buộc Chủ nhiệm phải đăng miễn phí bài trả lời hoặc bài đình chánh của mình trên báo đó.

Chủ nhiệm nhật báo phải đăng bài trả lời hoặc bài đính chính trên một trong ba số báo phát hành sớm nhất kể từ ngày nhận được bài đó. Riêng đối với Tạp Chí, sự đăng tải phải thực hiện trên một trong hai số báo xuất bản sớm nhất kể từ ngày nhận được bài trả lời hoặc bài đính chính. Riêng trong thời kỳ tuyên cử cav thời hạn trên gian xuống còn 24 giờ (Điều 26) .

B. N H Â N X Ë T

Terrou và Spalal trong quyển " Le droit de l'Information" đã viết "Dùng là con tồn tại trong lãnh vực thông-tin một phương tiện để ngăn ngừa một tư lợi hoàn toàn. Phương tiện ấy chính là quyền đính chính và quyền trả lời " Hai quyền này không thể nhậm lập được. Cả hai quyền đều nhằm chống lại sự lạm dụng nguy-hiêm nhất của tự do : đó là việc loan tin thất thiệt.

Luật 29.7.1881 về tự do báo chí của Pháp (đã được áp dụng tại Việt-Nam trong thời Pháp thuộc) đã định nghĩa hai quyền này như sau :

- Quyền trả lời là quyền theo đó mọi thể nhân bị nêu đích danh hay bị ám chỉ trên một nhật báo hay một tạp-chí có quyền phổ biến trên báo này những lời giải thích hay những sự phản-khang (Điều 13 Luật 1881).

- Quyền đính chính được dành cho tất cả các giới chức công quyền khi những hành vi trong nhiệm vụ được đăng tải không trung-thực trên nhật báo hay tạp chí đính ky, được vị chu nhiệm cho đăng để đính chính (Điều 12 Luật 1881).

Hai quyền này được một số lớn các quốc gia trên thế giới chấp nhận với những điều kiện khác nhau như tại Pháp, Ý, Lục Xâm Bao Thổ Nhĩ Kỳ, Bỉ, Thụy Sĩ. Nhưng tại một số quốc gia khác những quyền này không còn được thừa nhận, như tại Anh quốc, Á Căn Đình, Thụy-Điền và Hoa Kỳ.

Trên bình diện quốc tế, quyền đính chính là đối tượng của mối bận tâm của các quốc gia. Đó là quyền đính chính những tin tức thất thiệt danh cho các chính phủ. Lý do của nó chẳng phải chỉ thuần triết-học và Luận lý là tôn trọng sự thật, mà còn có tính cách chính trị nhiều hơn. Nó nhằm tiêu diệt hiểm họa hiểm ngầm giữa các dân tộc cùng duy trì sự thông cảm và hòa bình trên thế giới. Một qui-ước liên hệ đến quyền đính chính quốc tế được chấp nhận bởi Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc trong phiên Họp ngày 13.5.1949.

Trở lại Việt-Nam, Điều 26 Qui Chế Báo Chí tuy không phân biệt hai quyền này, nhưng vẫn chấp nhận nó. Đó là một điều đáng hoan-ngênh. Nó là một lợi khi giúp cho những người bị báo chí tấn công có thể tự vệ được. Bởi một tờ báo có nhiều độc gia sẽ có ảnh

hướng rất lớn đến công-luận. Một cá nhân thế cô bị báo chí tấn công có thể mất hết uy-tin và danh dự do đó bị thiệt thòi rất nhiều về mặt tinh thần và vật chất.

Chiến thuật mà báo chí các quốc gia thường áp dụng là cứ diên trì không cho đăng bài đính chính hay trả lời. Người bị tấn công muốn kiện ra Tòa phải chịu tốn nhiều thời giờ và tiền bạc, vụ án có thể kéo dài hàng mấy năm; và rốt cuộc tờ báo chỉ bị phạt qua loa trong khi người dân thế cô bị vu khống mất cả uy-tin danh dự và nhiều khi phải sụp đổ cả một sự nghiệp.

Điều 26 Qui Chế Báo Chí đang hoàn chỉnh ở chỗ mình định rằng Tòa án phải tuyền xử đơn khiếu-tố (của người dân nếu chủ nhiệm không cho đăng bài đính chính và trả lời) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn. Luật cũng ghi rõ thời hạn mà tờ báo phải đăng bài đính chính và trả lời. Nếu qua thời hạn đó, người dân cứ đi kiện.

Luật còn dự liệu việc sử dụng quyền này trong thời gian tuyền cử. Bởi trong thời gian này, một ứng cử viên có thể bỏ tiền ra thuê tờ báo đăng bài để hạ uy-tin một ứng cử viên khác; hay có khi chính cá nhân tờ báo vì bất đồng chính kiến hay vì thù oán với một ứng cử viên mà cho đăng bài để tấn công ứng-cử-viên này. Do đó buộc tờ báo phải cho đăng bài đính chính hay trả lời trong một thời hạn tối đa 24 giờ để đánh tan những phan đoán sai lạc của quần chúng có thể có, là một điều đang hoàn chỉnh.

Về sự chế tài dự liệu trong trường hợp tờ báo không đăng hay diên trì trong việc đăng bài đính chính trả lời, có ý kiến đề nghị là luật nên sửa đổi là phạt luy-tiền. Theo đó, bài đính chính và trả lời cho đăng càng trễ bao nhiêu thì tờ báo bị phạt tiền càng bấy nhiêu. Có như vậy mới khuyến-khích các vị Chủ nhiệm cho đăng sớm các bài đính chính và trả lời.

Đoạn 3 : TRÁCH NHIỆM CỦA BÁO CHÍ TRƯỚC CHÍNH QUYỀN

Quyền tự do ngôn-luận của Báo-chí không phải vô giới hạn. Có những lãnh vực mà Báo-chí bị cấm đoán hẳn hay bị hạn chế đi như ta đã xét ở đoạn trước. Vượt qua những hạn chế này hay vi phạm vào những cấm đoán ấy, báo chí phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình. Luật báo chí Việt-Nam đã quy định những trách nhiệm của báo-chí đối với chính quyền như sau :

A.- CĂN BẢN PHÁP LÝ :

1/- Những người chịu trách nhiệm :

Điều 50 Qui Chế Báo Chí ấn định rằng sẽ bị truy tố như chánh phạm theo thứ tự sau đây :

- Chủ nhiệm hoặc Quản-lý

- Chủ bút hoặc Tác-giả nếu không truy ra được các người kể trên.
- Chủ nhà Xuất-bản, chủ nhà in, nếu không truy ra được các người kể trên.
- Những người bán, phân phát báo nếu không truy ra được những người kể trên.

Các người bị tuyên phạt sẽ liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tinh thần và vật chất.

Và Điều 51, qui-định : Nếu chủ nhiệm, quản lý hoặc chủ bút bị truy tố, tác gia cũng sẽ bị truy tố là tong phạm. Hình phạt áp dụng cho tong phạm là hình phạt tiền-liệu cho chanh-phạm.

2/- Hành-Pháp tịch thâu và truy-Tố :

- Để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự cộng cộng, thuần phong mỹ tục, Tổng Trưởng Nội Vụ hay tỉnh Trưởng có thể ra lệnh tịch thâu một tờ báo trước khi hay trong khi lưu hành. Tuy nhiên, chậm nhất 8 ngày sau khi tịch thâu, các nhà chức trách đã ra lệnh tịch thâu phải khởi tố trước Tòa-Án có thẩm quyền. Trong khi chờ Tòa-Án phán quyết, Chủ nhiệm tờ báo bị tịch thâu có quyền tiếp tục xuất bản báo của mình (Điều 19 cũ).

* Kể từ 4.8.1972, Sắc Luật 007 thêm vào như sau :

- Tổng Trưởng Nội-Vụ có thể ra lệnh tịch thâu trong trường hợp có sự vi phạm Điều 32, Đoạn a, b, c và Điều 33 Đoạn a, b, c Qui Chế Báo Chí (theo các điều khoản này thì Báo chí không được mạt lý và công khai phi bang Tổng-Thống, Phó Tổng Thống, VNCH, Quốc-Trưởng, Đại-Sứ, Sứ Thần và Lãnh Sự các quốc-gia bạn, các cơ quan Lập Pháp, Hành Pháp, Tư Pháp, các cơ quan Dân-Cử và các Đoàn Thể Công-lập).

- Lệnh tịch thâu nói trên có thể bao gồm việc tịch thâu các bản kẽm, khuôn đúc, khuôn chỉ dùng để in số báo bị tịch thâu (Đ.19 mới).

- Các phương tiện chuyên chở dùng để phân phối các số báo đã có lệnh tịch thâu cũng sẽ bị tịch thâu (Điều 19 mới).

- Bộ Nội Vụ có thể đình bản tạm thời tờ báo nào bị tịch thâu lần thứ nhì vì lý do an-ninh quốc gia và trật tự cộng cộng cho tới khi có phán quyết của Tòa-Án (nhưng với điều kiện là lần tịch thâu trước có truy-tố nhưng chưa có an chung-thăm).

...../.....

CHƯƠNG VI

QUYỀN TƯ DO NGÔN LUẬN CỦA BÁO - CHÍ.

-***-

Báo chí được tự do xuất bản, tự do phát hành, ký giả được tự do hành nghề. Ba quyền tự do đó chẳng còn ý nghĩa nào hết nếu báo chí không thực sự được hưởng quyền tự do ngôn-luận. Thực vậy, chỉ có những tờ báo con đẻ của chính quyền mới được hưởng ba quyền tự do trước một cách dễ dàng mà không được noi đến tự do ngôn-luận.

Tự do ngôn-luận là quyền nói, viết và diễn đạt mọi ý kiến. Theo lý thuyết trách nhiệm xã-hội về báo chí mà ta đã bàn ở Phần trước thì quyền ngôn-luận là một quyền tinh thần. Đó là một quyền tinh thần thì con người không có quyền tư bố, và chính quyền không được xâm phạm. Quyền tinh thần này đặt trên căn bản chính yếu là nghĩa vụ - nghĩa vụ đối với lương tâm mình và nghĩa vụ đối với quần chúng. Đó đó phải noi ra tư tưởng mình vì lương tâm và cung vì quyền lợi của quần chúng.

Tự do ngôn-luận đó vậy không phải là tuyệt đối. Nó phải được thăng bằng với những quyền tự do của kẻ khác và quyền lợi thiết yếu của Xã-Hội, Quốc-gia.

Chương này chúng ta sẽ bàn đến những quyền hạn cùng trách nhiệm của báo-chí trong việc hành sử quyền ngôn-luận qua ban Quy-Chế Báo Chí và thực trạng của quyền này.

Đoạn 1 : QUYỀN HẠN CỦA BÁO CHÍ.

A. CĂN BẢN PHÁP LÝ :

1. Những quyền tuyệt-đối không bị giới hạn :

- Chế độ kiểm duyệt báo-chí không được chấp nhận (Điều 2)
- Báo chí không thể bị đình bản có thời hạn hoặc vĩnh-viễn nếu không có quyết định của cơ quan Tư-pháp (Điều 1 đoạn chót, Điều 18).
- Báo chí có quyền giữ bí mật mọi nguồn tin-tức (Điều 22).
- Sau khi báo bị tịch thu và Chủ nhiệm bị truy tố trước Tòa Án, nếu được thả bổng, Chủ nhiệm có quyền ngay tại phiên Tòa ấy, phan tố đòi bồi thường thiệt hại (Điều 19 và 20).

...../.....

2. Những quyền có giới hạn :

- Báo chí được tự do thông tin và nghị-luận miễn là sự hành sử các quyền này không phương hại tới danh dự cá nhân, an ninh quốc-gia hay thuần phong mỹ-tục (Điều 21).

- Báo chí không thể bị truy tố khi tường thuật hay đăng tải trung thực và ngay tình và kể 4.8.1972, Sắc Luật 007 thêm : miễn là không phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc-gia và thuần phong mỹ tục) : Các cuộc thảo-luận công-khai tại Điện Dân Quốc-Hội hay trong các Ủy Ban Quốc Hội; các lời tuyên bố về quan điểm chính trị của Dân-Biểu hay Nghị-sĩ; các bài tham luận, thuyết trình hay phúc trình đã được đọc trong các phiên họp công khai của Quốc-Hội hoặc mọi văn-kiện không có tính cách mật hoặc kín do Quốc-Hội chính thức phổ biến (Điều 23 mới).

- Báo chí có quyền phê bình, chỉ trích chính sách kế-hoạch của chính quyền miễn là không nhằm mục đích tuyên truyền cho Cộng-san hay Trung-Lập thân Cộng-san (Điều 24).

- Báo chí không thể bị truy tố nếu trích dịch những số nhật-bào và tạp chí ngoại quốc đã được phép lưu hành tại Việt-Nam, miễn là trích dịch trung thực và ngay tình (và kể từ 4.8.1972 Sắc Luật 007 thêm : và không được phương hại tới danh-dự cá nhân, an-ninh quốc-gia và thuần phong mỹ-tục) (Điều 25 mới).

- Nếu bị truy tố về tội phi báng được dự-liệu nơi Điều 30 Qui chế Báo-Chí, báo-chí có quyền dẫn chứng về tính cách xác thực của các sự kiện bị coi là có tánh cách phi báng phải được chấp nhận. Tuy nhiên sự dẫn chứng sẽ bị tuyệt đối cấm chỉ đối với : Sự kiện liên-quan đến đời tư cá-nhân, sự kiện đã xảy ra từ 10 năm, tội phạm đã được đại-xa hay thời hoặc bản án xử phạt đã được thu tiêu bởi sự phục hồi công quyền hay tái thẩm. (Và kể từ 4.8.1972 Sắc Luật 007 thêm vào : Sự dẫn chứng cũng bị tuyệt đối cấm chỉ đối với trường hợp phi-bang Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hoa, Quốc-Trưởng, Đại-Sứ các quốc gia có liên-hệ ngoại-giao với Việt-Nam Cộng-Hoa) (Điều 31 mới).

3. Những lãnh vực bị ngăn cấm :

- Không được dùng báo-chí để : xúi dục quân-nhân bất tuân kỷ-luật Quân-đội; xúi dục người khác phạm tội xâm phạm nền an-ninh Quốc-nội hay Quốc Ngoại; xúi dục người khác phạm tội trộm cướp, có sát, có y đa thương, có y gây họa hoạn; hoặc đồ cáo các tội phạm nói trên (Điều 27 cũ). Và kể từ 4.8.1972, khoản : " Xúi dục người khác phạm tội trộm cướp, có sát, có y đa thương, có y gây họa-hoạn " được thay bằng khoản : hoặc xúi dục người khác phạm bất cứ trọng tội hay khinh tội nào khác ". (Điều 27 mới).

- Không được dùng báo-chí để phổ biến các luận điệu, các tin tức thất thiệt, hoặc các tin tức có thật nhưng với dụng ý, có thể gây ra một trong những tác dụng sau đây : làm phương-hại nền an-ninh Quốc-gia hay trật tự công cộng, nền kinh-tế tại-chánh Quốc-gia, làm suy giảm kỷ-luật và tinh thần chiến đấu của Quân Đội, gây chia rẽ giữa các Tôn-giao, các địa phương, các sắc Dân (Điều 28).
- Không được dùng báo-chí để phổ biến các tin tức tại liệu và luận điệu nhằm đề cao chủ nghĩa, chủ trương hay hành động của Cộng-san hay Trung-Lập thân Cộng-san (Điều 29).
- Không được dùng báo chí để mạ lỵ và công khai phỉ báng Tổng-Thống; Phó Tổng Thống V.N.C.H.; Quốc Trưởng, Đại-Sứ, Sứ Thần hay Lãnh-sự của các Quốc-gia có liên hệ Ngoại giao với VNCH; các cơ quan Lập-Pháp, Hành-Pháp và Tư Pháp, các cơ quan Dân cử và các Đoàn Thể Công-lập; Dân biểu và Nghị-Sĩ Quốc-Hội, nhân-viên Chánh-Phủ, Thẩm Phán Tối Cao Pháp-Viện, viên chức thuộc các cơ quan công quyền và công dân được tạm thời hay thường-xuyên giao phó nhiệm vụ công cử hay dân cử, về những hành động liên quan đến nhiệm vụ hay chức vụ của những người này, các tư nhân và các người qua có với dụng ý làm tổn thương danh-dự uy-tin của các người thừa kế, phối ngẫu hay kẻ quyền tống quát con sông. (Điều 32 và 33).
- Báo chí không được công bố các bản Cao-Trạng hay các giấy tờ thu tục khác thuộc các vụ hình sự trước khi các văn kiện này được công khai đọc tại phiên Tòa. Báo chí không được tường-thuyết các cuộc tranh biện trước Tòa về các vụ kiện phỉ báng, mạ lỵ, truy tầm phụ-hệ, ly thân hoặc ly hôn, hoặc về các vụ kiện Dân-sự mà Tòa-án ra lệnh cấm công-bố. Kể từ khi vụ kiện được Tòa Hình thụ lý cho tới khi có phán quyết của Tòa, báo-chí không được đăng tải các tin tức hoặc bài Bình-Luận có tác dụng ảnh hưởng đến sự xét xử vô tư của Tòa-án. (Điều 34).
- Không được dùng báo-chí để phổ biến các bài viết, các tranh ảnh, hình vẽ có tính cách xúc phạm thuần phong mỹ-tục (Điều 35)

B. N H Ậ N X Ế T :

1. Ưu điểm :

- Ưu điểm quan trọng hơn hết của quyền tự do ngôn luận theo Luật 019/69 là báo-chí không bị kiểm duyệt và chỉ có Tòa Án mới có quyền ra lệnh đình bản tờ báo sau khi báo này bị truy tố và bị phán quyết là có tội.

...../.....

- Say sưa với tinh thần dân chủ, các nhà lập pháp Việt-Nam còn cho báo chí có quyền phản-tố ngay tại phiên Toa để đòi bồi thường thiệt-hại nếu được Toa phán-quyết là vô tội. Đây là 1 biện pháp nhằm nhắc nhở nhà chức trách Hành-chánh thận trọng hơn trong việc truy-tố báo-chí.

- Luật báo đảm cho báo-chí có quyền giữ bí mật mọi nguồn tin tức là một điều đáng hoan nghênh. Có như vậy, tự do mới được báo đảm cho người làm báo trong việc loan tin. Thực vậy, một tờ báo muốn tránh khỏi việc loan tin một cách đồng nhất với các đồng nghiệp khác, phải có sự tìm kiếm những tin riêng do ở những nguồn tin đặc biệt cung cấp. Những nguồn tin đặc biệt này - tư nhân, chính khách, công chức v.v... chỉ dám cung cấp tin tức cho kỹ gia khi họ được báo đảm rằng bản thân họ không nguy hại gì do ở việc cung cấp tin này. Biện pháp báo đảm an-ninh hữu hiệu hơn hết đối với họ là luật pháp phải báo đảm cho kỹ gia có quyền không tiết-lộ tên người đã cung cấp tin tức cho kỹ gia viết bài mà không bị tu tội gì.

Về quyền được báo mật nguồn tin, an-lộ các quốc gia Tây-phương cũng phán rằng : Khi chính người kỹ gia là bị cáo trong vụ kiện, Ông ta có thể từ chối việc cho biết nguồn tin; nhưng khi ông ta chỉ là nhân chứng, bí mật nghề nghiệp chỉ được chấp nhận như một ngoại lệ mà thôi. (1)

- Đối với những quyền hạn khác, Luật đã không cho phép tự do một cách bừa bãi mà đã qui định đầy đủ những hạn chế và cam đoan. Đó là một điều hợp lý. Trên thế giới, không một quốc gia nào lại không thừa nhận những quyền tự do với tất cả sự đề dặt nhằm duy trì sự ổn-định. Dân chủ như Hoa Kỳ cũng vẫn phải hạn chế ngôn-luận để bảo vệ cá nhân khỏi bị vu-cao, phi bang, xa-hội khỏi bị tuyên truyền dâm ô, quốc gia khỏi nổi loạn và dân tộc khỏi ngoại xâm (2). Luật lệ báo chí tại các quốc gia dân-chủ khác như Thụy-Sĩ, Anh quốc và các quốc-gia khác cũng đều có những đề dặt tương tự.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm vừa kể, Luật cũng đã có rất nhiều khuyết điểm.

...../.....

(1) Roger Clausse " LE JOURNAL ET L'ACTUALITÉ" (Verriens, Belgique, Editions Gerard et Co, 1967) tr.214

(2) Tuyên ngôn tại Hội Nghị Genève về tự do thông-tin năm 1948.

2.- Khuyết điểm :

- Những sự hạn chế hay ngăn cấm đối với quyền tự do ngôn-luận được Luật 019/69 qui định bằng những danh từ qua mô hồ như : không phương hại đến danh dự cá nhân, an-ninh quốc-gia, thuần phong mỹ tục, đề cao chủ nghĩa và chủ trương của Công-san hay Trung lập thân Công-san, gây chia rẽ, làm suy giảm tinh thần chiến đấu của Quân-đội, làm phương hại nền tai chanh, kinh tế quốc gia...

Thiết tưởng những danh từ trên cần được giải thích tỉ-mỉ bằng cách nêu rõ các yếu tố cấu thành tội phạm.

Như tội "loan tin thất thiệt" (Điều 28) đã tỏ ra thiếu sót so với Luật Báo-Chí Pháp 29.7.1981 (làm căn bản cho Luật Báo Chí tại Việt Nam trước khi Luật 019/69 ra đời). Điều 27 Luật 1981 nêu ra các yếu tố một cách tỉ-mỉ hơn : "phai trí tình, cơ gian y, loan một tin tức thất thiệt xâm hại đến nền an ninh công cộng". Và Điều 10 Sắc Luật số 2/64 ngày 19.2.1964 dưới thời Nguyễn Khanh nay đã bại bỏ, vẫn còn có lợi cho báo-chí hơn khi minh thị "Trong trường hợp này, Công Tố Viện phai minh chứng gian y của can phạm". Trong khi đó, hàng ngày có hàng trăm tin tức sập đổ bay tới Toa-soạn, làm sao phối kiểm cho kịp. Đánh đi tù hết cả chẳng ? Thế là công-ly ư ?

Ngoài ra, Điều 28 Luật 019/69 cũng tỏ ra thiếu sót khi không qui định việc phổ biến những tin tức phạm làm nguy hại đến đời sống xã-hội như : Luân lý, gia-dình, sức khỏe, vệ sinh, ...

- Về tội, " làm suy giảm kỷ luật và tinh thần chiến đấu của quân-đội " thì qua là qua rộng rãi, mô hồ cũng như tội " làm phương hại nền kinh tế, tai-chanh quốc gia ". Thế nào là làm giảm tinh thần chiến đấu của quân-đội ? Nói rõ nguyên do thất bại của quân-đội ta sau một trận đánh lớn có tội chẳng ? Và thế nào là làm phương hại nền kinh-tế, tai-chanh Quốc-gia ? Nhận định về thực trạng yếu kém của nền kinh tế - tai-chanh nước nhà để tìm phương thức khắc phục có bị tội chẳng ?

- Cho phép báo chí có quyền phê bình, chỉ trích chính sách, kế hoạch của chính-phu, nhưng Luật lại thêm rằng " miến là không nhằm mục đích tuyên truyền cho Công-san hay Trung Lập thân Công san". Như vậy, phai phê bình, chỉ trích như thế nào mới được coi là không tuyên truyền cho Công-san? Điều này đã khiến người cầm bút dễ bị chụp mũ là " tuyên truyền cho Công-san ", nhất là đối với các ký-gia có khuynh hướng đối lập với chính quyền.

- Danh từ " xúc phạm thuần-phong mỹ-tục " mà Luật đã dùng ở quá mô-hồ. Tuyên truyền cho việc chống sinh-san, xui dục phá, thai, quang cao rượu mạnh, khuyến khích việc say sưa có bị xem là xúc phạm thuần-phong mỹ-tục không ?

...../

Chỉ dẫn và khuyến khích việc cơ báo thì bị tội gì? Và khuyến khích, cổ võ việc mê tín dị đoan, phổ biến những hiện tượng phản khoa-học nhằm hạ thấp dân trí có bị xem là xúc phạm thuần-phong mỹ-tục chăng?

- Kể từ 4.8.1972, với sự ban hành Sắc Luật 007 sửa đổi những điều-khoan quan trọng của Luật 019/69, Hành-pháp đã mở rộng cái phạm vi "An ninh Quốc-gia, danh dự cá nhân và thuần-phong mỹ-tục" để hạn chế báo chí thêm nhiều quyền mà hai quyền quan trọng nhất là tương thuật các cuộc thảo luận công khai tại Quốc-Hội, các lời tuyên bố công khai của Dân Biểu Nghị Sĩ tại Quốc-Hội và trích dịch Báo ngoại quốc được phép lưu-hành tại Việt-Nam. Bởi nhờ cơ báo chí thông thuật lại sinh hoạt tại Quốc Hội mà quần chúng mới có thể phân đoạn về thái độ và giá trị của các vị Đại-diện họ tại cơ quan Lập-pháp một cách chính xác hơn; cũng như nhờ đó mà quần chúng có thể nhận định về chính sách, kế hoạch của Chính-phu một cách thấu đáo hơn qua những lời phê bình của các vị Dân Biểu Nghị Sĩ. Thế nhưng với sự hạn chế là "không được phúng họa đến nền an-ninh Quốc gia" thì liệu rằng Báo-chí có còn dám tương thuật lại những sự phê bình, chỉ trích của các nhà Lập-Pháp chăng?

Đối với việc cấm đoán báo chí Việt Nam trích dịch - dù là trích dịch trung thực và ngay tình - những bài báo ngoại quốc xét ra có phúng họa đến "An ninh Quốc-gia", nhất là các số báo này lại được phép lưu hành tại Việt Nam cũng là một điều quá khắt nghiệt và lại mâu thuẫn nữa. Bởi báo ngoại quốc chỉ được phép lưu hành tại Việt-Nam sau khi được chính quyền xét là không nguy hại gì. Nay nếu cho phép báo ngoại quốc được phổ biến mà với cùng một bài ấy, báo Việt Nam trích dịch lại thì không được phổ biến cơ bản công không? Nếu vì lý do Báo ngoại ngữ độc gia ít hơn độc gia báo Việt ngữ thì lại càng thiệt hại cho quảng-dại quần chúng Việt Nam trên phương-diện được hưởng quyền tự do được thông tin.

Do ở hạn chế này, người ta e ngại rồi ra báo-chí Việt Nam chỉ dám trích dịch những bài báo ủng hộ chính quyền mà thôi, nếu những từ ngữ "Không được phúng họa đến an-ninh quốc-gia, danh dự cá nhân và thuần phong mỹ tục" được chính quyền quan niệm quá rộng.

- Sắc Luật 007 cũng đã sửa đổi Điều 31 Luật 019/69 khi thêm rằng: sự dẫn chứng về tính cách xác thực của các sự kiện bị coi là có tính cách phi bang sẽ bị tuyệt đối cấm chỉ đối với những trường hợp phi bang Tổng-Thống, Phó Tổng Thống VNCH, Quốc Trưởng, Đại-Sứ các quốc-gia có liên hệ ngoại giao với VNCH. Nghĩa là kể từ 4.8.1972 báo chí không được am chỉ, tương thuật, hay qui trách một hành vi hay một sự kiện (theo đúng định nghĩa từ ngữ "phi bang" ghi ở Điều 30 Luật 019/69) mà chính quyền xét rằng có thể làm tổn thương danh dự và uy-tin các chức vụ kể trên, cho dù các hành vi và các sự kiện ấy có thực. Nói cách khác, để bảo vệ danh dự và uy-tin các chức vụ kể trên, báo chí sẽ không được quyền chỉ trích các hành vi và các sự kiện liên hệ đến các vị ấy cho dù các hành vi và các sự kiện này có xảy ra thật và xảy ra một cách xấu xa bi-ối.

Sự qui định này quả thật quá khắc nghiệt, không phù hợp với tinh thần dân-chủ. Thực vậy, một chế độ dân chủ thật sự phải chấp-nhận việc phê bình chỉ trích hành động của các nhà lãnh-đạo kể cả vị nguyên thủ miền là không xâm phạm đến tư cách vị này. Không ai là thần-thanh mà tránh khỏi tất cả mọi sai lầm trong hành động. Hướng hộ sự sai lầm của một vị nguyên-thủ có ảnh hưởng đến cả sự tồn vong của một quốc-gia, danh dự của cả một dân tộc. Bao-chí nêu một sự sai lầm có thật của vị nguyên-thủ quốc gia lại bị cho là làm tổn thương danh dự, uy-tin của vị này để rồi bị đi tù thì liệu rằng bao-chí có còn tự do hay không ?

Lại còn nêu lên những sai lầm của các vị Quốc-Trưởng, Đại-Sứ các quốc gia bạn, cũng bị xem như "Làm tổn thương danh dự uy tín" của họ thì quả là bao-hoàng hơn xưa. Trong khi đó, chắc gì bao chí của quốc gia họ lại bị cấm về những điều đó ?

Sau cùng quan trọng hơn hết trong việc ấn định quyền hạn của báo-chí mà Sắc Luật 007 đã nêu ra là việc sửa đổi Điều 19. Theo sự sửa đổi này (Điều 19 mới, đoạn 5) thì sau một lần bị tịch thu vì lý do an ninh quốc gia hay trật tự công cộng mà tờ báo còn bị tịch thu lần thứ hai cũng vì những lý do này thì Tổng Trưởng Nội Vụ có thể tạm thời đình bản tờ báo ấy trong khi chờ đợi phán quyết của Tòa, nếu lần tịch thu trước có truy tố mà chưa có án chung thẩm.

Như vậy, Điều 13 và Điều 18 Luật 019/69 tuy rằng không bị sửa đổi hay hủy bỏ, vẫn được coi như không áp dụng trong trường hợp này (Hội Đồng này qui định rằng chỉ có Tòa án mới có quyền đình bản báo chí dù là tạm thời). Với Sắc Luật 007 sửa đổi Điều 19 trên, người ta tự hỏi quyền tự do báo chí có còn bao đảm hay không, khi mà trao cho Bộ Nội Vụ cái quyền sinh sát báo chí - dù là tạm thời - này?

Đoạn 2 : TRÁCH NHIỆM CỦA BÁO-CHÍ TRƯỚC ĐỘC-GIA

Báo chí có nhiều quyền và cũng có nhiều sự hạn chế như chúng ta đã khảo sát ở đoạn trước. Nếu báo-chí vượt quyền, tức vi phạm vào những hạn chế ấy, tất nhiên phải chịu trách nhiệm về hành động của mình. Ngoài việc phải chịu trách nhiệm trước chánh quyền tức bị những chế tại pháp lý, báo chí còn phải chịu trách nhiệm trước độc gia, lúc ấy, báo chí phải thi hành những nghĩa vụ mà độc gia có quyền bắt buộc. Đó là quyền đình chánh và quyền trả lời của độc gia. Ngoài ra, độc gia còn có quyền truy tố báo chí trước Tòa án Dân sự đòi bồi thường thiệt hại nếu có. Luật 019/69 đã ấn định những trách nhiệm này của báo chí như sau (không kể những trách nhiệm dân sự):

A. CĂN BẢN PHÁP LÝ :

- Thế nhân hay pháp nhân bị nêu đích danh hay bị ám chỉ một cách không thế làm lẫn với người khác trong bài báo có quyền buộc Chủ nhiệm phải đăng miến phi bài trả lời hoặc bài đình chánh của mình trên báo đó.

Chủ nhiệm nhật báo phải đăng bài trả lời hoặc bài đính chính trên một trong ba số báo phát hành sớm nhất kể từ ngày nhận được bài đó. Riêng đối với Tạp Chí, sự đăng tải phải thực hiện trên một trong hai số báo xuất bản sớm nhất kể từ ngày nhận được bài trả lời hoặc bài đính chính. Riêng trong thời kỳ tuyên cứ các thời hạn trên gian xuống còn 24 giờ (Điều 26) .

B. N H Ậ N X Ế T

Terrou và Solal trong quyển " Le droit de l'Information" đã viết "Đúng là con tôn tại trong lãnh vực thông-tin một phương tiện để ngăn ngừa một tự lợi hoàn toàn. Phương tiện ấy chính là quyền đính chính và quyền trả lời " Hai quyền này không thể nhậm lập được. Cả hai quyền đều nhằm chống lại sự lạm dụng nguy-hiêm nhất của tự do : đó là việc loan tin thất thiệt.

Luật 29.7.1881 về tự do báo chí của Pháp (đã được áp dụng tại Việt-Nam trong thời Pháp thuộc) đã định nghĩa hai quyền này như sau :

- Quyền trả lời là quyền theo đó mọi thể nhân bị nêu đích danh hay bị ám chỉ trên một nhật báo hay một tạp-chí có quyền phổ biến trên báo này những lời giải thích hay những sự phản-khang (Điều 13 Luật 1881).

- Quyền đính chính được dành cho tất cả các giới chức công quyền khi những hành vi trong nhiệm vụ được đăng tải không trung-thực trên nhật báo hay tạp chí đính kỳ, được vị chủ nhiệm cho đăng để đính chính (Điều 12 Luật 1881).

Hai quyền này được một số lớn các quốc gia trên thế giới chấp nhận với những điều kiện khác nhau như tại Pháp, Ý, Lục Xâm Bao Thổ Nhĩ Kỳ, Bỉ, Thụy Sĩ. Nhưng tại một số quốc gia khác những quyền này không còn được thừa nhận, như tại Anh quốc, Á Căn Đình, Thụy-Điễn và Hoa Kỳ.

Trên bình diện quốc tế, quyền đính chính là đối tượng của mối bận tâm của các quốc gia. Đó là quyền đính chính nhưng tin tức thất thiệt dành cho các chánh phủ. Lý do của nó chẳng phải chỉ thuần triết-học và Luân lý là tôn trọng sự thật, mà còn có tính cách chính trị nhiều hơn. Nó nhằm tiêu diệt hiểm họa hiểm giữa các dân tộc cùng duy trì sự thông cảm và hòa bình trên thế giới. Một qui-ước liên hệ đến quyền đính chính quốc tế được chấp nhận bởi Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc trong phiên Họp ngày 13.5.1949.

Trở lại Việt-Nam, Điều 26 Quy Chế Báo Chí tuy không phân biệt hai quyền này, nhưng vẫn chấp nhận nó. Đó là một điều đáng hoan-ngênh. Nó là một lợi khi giúp cho những người bị báo chí tấn công có thể tự vệ được. Bởi một tờ báo có nhiều độc giả sẽ có ảnh

hưởng rất lớn đến công-luận. Một cá nhân thể cô bị báo chí tấn công có thể mất hết uy-tin và danh dự do đó bị thiệt thòi rất nhiều về mặt tinh thần và vật chất.

Chiến thuật mà báo chí các quốc gia thường áp dụng là cứ diên trì không cho đăng bài đính chính hay trả lời. Người bị tấn công muốn kiện ra Tòa phải chịu tốn nhiều thời giờ và tiền bạc, vụ án có thể kéo dài hàng mấy năm; và rốt cuộc tờ báo chỉ bị phạt qua loa trong khi người dân thể cô bị vu khống mất cả uy-tin danh dự và nhiều khi phải sụp đổ cả một sự nghiệp.

Điều 26 Quy Chế Báo Chí định hoãn ngành ở chỗ mình định rằng Tòa án phải tuyên xử đơn kiện-tố (của người dân nếu chủ nhiệm không cho đăng bài đính chính và trả lời) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn. Luật cũng ghi rõ thời hạn mà tờ báo phải đăng bài đính chính và trả lời. Nếu qua thời hạn đó, người dân cứ đi kiện.

Luật còn dự liệu việc sử dụng quyền này trong thời gian tuyên cử. Bởi trong thời gian này, một ứng cử viên có thể bỏ tiền ra thuê tờ báo đăng bài để hạ uy-tin một ứng cử viên khác; hay có khi chính cả tờ báo vì bất đồng chính kiến hay vì thù oán với một ứng cử viên mà cho đăng bài để tấn công ứng-cử-viên này. Do đó buộc tờ báo phải cho đăng bài đính chính hay trả lời trong một thời hạn tối đa 24 giờ để đánh tan những phan đoán sai lạc của quần chúng có thể có, là một điều đáng hoan nghênh.

Về sự chế tài dự liệu trong trường hợp tờ báo không đăng hay diên trì trong việc đăng bài đính chính trả lời, có ý kiến đề nghị là Luật nên sửa đổi là phạt luy-tiền. Theo đó, bài đính chính và trả lời cho đăng càng trễ bao nhiêu thì tờ báo bị phạt tiền càng bấy nhiêu. Có như vậy mới khuyến-khích các vị Chủ nhiệm cho đăng sớm các bài đính chính và trả lời.

Đoạn 3 : TRÁCH NHIỆM CỦA BÁO CHÍ TRƯỚC CHÍNH QUYỀN

Quyền tự do ngôn-luận của Báo-chí không phải vô giới hạn. Có những lãnh vực mà Báo-chí bị cấm đoán hẳn hay bị hạn chế đi như ta đã xét ở đoạn trước. Vượt qua những hạn chế này hay vi phạm vào những cấm đoán ấy, báo chí phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình. Luật báo chí Việt-Nam đã quy định những trách nhiệm của báo-chí đối với chính quyền như sau :

A.- CĂN BẢN PHÁP LÝ :

1/- Những người chịu trách nhiệm :

Điều 50 Quy Chế Báo Chí ấn định rằng sẽ bị truy tố như chánh phạm theo thứ tự sau đây :

- Chủ nhiệm hoặc Quản-lý

- Chủ bút hoặc Tác-giả nếu không truy ra được các người kể trên.
- Chủ nhà Xuất-bản, chủ nhà in, nếu không truy ra được các người kể trên.
- Những người bán, phân phát báo nếu không truy ra được nhưng người kể trên.

Các người bị tuyên phạt sẽ liên đới chịu trách nhiệm bồi-thường thiệt hại về tinh thần và vật chất.

Và Điều 51 quy-định : Nếu chủ nhiệm, quản lý hoặc chủ bút bị truy tố, tác gia cũng sẽ bị truy tố là tong phạm. Hình phạt áp dụng cho tong phạm là hình phạt tiên-liệu cho chanh-phạm.

2/- Hành-Pháp tịch thâu và truy-Tố :

- Để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự cộng cộng, thuần phong mỹ tục, Tổng Trưởng Nội Vụ hay tỉnh Trưởng có thể ra lệnh tịch thâu một tờ báo trước khi hay trong khi lưu hành. Tuy nhiên, chậm nhất 8 ngày sau khi tịch thâu, các nhà chức trách đã ra lệnh tịch-thâu phải khởi tố trước Tòa-Án có thẩm quyền. Trong khi chờ Tòa Án phán quyết, Chủ nhiệm tờ báo bị tịch thâu có quyền tiếp tục xuất bản báo của mình (Điều 19 cũ).

★ Kể từ 4.8.1972, Sắc Luật 007 thêm vào như sau :

- Tổng Trưởng Nội-Vụ có thể ra lệnh tịch thâu trong trường hợp có sự vi phạm Điều 32, Đoạn a, b, c và Điều 33 Đoạn a, b, c Qui Chế Báo Chí (thực các điều khoản này thì Báo chí không được mả lý và công khai phi bang Tổng-Thống, Phó Tổng Thống, VNCH, Quốc-Trưởng, Đại-Sứ, Sứ Thần và Lãnh Sự các quốc-gia bạn, các cơ quan Lập Pháp, Hành Pháp, Tư Pháp, các cơ quan Dân-Cư và các Đoàn Thể Công-lập).

- Lệnh tịch thâu nói trên có thể bao gồm việc tịch thâu các bản kẽm, khuôn đúc, khuôn chì dùng để in số báo bị tịch thâu (D.19 mới).

- Các phương tiện chuyên chở dùng để phân phối các số báo đã có lệnh tịch thâu cũng sẽ bị tịch thâu (Điều 19 mới).

- Bộ Nội Vụ có thể đình bản tạm thời tờ báo nào bị tịch thâu lần thứ nhì vì lý do an-ninh quốc gia và trật tự cộng cộng cho tới khi có phán quyết của Tòa Án (nhưng với điều kiện là lần tịch thâu trước có truy-tố nhưng chưa có an chung-tham).

...../.....

- Những số báo đã bị tịch thu không được hoàn lại (dù có được Tòa An tha bổng) (Điều 20 mới).

- Nhà chức trách hành-chính sở tại sẽ đóng cửa, trong thời hạn tối thiểu hai tháng nhạ in báo đã công khai hoặc lên lút đưa báo ra khỏi cơ sở ấn-loạt trước giờ phát hành, hay tiếp tục in, thêm, cắt đầu, tang trữ hoặc đưa ra khỏi cơ sở ấn loạt những số báo đã bị tịch thu (Đ.19 mới).

- Báo nào phát hành sớm hơn giờ ấn định cùng với các phương tiện chuyên chở nếu có, sẽ bị lập biên bản và tịch thu như tang vật (Điều 13 mới).

3/- Tư Pháp xét xử :

Trước khi được sửa đổi bởi Sắc-luật số 007, Qui-Chố Báo-Chí định rằng việc xét xử các vi phạm luật-lệ báo chí thuộc thẩm quyền Tòa Tiểu-Hình, ngoại trừ trường hợp trọng tội.

Nhưng kể từ 4.8.1972, Sắc-Luật 007 sửa đổi lại là việc xét xử các vi phạm luật-lệ Báo-chí thuộc thẩm-quyền chuyên-biệt Tòa Thượng Tụng. Nhưng trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến-tranh hay tình trạng thiết-quân-luật thì việc xét xử các vi-phạm các Điều 27 (mới), Điều 28 và Điều 29 sẽ thuộc thẩm quyền Tòa An Quân-Sự Mặt Trận nơi xuất bản tờ báo. Tuy nhiên, trong trường hợp này, Tòa An Thượng Tụng vẫn tiếp tục thụ lý như thường lệ nếu nhà chức-trách quân-sự không dành quyền truy-tố trước Tòa An Quân-sự Mặt Trận (Điều 52 mới Luật 019/69 và Điều 3 Sắc Luật 007).

Sắc Luật 007 cũng thêm rằng khi thụ lý vụ án, mỗi cấp Tòa An có một thời hạn là 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ để hoàn tất việc xét xử. Và các phong Lục Sự có một thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày tuyên án để hoàn thành hồ sơ chuyển đến Tòa An có thẩm quyền. (Điều 52 mới).

4/- Những biện pháp chế tài hình sự :

- Tòa An trong trường hợp xác nhận tội trạng ở các Điều : 27, 28, 29 có thể tuyên bố đình hạn có thời hạn hoặc vĩnh viễn tờ báo. Bị can còn có thể bị giam cầm trong trường hợp vi phạm các Điều trên (Điều 48 và 58).

- Trước khi bị sửa đổi, Luật 019/69 qui định những tội phạm bị phạt và tối thiểu là 5.000\$ và tối đa là 1.500.000\$, phạt tù tối-thiểu là 6 ngày và tối đa là 5 năm. Do sự sửa đổi bởi Sắc Luật 007, những tội phạm bị phạt và tối thiểu là 10.000\$ và tối đa là 5.000.000\$, phạt tù tối thiểu là một tháng và tối đa là 5 năm.

* Ngoài ra kể từ 4.8.1972 với sự ra đời của Sắc Luật 007, có những chế tài sau đây, được đặc biệt chú ý :

- Mọi sự phỉ báng, mạ lỵ, phải được ước lượng và bồi thường tương xứng bằng tiền nếu có sự thỉnh cầu của dân sự nguyên cáo.

- Số tiền ký quỹ luật định phải luôn luôn đầy đủ. Khi số tiền ký quỹ bị khấu trừ, thì ngay sau khi được Tổng Giám Đốc Ngân Khố thông báo, chủ nhiệm tờ báo hoặc người đứng đầu cơ sở phát hành phải đóng thêm cho đủ số tiền ký quỹ trong hạn 15 ngày. Nếu không, tờ báo coi như tự ý đình bản hoặc cơ sở phát hành coi như tự ý ngưng hoạt động. (Số tiền ký quỹ bị khấu trừ khi bị can không chịu nộp phạt và hoặc bồi thường thiệt hại cho dân sự nguyên cáo khi đã có bản án chung thẩm).

- Bị can có bị phạt ngân-hình, muốn thương tở phải ký quỹ tại Phòng Lục Sự một số tiền tương đương với ngân hình bị tuyên phạt.

Không được sử dụng chương mục ký quỹ tại Tổng Nha Ngân Khố để xin xuất bản báo vào việc ký quỹ thương-tở nay (Điều 4 mới và Điều 52 mới).

- Đặc biệt trong suốt thời gian bản báo tình trạng chiến-tranh hay thiết quân luật, vi phạm các điều 27 mới, Điều 28 và Điều 29 Qui-Chức Báo Chí, sẽ bị Tòa Án Quân Sự Mặt Trận phạt cấm có và phạt và từ một triệu đồng đến 5 triệu đồng (Điều 3 Sắc-Luật 007).

B.- N H Â N X É T :

1/- Về người chịu trách nhiệm :

Với Điều 50 Qui Chế Báo Chí, người ta có cảm tưởng là Chính quyền sẵn sàng làm một cuộc hành quân qui-mô để truy tìm thủ phạm và lại truy tìm qua kỹ. Một cuộc hành quân với nhiều trận tuyến liên-tiếp để tìm cho ra người chịu tội. Tại các Quốc-gia khác hoặc áp dụng thương Luật để truy tố tác giả bài báo bị trách cứ là thủ phạm, hoặc coi việc cho phép đăng bài báo bị trách cứ là tội của Chủ nhiệm. Đáng nay, nhà Lập Pháp Việt-Nam lại chấp nhận cả hai quan điểm nói trên : Vừa truy tố chủ nhiệm hay chủ bút, quản lý) Như chính phạm, lại vừa truy tố tác giả như đồng phạm, và hình phạt giống như chính phạm.

2/- Về Việc tịch thu và truy-tố :

Ưu điểm của Luật 019/69 là đã can đảm xác nhận nguyên tắc trách nhiệm của báo-chí. Chính quyền đã không may mắn bằng một quy-chế hoàn toàn tự do. Báo chí được tự do nhưng phải lãnh trách nhiệm. Đó là con đường đúng giữa một đảng là phong tung thổi nạt, một đảng là độc tài tàn nhẫn.

Tịch thu là một biện pháp nhằm ngăn chặn trước khi đem phổ biến những bài báo xét ra có hại cho an ninh Quốc-gia, trật tự công cộng, thuần phong mỹ tục, là một điều rất hợp lý.

...../.....

Luật còn buộc nhà chức trách phải truy-tố tố báo trong hạn 8 ngày sau khi tịch-thâu đồ Toa An, phạt xét, nếu vô tội, chu bào sẽ được bồi thường thả đang. Biện pháp cũng nhằm hạn chế việc lạm quyền để tịch-thâu bừa bãi mà không có lý do. Tuy nhiên Luật đã không ấn định một chế tại nào cho việc chức lạm quyền tịch-thâu bừa bãi như vừa kể. Bởi nếu chỉ xuất công quy để bồi thường thiệt hại cho nhà bào không thôi thì cả nhân viên viên chức ra lệnh tịch-thâu ghê hấn đã đe-dặt trong quyết định tịch-thâu của mình. Luật lệ đã bạo vô người công dân chống lại sự uy-hiệp của bạo-chỉ thì cũng nên bạo vệ bào chỉ chống lại sự thao túng, lạm quyền của nhà chức trách hành-chánh.

Một ưu đi-ếm khác của Luật 019/69 lúc chưa bị sửa đổi là cho phép tố bào vẫn tiếp tục xuất ban sau khi số bào trước bị tịch-thâu và truy-tố mà chưa có phán quyết của Toa An. Như vậy, chỉ có số bào có bài viết bị trách cứ mới bị tịch-thâu và quyền xuất ban không vì thế mà bị cướp mất đi, dù là tạm thời.

Tuy nhiên Sắc-Luật số 007 tỏ ra khác khệ hơn khi cho phép tịch-thâu cả trong trường hợp xét thấy bài bào có vi phạm điều 32 Đoạn a, b, c, và Điều 33 đoạn a, b, c, tức các Điều cấm bào chí ma lý và công khai phỉ bang Tổng-Thống, Phó Tổng Thống VNCH và Quốc-Trưởng, Đại-Sứ, Sư thần các quốc-gia ban cùng các cơ quan công quyền Hiến định. Thiết tưởng biện pháp tịch-thâu nếu nhằm mục đích ngăn chặn trước khi cho lưu hành những bài bào xét ra có thể nguy hại cho an-ninh quốc-gia, trật tự công cộng thì rất hữu lý. Nhưng nếu chỉ nhằm không cho dân chúng biết những hành vi, những sự kiện liên hệ đến các vị nguyên-thủ quốc-gia, Đại-Sứ các quốc gia ban và các cơ quan công quyền Hiến định bởi chính quyền ở ngại rằng nếu các hành vi, các sự kiện này được quần chúng biết đến, có thể sẽ nguy hại tới danh dự và uy-tin các vị ấy cùng các cơ quan công quyền, thì ở rằng chính quyền muốn bưng bít sự thật chăng? Hơn nữa, như chúng ta đề cập ở đoạn trước Luật đã cấm tuyệt đối việc dân chúng về tình cách xác thực của các sự kiện bị coi là có tính cách phỉ bang đối với các chức vụ kể trên khi tố bào bị truy-tố về tội phỉ bang. Như vậy, người lạm bào để tranh khỏi bị đi tù, chắc chắn họ sẽ không bao giờ dám viết bài chửi chận đến các chức vụ kể trên. Một đi-ếm sau cùng là giao phó cho Ông Tổng-Trưởng Nội Vụ cai quyền phán xét về sự có vi phạm hay không các Điều 32 và 33 kể trên để ra lệnh tịch-thâu, trước cả thẩm quyền phán xét của Toa An, liệu rằng sự phán xét ấy có vô tư và hợp lý chăng?

Ngoài ra Sắc Luật 007 còn cho phép chính quyền tịch-thâu cả các phương tiện chuyên chở và ấn loát những số bào bị tịch-thâu. Như vậy, hiện nhiên chính quyền ngoài việc đã mở rộng lý do để tịch-thâu còn muốn huy diệt tận gốc mọi phương tiện để ấn hành và phổ biến những số bào bị trách cứ.

Sắc Luật 007 cũng đã cho phép Hành Pháp ngăn chặn việc phổ-biến qua ký khi qui định rằng bao náo phát hành sớm hơn giờ ấn định cũng bị tịch-thâu cùng với các phương tiện chuyên chở. Sắc Luật cũng tỏ ra vô lý khi qui định rằng những số bào bị tịch-thâu sẽ không được hoàn trả lại cho nhà bào nếu nhà bào được thả bổng, nghĩa là bài bào được Toa

Án phán quyết là không phạm luật, một số báo không phạm luật tại sao lại không được tra lại nhà báo để họ phổ biến?

Về việc đóng cửa nhà in đã đưa báo ra khỏi cơ sở an-loạt hoặc đã tiếp tục in thêm hoặc tàng trữ những số báo bị tịch thu, theo như Sắc Luật 007 qui định, cũng là một chỗ tai khốc nghiệt. Bởi đa số báo chí Việt-Nam đều không có nhà in riêng, phải đưa báo đi in mượn ở những nhà in khác. Nếu một tờ báo đã có lệnh bị tịch thu, thế nhưng chủ nhà in mượn không hay biết lệnh ấy thì có thể dễ dàng phạm tội. Nhất là đối với một nhà in nhận in cho nhiều báo để nhảm lẩn trong việc biết tờ nào bị tịch thu, tờ nào không. Do đó, kết tội họ trong những trường hợp ấy thật là oan uổng.

Sau hết, Sắc Luật 007 đã qui định một biện pháp quả khốc-nghiệt khi ấn định rằng Bộ nội Vụ có thể đình ban tạm thời tờ báo nào bị tịch thu lan thứ nhì vì lý do an ninh quốc gia hay trật tự công-cộng trong khi chờ Phán-quyết của Tòa. Biện pháp này có thể mở ngõ cho sự bóp nghẹt quyền tự do ngôn luận, nhất là đối với các báo đối-lập.

3/- Về việc xét xử :

Giao phó thẩm quyền xét xử cho cơ quan Tư Pháp là một biện pháp đang hoan nghênh. Trong tình trạng bình thường của quốc gia, việc xét xử các vi phạm Luật-lệ Báo-chí thuộc thẩm quyền chuyên-biệt của Tòa Thượng Tung là một điều rất hợp lý. Bởi với lượng cấp tại phán (Sơ Thẩm và Thượng Thẩm), báo chí được bao đảm xét xử sáng suốt hơn. Thêm vào đó, báo chí cũng có quyền thượng tố lên Tối Cao Pháp Viện nếu không đồng ý với bản án của Tòa Thượng Thẩm.

Sau sửa đổi tinh thần Dân-chủ, Sắc luật 007 còn buộc rằng mỗi cấp Tòa Án chỉ có 30 ngày để hoàn tất việc xét xử kể từ ngày nhận được hồ sơ, và thời gian chuyển hồ sơ từ Tòa này lên Tòa trên cùng không được kéo dài qua 30 ngày. Như vậy, báo chí không còn sợ Tòa Án dùng chiến thuật diên trì để không xét xử nữa. Đó là một điểm son của Sắc Luật 007.

Tuy nhiên, sau đó Sắc Luật lại qui định rằng trong thời gian báo bố tình trạng chiến tranh hay tình trạng thiết quân luật, nếu vi phạm các Điều 27, 28, 29 sẽ bị phạt cấm cô và phạt vạ từ 1 đến 5 triệu đồng, và Tòa Án có thẩm quyền xét xử là Tòa Án Quân Sự Mặt Trận nếu nhà chức trách Quân-sự địa phương nơi xuất bản tờ báo danh quyền truy tố.

Tòa Án Quân Sự Mặt Trận (1) là một cơ quan Tài-phán đặc biệt

(1) Tòa Án Quân Sự Mặt Trận được thiết lập do Sắc Luật 11/62 ngày 21.5 1962 và được sửa đổi bởi các văn kiện kế tiếp.

nằm ngoài hệ thống Tư Pháp Việt-Nam, mà trong đó Thẩm-Phan xử án, Công Tố Viên và Lục-Sứ đều là quân nhân. Thủ tục xét xử lại có vẻ thiếu dân chủ. Do đó cơ quan tài-phần này thường bị nghi ngờ là thiếu vô tư trong việc xét xử. Nay tình trạng chiến tranh vẫn còn hiệu lực, những vụ vi phạm các Điều 27, 28, 29, (Bao chi thường hay vi phạm các Điều này), thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa An Quân Sự Mặt Trận và hình phạt lại quá nặng như vậy, chắc chắn khiến người làm báo phải dè dặt nhiều hơn trong việc viết lách.

4/- Về những chế tài Hình-sự :

Những chế tài hình sự được qui định trong Luật 019/69 lúc chưa bị sửa đổi đã qua nhiều và tương đối khắc khe. Thế nhưng với sự ra đời của sắc-luật 007, những chế tài hình sự đã gia tăng gấp bội. Có hình phạt đã gia tăng gấp mười lần so với luật cũ. Điển hình là phạt và trước qui định là từ 10 ngàn đồng đến 100.000\$ nay đã tăng từ 100 ngàn đồng đến 1 triệu đồng và phạt tù lúc trước tối thiểu là 6 ngày nay đã tăng lên, tối thiểu là 1 tháng đối với các tội : khai man hồ sơ khai báo, cho mượn nhân báo, mại lỵ các thể nhân, và pháp nhân (không kể Tổng Thống), không tuân theo các điều kiện về phát hành hoặc phát hành báo trước giờ ấn định.

Những vi phạm khác cũng được Sắc Luật 007 trừ liệu hình phạt quá nặng. Như sẽ bị tù từ 6 tháng đến 3 năm hoặc từ nửa triệu đồng đến 5 triệu đồng nếu xuất bản báo mà không khai, dung báo chí xúi giục người khác xâm phạm an ninh Quốc-gia, xúi giục quân nhân bất tuân kỷ-luật quân-đội, mại lỵ Tổng Thống, Phó Tổng Thống VNCH, phi bang Quốc-Trưởng, Đại-Sứ các Quốc gia bạn.

Sẽ bị tù từ 1 năm đến 3 năm và phạt vạ từ 1 triệu đến 5 triệu đồng nếu phi bang Tổng Thống, Phó Tổng Thống VNCH, loan tin thất thiệt hay có thất nhưng với dụng ý nhằm làm suy giảm tinh thần chiến-dấu của Quân-đội (Đ.28). Và đặc biệt hình phạt cao hơn hết là vi phạm Điều 29 (đề cáo Cộng-San), sẽ bị tù từ 2 năm đến 5 năm và bị phạt vạ từ 1 triệu đến 5 triệu đồng.

Với những khoản phạt vạ cao như vậy, Sắc Luật còn buộc Báo-chí phải nộp ngay sau khi có ban an Chung-tham. Nếu không, tờ báo coi như tự đình bản (bởi số tiền phạt vạ này sẽ bị khấu trừ trong số tiền ký quỹ xin xuất bản, và nếu không nộp cho đủ lại số tiền ký quỹ này, tờ báo coi như tự đình bản). Ngoài ra còn khắt khe hơn nữa khi buộc rằng muốn thương tố, báo chí phải ký quỹ trước số tiền nộp phạt. Nếu không đủ tiền nộp phạt trước, coi như không còn quyền thương-tố. Dụng như nhận định của Nhật-bao Chính-luận mà chúng tôi đã trích lại ở Chương " Quyền Xuất Bản " :

...../.....

"... Việc đặt nặng điều kiện tiên trong việc sử dụng quyền tự do ngôn luận và báo chí không thể không bị hiểu như quyền này chỉ được dành cho kẻ cơ tiên ..." (1)

Đoạn 4 : V CHẾ ĐỘ BÁO CHÍ TRONG THỰC TẾ

Đối với người làm báo tại Việt-Nam, trọng hiện tại mỗi quan-tâm lớn lao hơn hết đối với họ là làm sao tránh khỏi vi phạm luật-lệ với những biện pháp chế tài qua khắt khe, nhất là kể từ sau ngày 4.8.1972.

Hơn một tháng sau ngày Qui Chế Báo Chí ra đời, ngày 17.2.1970 chính phủ cho thiết lập một Ủy-Ban được mệnh danh là Ủy Ban Đặc Trách Báo-Chí Liên Bộ nhằm theo dõi các nhật báo và tạp chí xuất bản tại Saigon - Gia Định, để ngăn ngừa những vi phạm an ninh quốc gia, trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục - Ủy Ban có nhiệm vụ thi hành các biện pháp chế tài Hành Chánh được dự liệu trong Qui-Chế Báo Chí mới vừa được ban hành. Thành phần của Ủy Ban gồm Ông Thủ Trưởng Nội Vụ làm Chủ-Tịch, một Đại diện Bộ Tư Pháp làm Hội viên, Giám Đốc Nha Báo-Chí Bộ Thông Tin cũng là Hội Viên; Giám Đốc Nha Chính-Trị Bộ Nội Vụ là thuyết trình viên. Sự có mặt của cơ quan này đã bị báo giới kịch liệt phản đối nên đến 2.3.1970 Ủy-Ban được cải danh là "Ủy-Ban Đặc Trách thi hành Điều 19 Qui Chế Báo Chí". Ủy Ban này cũng không tồn tại được bao lâu. Đến 10.4.1970 Thủ Tướng phải giải tán bằng Sắc Lệnh số 36.SL/T.HT/PC1.

Và kể từ 10.4.1970, để thi hành những biện pháp chế tài đối với báo chí vi luật, hạ cơ quan được qui định có nghĩa vụ là Bộ Thông Tin, Bộ Nội Vụ và các Tòa Án.

Bộ Thông Tin (qua Nha Báo Chí) điếm báo ngay sau khi các báo nộp bản. Cơ quan này sẽ khuyến cáo các báo đượ bỏ những bài xét ra có thể vi-luật 019/69. Đồng thời sẽ thông báo cho Bộ Nội Vụ để yêu cầu tịch thu và truy tố báo nào vẫn tiếp tục cho đăng những bài ấy.

Bộ Nội Vụ (Nha Chính Trị) sẽ ra lệnh cho cơ quan Hành chánh và Cảnh Sát tịch thu báo vi-Luật, sau đó lập thủ tục truy tố chiếu theo đề nghị của Bộ Thông Tin trong hạn 8 ngày, kể từ ngày tịch thu.

Bộ Tư Pháp (Biện Lý Cuộc Tòa Sơ Thẩm) phát động quyền công tố, đưa các vụ vi phạm ra Tòa xét xử.

Để hiểu rõ thực trạng quyền tự do ngôn-luận của báo chí Việt-Nam, ta sẽ xét hai vấn đề tiêu biểu nhất : Việc nộp bản và việc tịch thu.

..... /

(1) Chính-Luận, số ra ngày 7.8.1972 tr.1

1/- Ý nghĩa việc nộp ban :

Cả Hiến Pháp và Luật Pháp đều không chấp nhận việc kiểm duyệt báo chí. Nhưng qua các trang báo, người ta vẫn thấy những khoản bị đục trắng. Và thường trên các khoảng bị đục trắng ấy, độc giả cũng đọc được câu "Toà soạn tự ý đục bỏ". Vậy sự thật ra sao ?

Theo Quy Chế Báo-Chí mà ta đã khảo sát ở các đoạn trước, các nhật báo và Tạp-chí định kỳ bị bắt buộc phải nộp ban trước khi được phép phát hành. Và tờ báo chí được đem ra khỏi nhà in để phát hành sau khi nộp ban tại Nha Báo Chí Bộ Thông Tin sớm nhất là 4 giờ đối với nhật báo và 24 đối với tạp-chí định kỳ (thời gian này trước ngày 4.8.1972 là 2 giờ và 6 giờ). Việc ấn định một thời gian quá lâu từ khi nộp ban đến khi phát hành là để Nha Báo-Chí Bộ Thông Tin có đủ thời giờ điểm báo, ngõ hầu kịp thông báo cho Bộ Nội Vụ tịch-thu trước khi tờ báo phát hành.

Với những khoảng trắng bị đục trên báo, độc giả liên-tưởng đến hình thức kiểm duyệt trước kia. Thực ra, hiện nay, báo chí không còn phải nộp ban vô (norasse) cho Bộ Thông Tin kiểm duyệt như trước, để rồi Bộ này có toàn quyền đục bỏ những bài vở mà chính quyền không muốn cho dân chúng biết đến. Thay vào chế độ đó, báo chí hiện nay chỉ phải nộp ban (tức báo đã in xong) cho Bộ Thông Tin mà thôi. Trong khi điểm báo Bộ Thông Tin sẽ "khuyến cáo" ngay cho Toà soạn nên đục bỏ những bài vở hay những đoạn nào xét ra có thể vi-luật 019/69. Như vậy, theo Nha Báo Chí sẽ có lợi hơn cho báo-chí vì chính quyền đã giúp báo chí tránh được việc bị tịch thu và truy tố ra Toà. Nhưng theo Ông Giám Đốc Nha Báo Chí Phủ Tổng Ủy Dân Vận (Bộ Thông Tin Cựu), thì "đa số trường hợp bị đục trắng hiện nay không phải là do khuyến cáo của Nha Báo Chí, mà chỉ do Toà Soạn tự ý đục bỏ, sau khi họ đã tự kiểm soát bài vở lại và sợ rằng có thể bài ấy vi-luật" (1).

Về vấn đề báo bị đục trắng này, khi được hỏi lý do, Ông Ngô Khắc Tĩnh khi con làm Tổng Trưởng Thông Tin đã trả lời như sau :

" Nước mình đã có Hiến Pháp, đã có Quy-Chế Báo-Chí hẳn hoi. Bộ Thông Tin luôn luôn lấy đó làm tiêu chuẩn làm việc trong sự dung hòa. Nhưng, có một vài tờ báo đăng những bài vở trái với Điều khoản của Hiến-Pháp và Quy-chế Báo Chí thì Bộ Thông Tin phải đục, phải kiểm duyệt. Việc kiểm duyệt đầu phải là tra hình, nhưng Bộ Thông Tin không muốn báo bị tịch thu... Việc làm này cũng chỉ mong báo vở Hiến Pháp" (2).

..... /

(1) Ông Trần Hữu Triết. Giám Đốc Nha Báo-Chí, Phủ Tổng Ủy Dân Vận, phỏng vấn (Saigon : 19.4.1973).

(2) Nhật báo Chính Luận số ra ngày 1.12.1970, tr.3

Lời tuyên bố không khéo léo trên của Ông Tổng Trưởng Thông Tin đã khiến người ta nghĩ ngay rằng nộp ban là một hình thức đưa đi kiểm duyệt. Bởi một bài báo được Bộ Thông Tin Khuyến cáo nên đưa bỏ mà Tòa soạn vẫn cố duy trì tất nhiên tờ báo sẽ bị tịch thu và truy tố ra Tòa. Tờ báo sợ bị tịch thu và phạt tù nên đành phải nghe theo lời khuyên của Bộ Thông Tin. Do đó người ta nghĩ ngay rằng hình thức của Bộ Thông Tin như là một sự kiểm duyệt. Nhưng với thể lệ nộp ban nay, dù sao Báo chí cũng vẫn còn được tự do quyết định trong việc đăng hay không bài vở của mình, tuy rằng đã có khuyến cáo của Bộ Thông Tin. Báo chí vẫn còn hy vọng ở sự phán quyết của Tòa Án. Như vậy, báo chí vẫn có quyền nói, có quyền viết theo ý họ, nhưng phải chịu trách nhiệm trước Tòa Án về những điều họ đã viết. Suy xét kỹ thì Bộ Thông Tin vẫn không có quyền gì trong việc cho phép hay không cho phép báo chí đăng bài vở của họ.

Ngày nay, không một quốc gia nào tự hào là có dân chủ lại duy trì chế độ kiểm duyệt. Kiểm duyệt là không cho báo chí được tự do loan những tin mà chính quyền không muốn cho dân chúng biết. Chế độ kiểm duyệt báo chí là bị suy tàn theo lý thuyết chuyển quyền báo chí mà ta đã bàn ở phần trước. Nếu ngày nay, tại các quốc gia cộng đồng mạng, để kiểm soát tin tức trước khi được phổ biến trong quần chúng, chính quyền nào cũng áp dụng thể lệ nộp ban nhiều giờ trước khi phát hành. Trong khi đó, tại các quốc gia có mức độ dân chủ cao, báo chí có quyền phát hành cùng lúc với việc nộp ban. Tại các quốc gia này, việc nộp ban chỉ nhằm mục đích giúp Tòa Án có chính bản để làm bằng khi có vụ tranh tụng liên hệ đến tờ báo, và giúp văn-khố quốc gia có tài liệu lưu trữ cho các học giả sưu tầm.

Việc ấn định thời gian quá lâu từ lúc nộp bản đến lúc được phép phát hành, đối với báo chí Việt Nam đã khiến tin tức mất đi tính cách sống dẻo của nó. Mà một trong những đặc tính cần ban khiến cho tờ báo có giá trị là tin tức phải sống dẻo. Do đó, đối với độc giả ở Saigon Gia-Định, những tin tức quốc cũng mà họ có thể đọc được trên nhật báo đã xảy ra trước đó ít nhất là 6 giờ. Riêng những tin tức xảy ra sau 12 giờ trưa, độc giả ở Saigon - Gia Định phải đợi đến 17 giờ hôm sau mới đọc được qua báo chí (1). Riêng đối với độc giả ở các Tỉnh xa, đến trưa hôm sau mới đọc được những tin cuối cùng đã xảy ra trước 12 giờ trưa hôm trước đó.

2/- Vấn đề chế tại báo chí :

Điều 19 (qui Chế Báo Chí) cho phép Ông Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ (đối với Saigon - Gia Định) hay tỉnh, Thị Trưởng (đối với báo xuất bản

(1) Theo sự thỏa hiệp giữa các phát báo và Bộ Thông Tin, các Nhật báo sẽ nộp bản vào lúc 13 giờ và phát hành vào lúc 17 giờ.

ở địa phương) có quyền ra lệnh tịch thu một tờ báo trước khi hay trong khi lưu hành.

Với những tội danh quá mơ hồ được qui định trong Quy Chế Báo Chí; trong những năm qua chính quyền triệt để thi hành Điều 19 trên đối với báo-chí. Hầu như ngày nào cũng có ít nhất một tờ báo bị tịch thu. Số vụ bị tịch thu tăng dần theo thời gian kể từ ngày Quy Chế Báo Chí ra đời: trung bình 6 vụ mỗi tháng khi Ủy Ban Đặc Trách Báo Chí làm việc, tăng lên trung bình 50 vụ mỗi tháng trong năm 1970, đến 70 vụ mỗi tháng trong năm 1972 và 100 vụ mỗi tháng trong năm 1972. Năm 1971, có tổng cộng 857 vụ bị tịch thu. Sang năm 1972, con số báo bị tịch thu tổng cộng lên đến 1.178 vụ, chia ra như sau:

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số vụ bị tịch thu	59	19	45	150	68	109	136	166	176	128	94	28

Số vụ báo bị tịch thu trong năm 1972 (1)

Những tờ báo có khuynh hướng đối lập thường bị tịch thu nhiều nhất. Điển hình là Nguyệt San Đối Diện (do Linh Mục Chân Tín làm chủ nhiệm): Trong 39 số đã xuất bản cho tới khi Sắc Luật 007-PT/SLU ra đời thì đã có 27 số bị tịch thu. Nhật báo Tin Sáng (do Dân Điều Ngô Công Đức làm chủ nhiệm): 154 số bị tịch thu trong năm 1971 trên 310 số xuất bản. Nhật báo Điện Tín (do Nghi Sĩ Hồng Sơn Đông làm chủ nhiệm): 113 số bị tịch thu trong năm 1971. Nhật Báo Luận Đạn (do nhà văn Thế Nguyên Trần Gia Thơi làm chủ nhiệm) lần đầu xuất bản ra được 20 số thì bị tịch thu 10 số, sau đó, nghi một thời gian, tục bản lại được 36 số thì bị tịch thu 18 số (vào thượng bán niên 1972).

Qua bảng liệt kê trên, chúng ta nhận thấy trước tháng 9.1972 (tức là trước khi ban hành Sắc Luật 007) số vụ bị tịch thu tăng dần và số này giảm sút rõ rệt sau khi Sắc Luật 007 ra đời với những chế tài khắt khe hơn. Và con số tịch thu cũng rất lớn so với số nhật báo phát hành (2). Tìm hiểu lý do qua những vụ tịch thu tương đối cao này, trước hết chúng ta phải kể về phía báo chí: thách làm những gì bị cấm đoán; và sau đó, về phía chính quyền: tịch thu bừa bãi.

(1) Nhật báo Chính-Luận, số ra ngày 26.1.1973, tr. 2

(2) Số Nhật báo trước ngày 15.9.1972 là 29 và sau ngày ấy là 19 (Việt ngữ).-

Về phía báo chí, chính tâm tâm nhà báo thích mạo hiểm. Ai đã từng làm báo, dù yêu nghề hay không, cũng đều mang tâm trạng là thích tiên sát vào biên giới của sự cảm đoán, nhưng cố tránh vi phạm những cảm đoán này. Thông Tin thì cố loan những gì sát gần sự thật mà chính quyền muốn dấu quan chung. Bình luận thì khách quan, vô tư đã đành, nhưng cũng cố tìm những lý luận vững chắc để trêu chọc chính quyền càng nhiều càng hay. Giải trí độc gia thì cố làm sao cho độc gia thích thu. Tâm lý quan chung cũng vậy: thích những gì bị cảm đoán, dù biết rằng nó xấu. Những tin tức mà chính quyền càng muốn dấu thì quan chung lại càng muốn biết. Bình luận đúng đắn là một điều tốt mà quan chung muốn nghe; nhưng bình luận về những sự việc có thật mà chính quyền muốn dấu lại càng khiến cho quan chung thích hơn. Giải trí cũng vậy. Đa số quan chung quan niệm rằng đa gọi là giải trí thì phải gây nên nhiều thích thu. Mà thời thường, đối với đa số, thích nghe những gì càng đi xa biên giới của thuyên phong mỹ tục. Lợi dụng những thị hiếu này của độc gia, thêm vào đó là tâm trạng sẵn có của người làm báo, báo chí Việt Nam thường dễ bị vi luật. Nhưng tờ báo đứng đắn thì vi-luật cách khác, những tờ báo gọi là lá cải thì vi-luật cách khác. Những tờ đứng đắn thì thường bị tịch thu vì có ý loan những tin và bình luận về những điều bất lợi cho chính quyền, dù đó là sự thật. Những tờ báo kem giá trị thì thường bị tịch thu vì bop meo sự thật, bình luận quang xiên, khích động dâm ô. Cả hai trường hợp đều bị tịch thu: một đang vì chính quyền, một đang vì quan chung.

Về phía chính quyền cũng đã có trách nhiệm trong việc tịch thu lên đến con số khá cao trong những năm qua. Thực vậy, tuy rằng với sự gò báo xuất bản sau ngày ban hành Sắc Luật 007 là chúng báo nhiều và rằng được nhiều thời giờ điếm báo hơn trước, nhưng Nhà Báo Chí Bộ Thông Tin (nay là Phủ Tổng Ủy Dân Văn) vẫn không kiểm soát chu đáo được bại vỡ. Hoàng hồ trước ngày 15.9.1972 (qui chế Báo Chí chưa bị sửa đổi) với thời gian điếm báo qua hợp (2 giờ cho nhật báo và 6 giờ cho báo định kỳ), và với sự gò mặt của 47 Nhật báo (kể cả báo ngoại ngữ) và 123 báo định kỳ, chắc chắn Nhà Báo Chí sẽ bị tràn ngập. Do vậy, việc thẩm định bại vỡ - xem có thể vi luật hay không - phải nặng nhiều sơ xuất. Trong khi đó, ý niệm về tội trạng được qui định ở Luật 019/69 lại quá rộng rãi, mơ hồ, khiến cho người điếm báo dễ chu quan trong việc thẩm định tội trạng. Thêm vào đó, Luật đã không tiên liệu một chế tài nào đối với viên chức chính quyền quyết định tịch thu bừa bãi. Do đó, có thể viên chức quyết định tịch thu báo quan niệm rằng thả tịch thu sai lầm hơn là để thượng cấp khiển trách khi có một bại báo nguy hại được phổ biến.

Sự kiện có rất nhiều tờ báo được Tòa án tha bổng hay miễn nghị khi đưa ra xét xử đã chứng tỏ việc tịch thu bừa bãi của chính quyền (dựa trên tiên đề là Tòa Án xét xử vô tư và đúng luật). Như trong Sậu tháng cuối năm 1972, trong tổng số 728 vụ vi phạm báo chí được xét xử trước Tòa án, đã có 172 vụ được Tòa miễn nghị hay tha bổng, tức vào khoảng 23%. Con số 23% này có thể được coi như mức độ tịch thu bừa bãi của chính quyền. Nghĩa là trung bình trong 4 vụ tịch thu có 1 vụ được coi như tịch thu không chính đáng.

...../.....

Năm	Tháng	Ngày	Số vụ xét xử	Số vụ được tha bổng hay miễn nghị
1972	7	Từ 1 đến 22	136	22
	8	- 1 - 31	192	30
	9	- 1 - 30	197	42
	10	- 1 - 31	104	28

Số vụ vi phạm báo chí được xét xử và tha bổng từ tháng 7 đến tháng 10 năm 1972 (1)

Về những lý do luật định đã khiến báo chí bị tịch thu và truy tố, đa số là vi phạm các Điều 27, 28, và 29 Luật 019/69, tức những điều khoản cấm đoán báo chí xui giục phạm tội, làm phương hại an ninh quốc gia, đề cao Cộng sản v.v... Riêng hai tội danh (làm phương hại an ninh quốc gia và trật tự công cộng "Đ.28, đoạn a Quy Chế Báo Chí" và "đề cao Cộng sản" (Đ.29) là hai tội mà báo chí thường bị truy tố nhiều nhất, và cũng là hai tội bị trừng phạt nặng nhất theo luật 019/69. Trong khi đó, thực tế sinh hoạt báo chí Việt-Nam cho chúng ta thấy có một Điều khoản của Luật 019/69 thường bị báo chí vi phạm nhiều nhất mà lại ít bị truy tố nhất, đó là điều 35. Theo Điều này, báo chí bị cấm phê bình các bài viết, các tranh ảnh, hình vẽ có tính cách xúc phạm thuần phong mỹ tục. Như chúng ta đã bàn ở trên, những tờ báo kèm gia trí đã cố khai thác những chuyện dâm-ô tục tiếu để báo bán chạy, thế nhưng thỉnh thoảng mới có một vụ/vi phạm Điều 35 Quy-chế Báo-chí. Những ai thường quan tâm tới vấn đề đạo đức chắc hẳn phải quan ngại về sự kiện này.

Để kết thúc đoạn "Chế tại báo chí" này và cũng để kết thúc chương bản về Tự Do Ngôn Luận của báo-chí, chúng tôi xin tường-thuyết lại một phiên Tòa xử báo chí để chúng ta có thể nhận xét rõ hơn về thực trạng của quyền này : (2)

Nhật báo Điện Tín số ra ngày 16/8/72 có đăng một tài liệu thống kê của Bộ Quốc Phòng Mỹ và của Viện Đại Học Cornell về số lượng bom mìn Mỹ đã dội ở Đông Dương. Tờ báo đó do bị tịch thu và truy tố ra Tòa an Quân Sự tại trận Biệt Khu Thủ Đô. Tòa đang xử ngày 22.9.1972. Ông Hội Thẩm Hà Như Vinh ngồi ghế Chánh Thẩm cùng với 4 vị Phụ-Thẩm quân sự. Hàng truyền hình CBS của Mỹ có thâu hình 15 phút trong phiên xử này.

...../.....

(1) Tài liệu của Nhật Báo Chính Luận.

(2) Theo Nhật Báo Chính Luận số ra ngày 23.9.1972.

Trong phần tranh luận, Tòa hỏi Đại diện Bộ Nội Vụ cho biết lý do truy tố bại bại. Đại Diện Bộ Nội Vụ trả lời rằng tờ Điện Tín đưa ra một con số qua lộn gấp mấy trăm lần trái bom nguyên tử ở Nhật và ở mấy chiến trường khác, do đó gây hoang mang dư luận và có thể phương hại an ninh quốc gia. Nhưng đến khi Tòa hỏi Bộ Nội Vụ có thể đưa ra những con số nào hợp lý để so sánh không, thì Đại diện Bộ Nội-vụ lắc đầu. Được hỏi về xuất xứ của tài liệu thống kê, Luật-sư của tờ Điện Tín, Ông Bùi Chánh Thời, xuất trình tài liệu của Ủy và nói rằng đang lẽ không xuất trình vì qui chế Báo-chỉ cho phép giữ bí mật xuất xứ nguồn tin.

Qua lời buộc tội, Ủy-Viên Chánh Phủ nói rằng tự do báo chí phải được hạn chế nếu có hại cho an ninh quốc gia. Tài liệu có thật hay không, nhưng nếu có hại cho an ninh quốc gia là phạm tội. Cuối cùng Ủy Viên Chính phủ xin Tòa đình bản vĩnh viễn Tờ Điện Tín. Luật sư Thời cho rằng : " Trong tội phạm Báo-chỉ, yếu tố phổ biến là quan trọng nhất. Nhưng biên bản tịch thu của Bộ Nội-vụ có ghi rõ rằng báo bị tịch thu ngay tại nhà in. Báo số ngày 15.8.72 mà Bộ Nội Vụ tịch thu từ ngày 15.8.72, không một số nào còn lại, thì làm sao có yếu tố phổ biến ghi ở Điều 28 đoạn a Qui Chế Báo Chí (1). Luật cho rằng có phổ biến thì mới buộc tội được. Luật Báo chí 1881 sau được sửa đổi vào năm 1945 giải thích rõ ràng muốn viết gì thì viết, nhưng nếu chưa phổ biến thì vẫn còn nằm trong tư tưởng, chưa thể thành tội phạm được và không thể trừng phạt được. Người làm báo chỉ mong được nghe thế nào là gây hoang mang, là phương hại an ninh quốc gia, nhưng không hề được nghe giải thích. Người ta tịch thu báo rồi mới đi tìm lý do truy tố. Tiêu cực mà nói thì báo chí phải tuân hành qui-chế báo-chỉ, nhưng về mặt tích cực thì báo chí phải thông tin trung thực và đầy đủ cho quần chúng".

Để kết luận, Luật sư Thời xin Tòa tuyên phạt rằng tội phạm không thành và đày Quốc gia Việt Nam do Bộ Nội Vụ phải bồi thường 1.200.000\$00 thiệt hại, vì đã tịch thu 32.000 số báo Điện Tín.

Thiếu Tá Ủy-Viên Chánh Phủ kết luận thêm rằng : "Báo Điện Tín đã không chứng minh tài liệu ngoại quốc phổ biến có xin kiểm duyệt hay chưa. Đòi phạt tố ngay là quá sớm vì đã biết được tha đâu ? Ban Văn to chức Tòa Quân Sự không cho phép đòi bồi thường vậy phải dành quyền bồi thường cho một Tòa án khác ". Luật Sư Thời trả lời rằng Điều 20 (mới) Qui Chế Báo Chí đã nói rõ là có thể phạt tố đòi bồi thường ngay ở trước Tòa (luật lại không ghi rõ là Tòa nào) cho nên ông mới xin bồi thường.

...../.....

(1) Điều 28 đoạn a Luật 019/69 : "Không được dùng báo-chỉ để phổ biến các luận điệu, các tin tức thất thiệt hoặc các tin tức có thật nhưng với dụng ý, có thể gây ra một trong những tác dụng sau đây :
 a)- Làm phương hại nền an ninh quốc gia hay trật tự công cộng;"
 b)-

Sau 60 phút nghị-án, Tòa tuyên phạt Quan-Lý Báo Điện Tín (Vị chủ nhiệm báo này là Nghị-Sĩ Hồng Sơn Đông được hưởng quyền đặc miễn tại phan) một năm tù ở và một triệu đồng tiền phạt.

Tờ báo sau đó có nộp đơn thượng-tố lên Tối-Cao Pháp-Viện hay không, chúng tôi không rõ. Nhưng nếu muốn thượng-tố, phải nộp một triệu ký quỹ tiền phạt và chỉ trong hạn ba ngày thôi.

o
o o

THUYẾT - LUẬN

Kể từ khi người Pháp đặt chân thống trị lên đất nước ta, bao nhiêu, chính-quyền nối tiếp nhau đã có một quan-niệm sai-lạc về vai trò của báo-chí.

Bi ảnh hưởng nặng nề bởi lý-thuyết chuyên quyền về báo-chí, các chính-quyền trong hơn 100 năm qua vẫn luôn quan niệm báo-chí có nghĩa vụ phải ủng-hộ và đề cao chính-sách của chính-phủ đương quyền, ngo hầu chính phủ có thể hoàn tất những mục tiêu của mình. Nhưng mục tiêu ấy lúc thì nhằm phục vụ bọn thực dân ngoại-quốc, lúc lại phục vụ các nhà độc-tai ban xứ.

Theo đà tiến-hóa của lịch sử nhân loại, và trước nhu cầu dân chủ-hóa các sinh hoạt chính-trị quốc-gia, Hiến-Pháp 1.4.1967 ra đời với sự thành lập nền Đệ Nhị Cộng-Hoa, Báo chí được quan niệm đứng đắn hơn.

Kinh nghiệm của 100 năm báo-chí bị kiềm hãm dưới thời Pháp thuộc và của những tháng ngày báo-chí được tự do quá trớn sau Cách-Mạng 1.11.1963 đã khiến các nhà cầm quyền thời Đệ Nhị Cộng-Hoa có một quan niệm dung-hòa về vai trò của báo-chí. Thực vậy, nhà cầm quyền không bao giờ có thể tin rằng báo-chí Việt-Nam có thể áp dụng thành-công " Lịch trình tự-chính " mà John Milton và các lý-thuyết gia về tự do báo-chí đã đề ra. Cũng vậy, đối với nhà cầm quyền hiện hữu, việc duy-trì một chính sách độc-tai về báo-chí lại càng không được chấp nhận trước trao-lưu tiến-hóa của nhân loại và trước nhu cầu phát triển quốc gia trên mọi phương diện. Do đó, một quan-niệm dung-hòa được áp dụng dựa trên lý thuyết trách nhiệm xã-hội của báo chí. Nhưng chính-quyền vẫn còn quan niệm một quyền tự do báo-chí qua tiêu cực nện lý thuyết trách-nhiệm xã-hội về báo-chí lại không được áp dụng đúng mức.

Thực vậy, đối với quyền xuất bản, tuy rằng báo-chí được tự do khá rộng-rai, nhưng chính quyền không tạo ra những điều kiện dễ-dàng để quyền tự do này được hành-sử đúng mức. Vấn đề giấy in, bao là một vấn đề gây khó khăn kinh-niên cho người làm báo và ảnh hưởng không nhỏ đến quyền đọc báo của quần chúng. Việc ấn định một số tiền ký quỹ qua cao trong các điều kiện để được xuất bản báo cũng là một khó khăn đối với người không đủ phương tiện tài chánh.

Về quyền phát hành, tuy được công nhận như một quyền tự do và việc hành sử quyền này trong thực tế vẫn không bị những trở ngại nào. Nhưng vấn đề kiện tài chánh - Với số tiền ký quỹ qua cao - làm nản lòng người muốn đứng ra kinh-doanh bằng nghiệp vụ này. Thêm vào đó, không có một dự liệu chế tài nào đối với những hành vi nhằm bóp nghẹt

hạn chế việc phổ biến báo-chí. Do vậy, báo-chí coi như không được bao đảm trọn vẹn quyền phổ biến, quần chúng coi như có thể bị đe dọa không được hưởng quyền đọc báo, và đọc tất cả báo mà họ thích.

Quyền hành nghề kỹ giả được tự do hơn trước rất nhiều. Thế nhưng trong thực tế, chính quyền vẫn chưa tôn trọng đúng mức cái quyền được mệnh danh là quyền thứ tư trong sinh-hoạt dân chủ sau ba quyền Lập Pháp, Hành-pháp và Tư-pháp. Thiệt chí của nhà cầm quyền trong việc cho phép thiết lập một Hội-Đồng Báo-chí là một điều đáng hoan nghênh. Nhưng chính quyền không thực-tâm tôn trọng cơ chế pháp-định này. Thiết tưởng chính quyền nên có một quan niệm hợp lý hơn về vị thế của Hội-Đồng Báo-Chí trong tương lai. Hình ảnh một Charler Perlik, Chủ Tịch Nghiệp Đoàn Báo-Chí Hoa Kỳ lớn tiếng kêu gọi Tổng Thống Nixon nên xin lỗi báo-chí Mỹ về những điều mà ông ta gọi là to, cao sai lạc và vu-không báo giới, cũng như hình ảnh một Nixon - qua phát ngôn nhân của mình - đã xin lỗi tại Washington Post trước mặt tất cả các nhà báo tụ-tập ở Hoa Thịnh Đốn về vụ Watergate mới đây, đã cho ta thấy một chính phủ mạnh nhất thế giới đã tôn trọng báo giới như thế nào.

Sau cùng, quyền tự do ngôn-luận vẫn còn được chính quyền quan niệm qua tiêu-cực. Chính quyền đã qui định trách nhiệm báo chí qua nặng trọng khi thi hành sứ mạng của mình bằng những chế tài vi-phạm qua khắt-khe. Thêm vào đó, chiêu bài báo về an-ninh quốc gia được chính quyền sử dụng trong qua nhiều trường hợp để đối phó với báo chí đã khiến cho báo chí hạnh-sự quyền tự do ngôn-luận với qua nhiều đơ-dặt. Bởi đó, báo chí đã không làm trọn sứ mạng của mình một cách trọn vẹn được.

Để có thể khỏi bị những chế tài qua nghiêm ngặt với những tội phạm mà chính quyền suy đoán qua rộng rãi, báo-chí chỉ dám lo an nhưng tin thuận lợi cho chính quyền hoặc những tin không thể gây một hậu ý chính-trị nào. Bình-luận cũng có làm sao để khỏi bị hiểu lầm là đã tiếp tay với Cộng-sản làm phương hại nền an-ninh quốc gia, trật tự công cộng v.v... Chỉ còn một sứ mạng mà báo-chí xét ra ít bị hạn chế hơn hết : giải trí quần chúng. Tuy rằng luật-lệ vẫn cấm đoán việc gây phương-hại đến thuần-phong mỹ tục, nhưng sự phán đoán của chính quyền trên lãnh vực này tương đối cởi mở hơn. Do đó báo-chí, nhất là đối với những tờ báo không có y-thức trách-nhiệm cao, đã đua nhau khai-thác những chuyện dâm-ô, khuyến-khích cơ báo v.v...

Từ đó, quyền tự do ngôn-luận của quần chúng cũng bị hạn chế. Tuy rằng luật pháp đã bao đảm cho quần chúng quyền được thông tin chính xác, bình luận vô-tư. Nhưng việc thông tin - qua báo chí - không được đầy đủ, và công-luận được phổ biến thiếu sót trên báo-chí trong thực-tế.

Với thực trạng của quyền tự do báo-chí như chúng ta vừa kể, thiết tưởng chính quyền nên quan niệm một quyền tự do tích cực hơn. Nên tạo cho báo chí những điều kiện thuận lợi hơn trong mọi lãnh-vực xuất bản, phát hành, hành nghề kỹ giả và ngôn-luận. Nên bãi bỏ những điều kiện khắt khe nhằm hạn chế quyền xuất bản và phát hành. Nên bao-

đảm cho việc phổ biến báo-chỉ được sâu rộng, nhanh chóng và công bình. Nên tôn trọng báo chí nhiều hơn nữa. Và sau cùng, nên làm nhẹ bớt cái trách nhiệm qua nặng nề mà chính quyền đã đặt lên vai báo-chỉ khi họ thi hạnh sự mạng. Lý thuyết trách nhiệm xã-hội đã khuyến khích chính quyền nên làm như thế. Bu lại, chính báo chí sẽ làm tròn những nghĩa vụ của mình hơn trong việc tuân phục những qui tắc nhằm thực thi trách nhiệm đối với sự an-lạc chung như : độc-lập, thành thật, xác thực, vô tư, tôn trọng thanh danh, đời sống riêng tư của cá nhân và thuần phong mỹ tục. Công chúng sẽ tiếp tay với báo-chỉ trong việc giúp đỡ chính báo-chỉ làm tròn những nghĩa vụ trên. Lý thuyết trách nhiệm xã hội về báo-chỉ đã kêu gọi như thế và chính chúng tôi cũng tin tưởng như thế.

Ngày nay, khả năng phán-đoán về chính trị của công chúng đã tỏ ra cao hơn ngày trước nhiều. Chúng tôi tin rằng "liệt trình tự chính" của John Milton và các lý-thuyết-gia tự do sẽ ra có thể áp dụng được tại Việt-Nam trong giai đoạn hiện tại, với những sự đe dọa can thiệp ngay cả trong thời bình. Đặc biệt trong thời chiến, nên duy trì chính sách báo-chỉ theo như sự qui định ở Luật 019/69 (lúc chưa bị sửa đổi bởi Sắc Luật 007-TT/SLa ngày 4.8.1972) với một vai tu chính xây dựng hơn.

Trong một tương lai thật gần, một giải pháp chính trị cho Việt Nam Cộng Hòa sẽ được dàn xếp giữa chính quyền và Việt-Cộng. Một vấn đề khó khăn lớn sẽ đặt ra cho chính quyền là nên có một chính sách báo-chỉ thế nào để có thể vừa ngăn cản sự bành trướng chủ nghĩa Cộng sản vừa phù-hợp với quan-niệm xây dựng một nền báo-chỉ tự do ở miền Nam Việt-Nam nay.

Chúng tôi tin tưởng chính quyền đủ sức mạnh để thực hiện điều ấy.-

o
o o

T H U - T I C H

SÁCH :

- Clause, Roger. " LE JOURNAL et L'ACTUALITÉ " Vermiers (Belgique) - Editions Gérard et C^o.1967
- Nguyễn Đình Tuyên, dịch giả "BỐN LÝ THUYẾT VỀ BÁO CHÍ TRUYỀN HÌNH, TRUYỀN THANH, ĐIỆN ẢNH". Saigon, Việt-Nam và Thế Giới Thời Báo, 1972.
- Vovenne, Bernard. " LA PRESSE DANS LA SOCIÉTÉ CONTEMPORAINE" Paris, Armand Colin, 1971.
- Vũ Bình " BỐN MƯƠI NĂM NÓI LÃO ". Saigon, Cơ Sở xuất bản Phạm Quang Khai, 1969.

TẠP CHÍ :

- Linh Mục Chân-Tín. " DƯ LUẬN BÁO CHÍ TRƯỚC VỤ "ĐẠO LUẬT" BÁO CHÍ ". Đối Diện số 39 (tháng 9.1972)
- Nguyễn Ngọc Phách. "TRÁCH NHIỆM NGƯỜI LÀM BÁO VÀ ĐỌC BÁO TRONG HIỆN TẠI" Báo Chí Tập-San, Bộ II Số Duy Nhất, 1969.
- Nguyễn Ngũ I, "MỘT TRĂM NĂM BÁO CHÍ VIỆT-NAM". Bách Khoa số 217 (ngày 15.1.1966)
- Trần Trọng Phú, "Sắc Luật 007 VÀ BỘ MẶT MỚI CỦA BÁO CHÍ MIỀN NAM". Trình bày, Số 42 (ngày 2.9.1972)
- Tuấn Việt, " QUYỀN TỰ DO THÔNG TIN BÁO CHÍ TẠI CÁC NƯỚC CHÂM TIÊN Á-PHI " Quê Hương, số 34 (tháng 4/1962)

NHẬT-BÁO :

- Đặng Văn Sung, "TIỀN... ĐỊNH". Chính Luận 7.8.1972. Trang 1
- Trần Tấn Quốc, " BẠ VỤ TÀN SÁT TẬP-THỂ BÁO CHÍ ", Đuốc Nhà Nam các số từ 13 đến 18.8.1972, Trang 1.
- Tị nạn liên hệ tới vấn đề rai rác trên các nhật-báo xuất bản tại Saigon từ 1970 đến 1973.

TÀI PHẠM CỦA CHÍNH PHỦ : (Bộ Thông Tin cũ ấn hành)

- Bản HIỆN PHÁP VIỆT NAM CỘNG HÒA 1.4.1967
- DANH SÁCH CÁC NHẬT BÁO VÀ TẠP CHÍ ĐỊNH KỲ xuất bản trước và sau ngày 15.9.1972.
- QUY CHẾ BÁO CHÍ (Luật 019/69 ngày 30.12.1969)
- QUY CHẾ BÁO CHÍ (Luật 019/69 ngày 30.12.1969) Sửa đổi bởi Sắc Luật số 007-TT/SL ngày 4.8.1972 của Tổng Thống VNCH.
- Tập TÀI LIỆU THAM KHẢO cho Đại-Hội Báo-Chí 1970.

BÀI GIẢNG THUYẾT :

- Sinh Viên Ban Cao Học Khoa 6 Học Viện Quốc Gia Hành-Chánh, " QUY CHẾ BÁO CHÍ " Bài thuyết trình tại Lớp học Saigon, Học Viện Quốc Gia Hành-Chánh 4.3.1971.
- Nguyễn Khắc Nhân, " LUẬT HÀNH CHÁNH ", Giảng văn Ban Cao Học Khoa 7 Học Viện Quốc-Gia Hành-Chánh, niên khoa 1971-1972.
- Trần Thúc Linh, "LUẬT BÁO CHÍ", Giảng văn Ban Báo Chí Học-Viện Đại Học Dalat, niên khoa 1969 - 1970.
- Trần Thúc Linh, "NHẬN XÉT VỀ QUY CHẾ BÁO CHÍ", Diễn thuyết. Saigon, Trường Quốc-Gia Zn-Nhạc, 22.2.1970.

PHỤC TRÌNH VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP :

- Huỳnh Kim Thoại, "HIỆN TRẠNG BÁO CHÍ VIỆT NAM ", Luận Văn Tốt nghiệp Cao-Học. Saigon, Học Viện Quốc-Gia Hành-Chánh 1967.
- Toàn "ALPHA 70" Trường Chính-Trị Kinh Doanh, "NHẬN XÉT VỀ QUY CHẾ BÁO CHÍ VNCH". Phục trình tập thể tốt nghiệp, Saigon, Viện Đại-Học Dalat tháng 5, 1970.

NHỮNG TÀI LIỆU KHÁC :

- Qui Ước Báo-Chí ngày 11.5.1971, do Hội Đồng Báo-chí ấn hành
- Biên Bản Thượng Nghị Viện số 19 ngày 6.7.1969
- Biên Bản Hạ-Nghị-Viện số 21 ngày 13.5.1968
- "Góp ý về Văn Đề Thực Hiện Quyền Tự Do Báo-Chí" tài liệu cá-nhân của Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy.

PHỎNG VẤN :

- Ông ĐẶNG VĂN CHÀ, Giám Đốc Nhà Phát Hành Nam Cường, Saigon.
- Ông THÁI DƯƠNG, Tổng Thư Ký Nghiệp Đoàn Kỹ Gia Việt-Nam.
- Ông TRẦN HỮU TRIẾT, Giám Đốc Nha Báo-Chí Phủ Tổng Ủy Dân-Vận.